



CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ AN GIANG

Địa chỉ: số 839, Trần Hưng Đạo, tổ 13, khóm Bình Thới 1,
phường Bình Đức, tỉnh An Giang, Việt Nam

Điện thoại: 0296 3 953 938 - 852 969 - 854 161 - 853 051 052

Website: <https://cokhiangiang.com> * Email: cokhiangiang@agm.vn

TÀI LIỆU HỢP ĐHĐCĐ THƯỜNG NIÊN NĂM 2026

An Giang, ngày 24 tháng 4 năm 2026



CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ AN GIANG

Địa chỉ: số 839 Trần Hưng Đạo, tổ 13, khóm Bình Thới 1,
phường Bình Đức, tỉnh An Giang, Việt Nam

Điện thoại: 0296 3 953 938 - 852 969 - 854 161 - 853 051

Website: <https://cokhiangiang.com> * Email: cokhiangiang@agm.vn

An Giang, ngày 24 tháng 4 năm 2026

CHƯƠNG TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2026

Thời gian: Lúc 7 giờ 30 phút ngày 24 tháng 4 năm 2026 (Thứ Sáu).

Địa điểm: Hội trường Công ty cổ phần Cơ khí An Giang.

| THỜI GIAN | NỘI DUNG | CHỦ TRÌ |
|------------|---|--------------|
| 7h30-8h00 | Đón tiếp khách mời, đăng ký đại biểu. | BTC |
| 8h00-8h30 | Chào cờ, giới thiệu đại biểu, Báo cáo thẩm tra tư cách cổ đông, Tờ trình danh sách Đoàn Chủ tọa, Ban kiểm phiếu & Thư ký đại hội. | BTC |
| 8h30-9h45 | Thông qua Chương trình đại hội, Quy chế làm việc và cách thức biểu quyết tại Đại hội. | Đoàn chủ tọa |
| | Khai mạc Đại hội. | |
| | Báo cáo kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2025 và kế hoạch 2026 | |
| | Báo cáo hoạt động năm 2025; kế hoạch hoạt động năm 2026 của Ban Kiểm soát. | |
| | Tờ trình v/v thông qua Báo cáo tài chính riêng và hợp nhất đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2025 | |
| | Tờ trình v/v thông qua kết quả hoạt động SXKD năm 2025 và kế hoạch hoạt động SXKD năm 2026. | |
| | Tờ trình v/v thông qua phương án phân phối lợi nhuận và chi trả cổ tức năm 2025 | |
| | Tờ trình v/v thông qua chi trả thù lao của HĐQT, BKS năm 2025 và kế hoạch năm 2026. | |
| | Tờ trình v/v thông qua ủy quyền cho HĐQT đánh giá, lựa chọn Công ty kiểm toán BCTC năm 2026. | |
| | Tờ trình v/v thông qua giải thể Công ty con: Công ty TNHH MTV Xây Dựng Cầu Đường An Giang | |
| 9h45-10h05 | Thảo luận. | Đoàn chủ tọa |

| THỜI GIAN | NỘI DUNG | CHỦ TRÌ |
|-----------------|---|-----------------|
| 10h05- 10h30 | Đại hội nghỉ giải lao. | |
| 10h30- 10h50 | Biểu quyết các vấn đề tại Đại hội và thông qua Nghị quyết. | Đoàn chủ tọa |
| | Thông qua biên bản Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026. | Thư ký ĐH |
| 10h50- 11h00 | Tuyên bố bế mạc đại hội. | Chủ tọa |
| | Chào cờ. | BTC |

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT, BKS;
- Lưu P.TCHC.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



TRẦN QUÂN ANH



CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ AN GIANG
Địa chỉ: số 839 Trần Hưng Đạo, tổ 13, khóm Bình Thới 1,
phường Bình Đức, tỉnh An Giang, Việt Nam
Điện thoại: 0296 3 953 938 - 852 969 - 854 161 - 853 051
Website: <https://cokhiangiang.com> * Email: cokhiangiang@agm.vn

An Giang, ngày 24 tháng 4 năm 2026

TỜ TRÌNH
Về việc thông qua danh sách Đoàn Chủ tọa
Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026
Công ty cổ phần Cơ khí An Giang

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;
- Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Cơ khí An Giang;
- Căn cứ Quy chế nội bộ về quản trị của Công ty cổ phần Cơ khí An Giang;

Hội đồng quản trị trân trọng kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 thông qua danh sách Đoàn Chủ tọa Đại hội như sau:

- | | | |
|------------------------|----------------------------|--------------|
| 1 Ông Trần Quân Anh | - Chức vụ: Chủ tịch HĐQT | - Chủ tọa |
| 2 Ông Đồng Trọng Nghĩa | - Chức vụ: Thành viên HĐQT | - Thành viên |
| 3 Ông Lê Thanh Vân | - Chức vụ: Thành viên HĐQT | - Thành viên |
| 4 Ông Trần Văn Thái | - Chức vụ: Thành viên HĐQT | - Thành viên |
| 5 Ông Huỳnh Văn An | - Chức vụ: Thành viên HĐQT | - Thành viên |

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và biểu quyết thông qua./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT, BKS;
- Lưu P.TCHC.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



TRẦN QUÂN ANH



CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ AN GIANG
Địa chỉ: số 839 Trần Hưng Đạo, tổ 13, khóm Bình Thới 1,
phường Bình Đức, tỉnh An Giang, Việt Nam
Điện thoại: 0296 3 953 938 - 852 969 - 854 161 - 853 051
Website: <https://cokhiangiang.com> * Email: cokhiangiang@agm.vn

An Giang, ngày 24 tháng 4 năm 2026

TỜ TRÌNH
Về việc thông qua danh sách Ban kiểm phiếu
Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026
Công ty cổ phần Cơ khí An Giang

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;
- Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Cơ khí An Giang;
- Căn cứ Quy chế nội bộ về quản trị của Công ty cổ phần Cơ khí An Giang;

Đoàn Chủ tọa kính trình Danh sách nhân sự Ban kiểm phiếu như sau:

- | | | |
|--------------------------|------------------------------|--------------|
| 1. Ông Nguyễn Thành Nghê | - Chức vụ: TB. Ban Kiểm soát | - Trưởng ban |
| 2. Ông Nguyễn Đức Hiền | - Chức vụ: Thành viên BKS | - Thành viên |
| 3. Ông Nguyễn Văn Tính | - Chức vụ: Thành viên BKS | - Thành viên |
| 4. Bà Nguyễn Thanh Vi | - Chức vụ: NV phòng TCKT | - Thành viên |

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và biểu quyết thông qua./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT, BKS;
- Lưu P.TCHC.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



TRẦN QUÂN ANH



CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ AN GIANG

Địa chỉ: số 839 Trần Hưng Đạo, tổ 13, khóm Bình Thới 1,

phường Bình Đức, tỉnh An Giang, Việt Nam

Điện thoại: 0296 3 953 938 - 852 969 - 854 161 - 853 051

Website: <https://cokhiangiang.com> * Email: cokhiangiang@agm.vn

An Giang, ngày 24 tháng 4 năm 2026

GIỚI THIỆU

Danh sách Ban Thư ký Đại hội

**Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026
Công ty cổ phần Cơ khí An Giang**

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;
- Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Cơ khí An Giang;
- Căn cứ Quy chế nội bộ về quản trị của Công ty cổ phần Cơ khí An Giang;

Chủ tọa đoàn xin giới thiệu các ông/bà có tên sau đây tham gia Ban thư ký ĐHĐCĐ thường niên năm 2026:

- 1/. Bà Nguyễn Thanh Vi - NV phòng TCKT - Trưởng ban
- 2/. Ông Trần Văn Vũ - NV phòng KH-KD - Thành viên

Kính trình!

CHỦ TỌA ĐOÀN



TRẦN QUÂN ANH



CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ AN GIANG
Địa chỉ: số 839 Trần Hưng Đạo, tổ 13, khóm Bình Thới 1,
phường Bình Đức, tỉnh An Giang, Việt Nam
Điện thoại: 0296 3 953 938 - 852 969 - 854 161 - 853 051
Website: <https://cokhiangiang.com> * Email: cokhiangiang@agm.vn

An Giang, ngày 24 tháng 4 năm 2026

QUY CHẾ LÀM VIỆC VÀ CÁCH THỨC BIỂU QUYẾT TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2026

Điều 1. Mục đích

- Đảm bảo trình tự, nguyên tắc ứng xử, biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 đúng quy định của Công ty và các văn bản pháp luật có liên quan.
- Các Nghị quyết của Đại hội thể hiện ý chí thống nhất của Đại hội đồng cổ đông, đáp ứng nguyện vọng, quyền lợi của cổ đông và đúng pháp luật.

Điều 2. Phạm vi và đối tượng áp dụng

- Áp dụng cho Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 của Công ty cổ phần Cơ khí An Giang (gọi tắt là Đại hội).
- Quy định về quyền và nghĩa vụ của cổ đông, người được ủy quyền dự họp và các bên tham gia Đại hội, điều kiện, thể thức tiến hành Đại hội.
- Cổ đông, người được ủy quyền dự họp và các bên tham gia có trách nhiệm thực hiện theo quy định của Quy chế này.

Điều 3. Cổ đông tham dự Đại hội

1. Điều kiện tham dự Đại hội
Tất cả các cổ đông sở hữu cổ phần Công ty cổ phần Cơ khí An Giang hoặc những người được ủy quyền tham dự họp lệ.
2. Quyền và nghĩa vụ của các cổ đông đủ điều kiện khi tham dự Đại hội
 - a) Cổ đông hoặc người được ủy quyền đến dự Đại hội cần mang theo các giấy tờ sau:
 - Thư mời họp (nếu có);
 - Chứng minh nhân dân hoặc Căn cước công dân hoặc Hộ chiếu;
 - Giấy ủy quyền (đối với trường hợp được ủy quyền họp lệ tham dự Đại hội).
 - b) Đăng ký tham dự Đại hội: cổ đông hoặc người được ủy quyền xuất trình các giấy tờ trên cho Ban Kiểm tra tư cách cổ đông và nhận tài liệu Đại hội và 01 Thẻ biểu quyết màu vàng.
 - c) Được ủy quyền bằng văn bản cho người nhận ủy quyền tham dự và biểu quyết tại Đại hội. Người được ủy quyền tham dự đại hội không được ủy quyền cho người khác tham dự đại hội.
 - d) Cổ đông tham dự đại hội khi muốn phát biểu ý kiến phải được sự đồng ý của Chủ tọa đoàn, phát biểu ngắn gọn vào những nội dung trọng tâm của chương trình đại hội đã được thông qua.
 - e) Tham gia biểu quyết các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội theo đúng quy định.

- f) Các cổ đông, đại diện cổ đông khi tới dự Đại hội sẽ cùng thảo luận và thông qua bằng giờ cao Thẻ biểu quyết.
- g) Trong thời gian tiến hành đại hội, các cổ đông phải tuân theo sự hướng dẫn của Đoàn chủ tọa, ứng xử văn minh, lịch sự, không gây mất trật tự.
- h) Cổ đông hoặc người được ủy quyền dự Đại hội đến sau khi Đại hội đã khai mạc, vẫn được đăng ký và có quyền tham gia biểu quyết ngay sau khi đăng ký; trong trường hợp này, hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

Điều 4. Khách mời dự Đại hội

- Là các chức danh quản lý của Công ty, khách mời, thành viên trong Ban Tổ chức Đại hội và Ban kiểm tra tư cách cổ đông.
- Khách mời dự Đại hội được tham gia phát biểu khi được Chủ tọa mời, hoặc có đăng ký trước với Ban Tổ chức Đại hội và được Chủ tọa đồng ý.

Điều 5. Điều kiện tiến hành họp Đại hội

1. Đại hội được tiến hành khi có số cổ đông dự đại diện trên 55% tổng số phiếu biểu quyết.
2. Trường hợp không có đủ số lượng cổ đông dự đại hội theo quy định, người triệu tập họp huỷ cuộc họp. Cuộc họp Đại hội phải được triệu tập lại theo quy định tại Điều lệ, Quy chế quản trị Công ty và Luật hiện hành.

Điều 6. Điều kiện cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền tham dự Đại hội

- Các cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền bằng văn bản của một hoặc nhiều cổ đông có tên trong danh sách cổ đông của Công ty tại thời điểm chốt danh sách tham dự Đại hội.
- Khi tham dự đại hội, cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền phải mang theo Thư mời (Thông báo) dự Đại hội, Giấy chứng minh nhân dân hoặc Thẻ Căn cước hoặc Hộ chiếu, Giấy ủy quyền (đối với đại diện được ủy quyền) và đăng ký tham dự Đại hội với Ban Kiểm tra tư cách cổ đông.

Điều 7. Nhân sự Đại hội

1. Chủ tọa và Đoàn Chủ tọa
 - a. Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa hoặc ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị khác làm chủ tọa Đại hội do Hội đồng quản trị triệu tập; trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số; trường hợp không bầu được người làm chủ tọa thì Trường Ban kiểm soát điều hành để Đại hội bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.
 - b. Trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản này, người ký tên triệu tập họp Đại hội điều hành để Đại hội bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.

- c. Chủ tọa đại hội có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết và hợp lý để điều hành cuộc họp Đại hội một cách có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp.
- d. Chủ tọa có quyền hoãn Đại hội đã có đủ số người đăng ký dự họp tối đa không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc và chỉ được hoãn cuộc họp hoặc thay đổi địa điểm họp theo quy định tại khoản 8, Điều 146 của Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14.
- e. Một số quyền và nghĩa vụ khác của Chủ tọa theo quy định của luật hiện hành.
- f. Đoàn Chủ tọa bao gồm: Chủ tọa và các thành viên.
- g. Nhiệm vụ của Đoàn Chủ tọa:
- Điều hành các hoạt động của Đại hội Công ty theo chương trình dự kiến của Hội đồng quản trị đã được Đại hội thông qua;
 - Hướng dẫn các cổ đông và Đại hội thảo luận các nội dung có trong chương trình;
 - Trình dự thảo, kết luận những vấn đề cần thiết để Đại hội biểu quyết;
 - Trả lời những vấn đề do Đại hội yêu cầu;
 - Giải quyết các vấn đề phát sinh trong suốt quá trình Đại hội.
- h. Nguyên tắc làm việc của Đoàn Chủ tọa: Đoàn Chủ tọa làm việc theo nguyên tắc tập thể, tập trung dân chủ, quyết định theo đa số.
2. Thư ký đại hội
- a. Chủ tọa cử một hoặc một số người làm thư ký cuộc họp;
- b. Nhiệm vụ của Thư ký đại hội
- Ghi chép đầy đủ, trung thực nội dung Đại hội;
 - Tiếp nhận phiếu đăng ký phát biểu của Cổ đông;
 - Lập Biên bản Đại hội và soạn thảo Nghị quyết Đại hội;
 - Hỗ trợ Chủ tọa công bố thông tin liên quan đến cuộc họp Đại hội và thông báo đến các Cổ đông theo đúng quy định pháp luật và Điều lệ Công ty;
 - Các nhiệm vụ khác theo yêu cầu của Chủ tọa.
3. Ban kiểm phiếu Thẻ biểu quyết:
- a. Đại hội bầu một hoặc một số người vào Ban kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa Đại hội;
- b. Nhiệm vụ của Ban kiểm phiếu Thẻ biểu quyết
- Phổ biến nguyên tắc, thể lệ, hướng dẫn cách thức biểu quyết.
 - Kiểm soát Thẻ biểu quyết và lập biên bản kiểm phiếu;
 - Nhanh chóng thông báo kết quả biểu quyết cho thư ký;
 - Xem xét và báo cáo Đại hội những trường hợp vi phạm thể lệ biểu quyết hoặc đơn thư khiếu nại về kết quả biểu quyết.
- Có trách nhiệm lưu trữ, bảo quản và bàn giao lại toàn bộ các biên bản kiểm phiếu cho Hội đồng quản trị Công ty chậm nhất 5 ngày làm việc sau khi kết thúc Đại hội.
4. Ban kiểm tra tư cách cổ đông
- a. Ban kiểm tra tư cách cổ đông của Đại hội bao gồm: 01 Trưởng Ban và các thành viên, do Hội đồng quản trị thành lập và do Đoàn Chủ tọa giới thiệu đến Đại hội.

b. Nhiệm vụ của Ban kiểm tra tư cách cổ đông

- Kiểm tra tư cách và tình hình cổ đông, đại diện cổ đông đến dự họp.
- Trường Ban kiểm tra tư cách cổ đông báo cáo với Đại hội tình hình cổ đông dự họp. Đại hội được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên 55% tổng số phiếu biểu quyết.

Điều 8. Phát biểu tại Đại hội

Cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền, đại biểu tham dự Đại hội khi phát biểu ý kiến phải được sự đồng ý của Chủ tọa, phát biểu ngắn gọn, tập trung và phù hợp với nội dung chương trình.

Chủ tọa giải đáp thắc mắc của cổ đông tại Đại hội hoặc ghi nhận trả lời sau bằng văn bản.

Điều 9. Biểu quyết thông qua các vấn đề tại đại hội

Thẻ biểu quyết được Công ty in, đóng dấu và gửi trực tiếp cho cổ đông tại Đại hội (kèm theo tài liệu tham dự Đại hội). Mỗi cổ đông được cấp 1 Thẻ biểu quyết, Thẻ biểu quyết có ghi rõ họ tên, số cổ phần sở hữu và nhận ủy quyền được biểu quyết của cổ đông đó.

- Thẻ biểu quyết hợp lệ

Theo mẫu in sẵn do ban tổ chức phát ra, không tẩy xóa, cạo sửa, rách, nát,... không viết thêm nội dung nào khác.

- Thẻ biểu quyết không hợp lệ

- + Ghi thêm nội dung khác vào thẻ biểu quyết;
- + Thẻ biểu quyết không theo mẫu in sẵn do ban tổ chức phát ra, không có dấu đỏ của Công ty hoặc đã tẩy xóa, cạo sửa, viết thêm nội dung khác ngoài quy định cho Thẻ biểu quyết khi đó tất cả nội dung biểu quyết trên Thẻ biểu quyết, là không hợp lệ.

Điều 10. Cách thức biểu quyết

1. Nguyên tắc chung

- Tất cả các vấn đề trong chương trình và nội dung họp của Đại hội đều phải được Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết công khai.
- Cổ đông thực hiện việc biểu quyết để Tán thành, Không tán thành hoặc Không có ý kiến về một vấn đề được đưa ra biểu quyết tại Đại hội bằng cách giơ cao Thẻ biểu quyết.

2. Hình thức biểu quyết

- Khi biểu quyết bằng hình thức giơ cao Thẻ biểu quyết, mặt trước của Thẻ biểu quyết phải được giơ cao hướng về phía Đoàn Chủ tọa.
- Trường hợp cổ đông không giơ Thẻ biểu quyết trong cả ba lần biểu quyết Tán thành, Không tán thành hoặc Không có ý kiến của một vấn đề thì được xem như biểu quyết tán thành vấn đề đó.
- Trường hợp cổ đông giơ cao Thẻ biểu quyết nhiều hơn một (01) lần khi biểu quyết Tán thành, Không tán thành hoặc Không có ý kiến của một vấn đề thì được xem như biểu quyết không hợp lệ.

Điều 11. Thực hiện, hiệu lực.

Tất cả cổ đông, người đại diện, khách mời tham dự Đại hội có trách nhiệm tuân thủ các quy định tại Quy chế này. Các nội dung không được quy định tại Quy chế này thì được áp dụng theo quy định của Điều lệ, Quy chế quản trị của Công ty, Luật doanh nghiệp, Luật chứng khoán và các văn bản pháp luật có liên quan.

Quy chế này có hiệu lực ngay sau khi được Đại hội biểu quyết thông qua./.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Trần Quân Anh

5



CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ AN GIANG

Địa chỉ: số 839 Trần Hưng Đạo, tổ 13, khóm Bình Thới 1,
phường Bình Đức, tỉnh An Giang, Việt Nam

Điện thoại: 0296 3 953 938 - 852 969 - 854 161 - 853 051

Website: <https://cokhiangiang.com> * Email: cokhiangiang@agm.vn

An Giang, ngày 24 tháng 4 năm 2026

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2025 VÀ KẾ HOẠCH NĂM 2026

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026
Công ty cổ phần Cơ khí An Giang

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng quản trị (HĐQT) Công ty cổ phần Cơ khí An Giang, thay mặt HĐQT tôi xin báo cáo công tác chỉ đạo hoạt động, quản lý và điều hành Công ty theo Nghị quyết (NQ) của Đại hội đồng Cổ đông (ĐHĐCĐ) với những nội dung chủ yếu như sau:

Phần 1: KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG NĂM 2025

I. ĐÁNH GIÁ CHUNG

Năm 2025, tình hình kinh tế trong nước và thế giới diễn biến khó lường do ảnh hưởng của chiến tranh, thiên tai, dịch bệnh. Lạm phát vẫn còn ở mức cao buộc các quốc gia phải tiếp tục thắt chặt chính sách tiền tệ.

Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty tiếp tục gặp nhiều khó khăn thách thức. Giá nguyên liệu đầu vào luôn biến động, sản lượng tiêu thụ một số sản phẩm chủ lực sụt giảm nghiêm trọng. Các công trình cầu thép có nguồn vốn thanh toán từ ngân sách Nhà nước, thời gian thanh toán kéo dài, do đó hiệu quả sản xuất kinh doanh của Công ty bị ảnh hưởng rất lớn.

Trong năm 2025, HĐQT và Ban điều hành CKAG đã rất nỗ lực trong việc thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông, nghị quyết của HĐQT. Trong năm 2025 CKAG thực hiện tổng doanh thu đạt 103,53% so với kế hoạch và đạt 108,26% so với thực hiện năm 2024; lợi nhuận sau thuế TNDN đạt 302,43% so với kế hoạch và đạt 274,16% so với thực hiện năm 2024.

Công ty vẫn cần nỗ lực tăng cường hiệu quả từ hoạt động sản xuất kinh doanh, giảm sự phụ thuộc vào doanh thu đầu tư tài chính.

Kết quả thực hiện hoạt động SXKD năm 2025 theo BCTC hợp nhất đã được kiểm toán như sau:

| TT | CÁC CHỈ TIÊU | ĐVT | TH 2024 | Năm 2025 | | Tỉ lệ (%) so với | |
|----|-----------------------------------|--------|------------|-------------|--------------|------------------|------------|
| | | | | Kế hoạch | Thực hiện | Kế hoạch | Cùng kỳ |
| | | | 1 | 2 | 3 | 4=3/2 | 5=3/1 |
| 1 | Tổng doanh thu | trđ | 219.957 | 230.000 | 238.115 | 103,53 | 108,26 |
| | - Doanh thu hợp nhất | trđ | 182.953 | 197.000 | 162.421 | 82,45 | 88,78 |
| | - Doanh thu nội bộ | trđ | 13.610 | 15.000 | 8.047 | 53,65 | 59,13 |
| | - D.thu hoạt động tài chính | trđ | 23.394 | 18.000 | 67.647 | 375,82 | 289,16 |
| 2 | Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | trđ | 24.081 | 22.400 | 67.035 | 299,26 | 278,37 |
| 3 | Lợi nhuận sau thuế TNDN | trđ | 23.783 | 21.560 | 65.204 | 302,43 | 274,16 |
| 4 | Lãi cơ bản trên cổ phiếu | đồng | 5.306 | 5.157 | 15.751 | 305,43 | 296,85 |
| 5 | Phải nộp ngân sách | trđ | 13.324 | 11.595 | 9.125 | 78,70 | 68,49 |
| 6 | Tổng quỹ lương | trđ | 15.907 | 18.090 | 16.091 | 88,95 | 101,16 |
| 7 | Lao động bình quân 1 tháng | Người | 178 | 199 | 171 | 85,93 | 96,07 |
| 8 | Tiền lương bình quân 1 tháng | trđ/ng | 7,45 | 7,58 | 7,84 | 103,51 | 105,30 |

II. HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2025

1. Cơ cấu Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2022-2027 được ĐHĐCĐ thường niên năm 2022 bầu ra 05 thành viên, trong đó có 02 thành viên tham gia điều hành và 03 thành viên không tham gia điều hành gồm:

- | | |
|------------------------|--|
| - Ông Trần Quân Anh | - Chủ tịch HĐQT |
| - Ông Đồng Trọng Nghĩa | - Thành viên HĐQT |
| - Ông Trần Văn Thái | - Thành viên HĐQT |
| - Ông Lê Thanh Vân | - Thành viên HĐQT - Giám đốc Công ty |
| - Ông Huỳnh Văn An | - Thành viên HĐQT – Phó Giám đốc Công ty |

2. Kết quả hoạt động của HĐQT và các thành viên HĐQT

2.1. Kết quả hoạt động của HĐQT

- Trong năm 2025, Hội đồng quản trị đã thực hiện đúng và đầy đủ chức năng, quyền hạn HĐQT theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật. Các thành viên HĐQT nghiêm túc, trách nhiệm trong việc tham gia ý kiến và biểu quyết các vấn đề thuộc thẩm quyền HĐQT, phối hợp thực hiện công tác chỉ đạo, giám sát hoạt động SXKD, giúp công ty hoàn thành các mục tiêu, nhiệm vụ đã được thông qua tại Đại hội đồng cổ đông năm 2025.

- Trong năm 2025, HĐQT đã tổ chức họp 13 lần, trong đó họp thường kỳ theo quy định Điều lệ Công ty 04 lần (mỗi quý 01 lần) và đột xuất 9 lần họp để quyết định các nội dung thuộc chức trách và nhiệm vụ. Tại các kỳ họp này những vấn đề quan trọng cần phải giải quyết đều được đưa ra thảo luận cho đến khi các thành viên thống nhất, đưa vào Nghị quyết để làm cơ sở cho Ban giám đốc (BGĐ) triển khai thực hiện.

- HĐQT đã ban hành 18 Nghị quyết, kịp thời chỉ đạo và điều hành hoạt động của CKAG. Các Nghị quyết của HĐQT năm 2025 được nêu cụ thể trong Báo cáo tình hình quản trị công ty năm 2025, được đăng tải tại mục Quan hệ cổ đông trên trang thông tin điện tử của CKAG tại địa chỉ <https://cokhiangiang.com> từ ngày 23/1/2026 và trên hệ thống công bố thông tin của Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội.

- Nội dung các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT thông qua một số vấn đề chính sau:

+ Thông qua chủ trương thực hiện các hợp đồng, giao dịch giữa Công ty CP Cơ khí An Giang với các doanh nghiệp và người có liên quan theo quy định tại khoản 2 Điều 164 và khoản 1 Điều 167 của Luật Doanh nghiệp 2020.

+ Tổ chức và thực hiện công tác tổ chức ĐHĐCĐ thường niên và chốt ngày thanh toán cổ tức.

+ Chỉ đạo thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2025. Đánh giá việc thực hiện kế hoạch SXKD của mỗi quý và cả năm.

+ Xem xét, ghi nhận Báo cáo tình hình tài chính và hoạt động hàng quý trên cơ sở Báo cáo tài chính, Báo cáo kết quả SXKD tự lập.

+ Thông qua việc thực hiện giao dịch tín dụng thuộc thẩm quyền HĐQT.

+ Thông qua đơn xin từ nhiệm Trưởng Ban Ban kiểm soát và thông qua việc chọn ngày và tài liệu lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản về việc miễn nhiệm và bầu bổ sung thành viên Ban Kiểm soát nhiệm kỳ 2022-2027.

+ Thông qua chủ trương Ban điều hành xây dựng kế hoạch hoạt động SXKD năm 2026.

+ Thông qua về việc thay đổi con dấu của Công ty.

+ Thông qua việc bổ sung ngành nghề cho Cty TNHH MTV Cơ khí Long Xuyên

- Thực hiện việc quyết toán thù lao của HĐQT và Ban kiểm soát theo đúng nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, cụ thể như sau:

| TT | Họ và tên | Chức vụ | Thù lao/năm (đồng) |
|------------------|---|--|--------------------|
| I | Hội đồng quản trị | | 252.000.000 |
| 1 | Trần Quân Anh | Chủ tịch | 60.000.000 |
| 2 | Đổng Trọng Nghĩa | Thành viên | 48.000.000 |
| 3 | Lê Thanh Vân | Thành viên | 48.000.000 |
| 4 | Trần Văn Thái | Thành viên | 48.000.000 |
| 5 | Huỳnh Văn An | Thành viên | 48.000.000 |
| II | Ban kiểm soát | | 108.000.000 |
| 1 | Quách Kim Long | Trưởng ban&miễn nhiệm ngày 4/11/2025 | 40.000.000 |
| 2 | Nguyễn Thành Nghê | Thành viên& bổ nhiệm Trưởng ban ngày 4/11/2025 | 33.000.000 |
| 3 | Nguyễn Đức Hiền | Thành viên | 30.000.000 |
| 4 | Nguyễn Văn Tính | Thành viên | 5.000.000 |
| III | Người phụ trách quản trị Công ty | | 30.000.000 |
| 1 | Phan Thị Ngọc Lan Thanh | | 30.000.000 |
| TỔNG CỘNG | | | 390.000.000 |

- Xử lý các vấn đề khác thuộc phạm vi, quyền hạn của HĐQT.

2.2. Kết quả hoạt động của các thành viên HĐQT

Các thành viên HĐQT làm việc nghiêm túc và có trách nhiệm trong phân tích tình hình Tài chính, đánh giá các kết quả hoạt động của Công ty, cảnh báo sự biến động của thị trường... Qua đó đề xuất giải pháp xử lý, đưa ra các kiến nghị thiết thực cho công tác quản trị và điều hành Công ty.

Ngoài ra, Chủ tịch HĐQT thường xuyên trao đổi thông tin với các Thành viên HĐQT, BGĐ và BKS để thống nhất phương hướng và cách thức thực hiện nhiệm vụ nhanh nhất, hiệu quả nhất.

3. Kết quả giám sát của HĐQT đối với Giám đốc và những người quản lý Công ty năm 2025

3.1. Ưu điểm

Năm 2025, HĐQT ghi nhận những cố gắng của Ban điều hành Công ty bao gồm Giám đốc và những người quản lý khác, một số kết quả đạt được như sau:

- Ban điều hành đã phối hợp chặt chẽ với HĐQT, triển khai thực hiện các nghị quyết của ĐHĐCĐ và HĐQT trong tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty gặp nhiều khó khăn.

- Điều hành hoạt động của Công ty tương đối đồng bộ; Sắp xếp bộ máy và phân công người làm công tác quản trị tương đối hợp lý; Đầu tư máy móc thiết bị từng bước được cải thiện, nâng cao năng lực sản xuất, tăng năng suất lao động, góp phần tiết giảm chi phí và bảo đảm an toàn cho người lao động.

- Tổ chức thực hiện tốt công tác An toàn vệ sinh lao động, phòng chống cháy nổ, không xảy ra vụ tai nạn lao động và cháy nổ nghiêm trọng nào; Trang bị đầy đủ đồ bảo hộ lao động cho công nhân, các thiết bị được kiểm định về an toàn theo đúng quy định. Tổ chức tập huấn an toàn vệ sinh lao động và khám sức khỏe cho cán bộ, nhân viên và người lao động trong Công ty.

- Công ty duy trì thực hiện tốt Hệ thống quản lý chất lượng sản phẩm theo tiêu chuẩn ISO 9001:2015, công tác 5S trong toàn Công ty và đang triển khai thực hiện Hệ thống quản lý môi trường theo tiêu chuẩn ISO 14001:2010.

- Tiếp tục thực hiện các giải pháp như nâng cao chất lượng sản phẩm, năng suất lao động; Tiết kiệm, tiết giảm chi phí để hạ giá bán nhằm tăng tính cạnh tranh, mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm. Trong năm 2025, Công ty phát động phong trào đề xuất sáng kiến cải tiến liên tục, kết quả có 218 sáng kiến cải tiến từ đó đã làm tiết giảm chi phí tăng thêm lợi nhuận cho Công ty.

- Về công tác thị trường, Công ty đã tích cực giới thiệu các sản phẩm bằng nhiều hình thức như: Lập kế hoạch chủ động tiếp cận các chủ đầu tư, các Công ty tư vấn thiết kế, người tiêu dùng để tiếp thị và tiêu thụ sản phẩm. Ngoài ra, Công ty còn tổ chức quảng bá sản phẩm trên các trang Web, tham gia các hội chợ triển lãm, ...

- Về công tác nghiên cứu, thiết kế sản phẩm mới tiếp tục được Công ty quan tâm thực hiện. Trong năm 2025, Công ty đã tổ chức triển khai thực hiện nghiên cứu, thiết kế các sản phẩm mới phục vụ trong sản xuất nông nghiệp, xây dựng giao thông và cải tiến các phẩm hiện có góp phần tăng tính cạnh tranh các sản phẩm của Công ty.

- BGĐ đã chỉ đạo lập báo cáo quyết toán và thực hiện Kiểm toán độc lập đúng quy định của luật pháp.

- Quỹ tiền lương, thù lao năm 2025 của HĐQT, Ban kiểm soát được thực hiện đúng theo Nghị quyết của ĐHĐCĐ phê duyệt; đảm bảo các quy định pháp luật về lao động, tiền lương, thù lao và tiền thưởng.

3.2. Tồn tại

Công tác quyết toán cổ phần hóa Công ty vẫn chưa thực hiện xong. Việc xác định lại giá trị doanh nghiệp lần II giữa Công ty cổ phần Cơ khí An Giang, Bộ Tài chính và Bộ Công thương vẫn còn một vài điểm chưa thống nhất.

Hiện nay, Tổng Công ty Máy Động lực và Máy Nông nghiệp Việt Nam-CTCP và Công ty cổ phần Cơ khí An Giang vẫn đang chờ văn bản trả lời chính thức của Bộ Công Thương và Bộ Tài chính.

4. Báo cáo về các giao dịch

4.1. Giao dịch giữa công ty với người có liên quan của công ty; hoặc giữa công ty với cổ đông lớn, người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ: tổng giá trị giao dịch chưa bao gồm thuế GTGT trong năm 2025: 15.240.203.146 đồng.

4.2. Giao dịch giữa người nội bộ công ty, người có liên quan của người nội bộ với công ty con, công ty do công ty nắm quyền kiểm soát: Không có

4.3. Giao dịch giữa công ty với công ty mà thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc) và người quản lý khác đã và đang là thành viên sáng lập hoặc thành viên HĐQT, Giám đốc (Tổng Giám đốc) điều hành trong thời gian ba (03) năm trở lại đây (tính tại thời điểm lập báo cáo):

- Ngày 6/2/2025 Công ty đã ứng số tiền: 2.500.000.000 đồng và nhận hoàn ứng vào ngày 6/6/2025 đối tượng giao dịch là Công ty TNHH Liên doanh ANTRACO do Ông Quách Kim Long làm Giám đốc và Ông Nguyễn Thành Nghê làm Phó Giám đốc.

Phần 2:
KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG NĂM 2026 CỦA HĐQT

Trong năm 2026, dự báo tình hình thế giới tiếp tục diễn biến phức tạp, khó lường, kinh tế thế giới nói chung và Việt Nam nói riêng sẽ bị tác động nghiêm trọng trên tất cả các lĩnh vực: Sản xuất, thương mại, vận tải..., điều này ảnh hưởng trực tiếp đến các hoạt động của Công ty cổ phần Cơ khí An Giang.

Căn cứ kết quả thực hiện năm 2025 và thực trạng của Công ty, HĐQT phối hợp với BGĐ xây dựng Kế hoạch hoạt động năm 2026 cụ thể như sau:

1. Xây dựng, triển khai thực hiện các chỉ tiêu chính như sau:

| TT | CÁC CHỈ TIÊU | ĐVT | Kế hoạch Năm 2026 | Thực hiện Năm 2025 | Tỉ lệ (%) KH.2026/ TH.2025 |
|----|-----------------------------------|--------|----------------------|-----------------------|----------------------------------|
| | | | 1 | 2 | 3=1/2 |
| 1 | Tổng doanh thu | trđ | 228.000 | 238.115 | 95,75 |
| | - Doanh thu hợp nhất | trđ | 178.000 | 162.421 | 109,59 |
| | - Doanh thu nội bộ | trđ | 10.000 | 8.047 | 124,27 |
| | - D.thu hoạt động tài chính | trđ | 40.000 | 67.647 | 59,13 |
| 2 | Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | trđ | 44.940 | 67.035 | 67,04 |
| 3 | Lợi nhuận sau thuế TNDN | trđ | 44.000 | 65.204 | 67,48 |
| 4 | Lãi cơ bản trên cổ phiếu | đồng | 10.589 | 15.751 | 67,23 |
| 5 | Phải nộp ngân sách | trđ | 9.600 | 9.125 | 105,21 |
| 6 | Tổng quỹ lương | trđ | 17.700 | 16.091 | 110,00 |
| 7 | Lao động bình quân 1 tháng | Người | 191 | 171 | 111,70 |
| 8 | Tiền lương bình quân 1 tháng | trđ/ng | 7,72 | 7,84 | 98,48 |

2. Duy trì họp định kỳ ít nhất mỗi quý một lần và tổ chức lấy ý kiến các thành viên HĐQT tại các cuộc họp trực tiếp, trực tuyến hoặc bằng văn bản.

3. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát của HĐQT với các hoạt động quản lý tài chính, sản xuất, kinh doanh của Công ty mẹ và các Công ty con, đảm bảo kiểm soát được các rủi ro và nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh.

4. Thực hiện công tác kiểm tra, giám sát chặt chẽ, kịp thời đối với các hoạt động của Giám đốc và người quản lý khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ và các Quy chế nội bộ của Công ty.

5. Tổ chức phê duyệt kịp thời các kế hoạch sản xuất, kinh doanh, đầu tư, vay vốn..., của các đơn vị thuộc thẩm quyền theo đúng quy định.

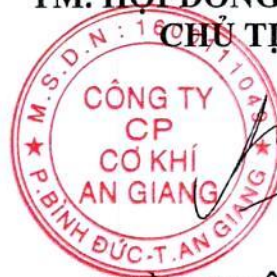
6. Thực hiện đúng các quy định về phân phối, sử dụng tiền lương, thù lao của người quản lý, người lao động của Công ty.

Trên đây là báo cáo của Hội đồng quản trị. Kính trình Quý cổ đông xem xét và thông qua./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT, BGĐ, BKS;
- Lưu: VP, TKHĐQT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



TRẦN QUÂN ANH



CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ AN GIANG

Địa chỉ: số 839 Trần Hưng Đạo, tổ 13, khóm Bình Thới 1,
phường Bình Đức, tỉnh An Giang, Việt Nam
Điện thoại: 0296 3 953 938 - 852 969 - 854 161 - 853 051
Website: <https://cokhiangiang.com> * Email: cokhiangiang@agm.vn

An Giang, ngày 24 tháng 4 năm 2026

BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG NĂM 2025; KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG NĂM 2026 CỦA BAN KIỂM SOÁT

Kính thưa các Quý cổ đông! Kính thưa toàn thể Đại hội!

Thực hiện chức năng, nhiệm vụ của Ban kiểm soát theo Luật Doanh nghiệp 2020 và Điều lệ Công ty, thay mặt Ban kiểm soát Công ty, tôi xin báo cáo Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) thường niên năm 2026 kết quả kiểm tra, giám sát năm 2025 và kế hoạch hoạt động năm 2026 như sau:

I. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2025

Trong năm 2025 Ban Kiểm soát đã họp 5 lần, Ban kiểm soát luôn kiểm tra, giám sát việc tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều lệ và các quy chế nội bộ của Công ty trong việc quản lý, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Hội đồng quản trị (HĐQT) và Ban Giám đốc, cụ thể như sau:

- Thẩm định Báo cáo tài chính quý, bán niên và năm nhằm đánh giá tính trung thực và hợp lý của các số liệu tài chính, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các chính sách, quy định pháp luật có liên quan.
- Tham gia các cuộc họp định kỳ với HĐQT và Ban Giám đốc Công ty.
- Giám sát tình hình triển khai kế hoạch kinh doanh của Công ty.
- Giám sát thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 và các Nghị quyết của HĐQT trong năm 2025.
- Giám sát tình hình tuân thủ pháp luật, Điều lệ, các quy chế, quy trình nội bộ của Công ty cũng như tính hợp lý trong việc điều hành kinh doanh của Công ty.
- Giám sát các giao dịch giữa Công ty với người liên quan của Công ty theo đúng quy định của Pháp luật và Điều lệ.
- Giám sát việc chi trả thù lao và các khoản lợi ích của những người quản lý Công ty phù hợp với kế hoạch đã được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025.

II. KẾT QUẢ KIỂM TRA GIÁM SÁT

1. Giám sát tình hình thực hiện nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên 2025

1.1. Phân phối lợi nhuận năm 2024:

Công ty đã thực hiện phân phối lợi nhuận năm 2024 đúng với Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2025, cụ thể như sau:

Bảng 1: Bảng tổng hợp kết quả phân phối lợi nhuận năm 2024

ĐVT: VNĐ

| TT | Chỉ tiêu | Theo Nghị quyết ĐHĐCĐ | Thực hiện | Tỷ lệ (%) |
|----|---|-----------------------|-----------------------|-----------|
| 1 | Vốn điều lệ (VĐL) | 32.864.040.000 | | |
| 2 | Lợi nhuận sau thuế năm 2024 | 23.783.584.938 | | |
| 3 | Lợi nhuận chưa phân phối năm trước | 48.145.679.716 | | |
| 4 | Phân phối lợi nhuận | 39.209.936.235 | 39.209.936.235 | |
| | <i>a. Trích lập quỹ</i> | <i>6.345.896.235</i> | <i>6.345.896.235</i> | 100% |
| | - Quỹ khen thưởng phúc lợi (20%) | 4.756.716.988 | 4.756.716.988 | 100% |
| | - Quỹ thưởng Ban điều hành | 300.000.000 | 300.000.000 | 100% |
| | - Quỹ khen thưởng phúc lợi do công ty hoàn thành chỉ tiêu lợi nhuận vượt kế hoạch | 1.189.179.247 | 1.189.179.247 | 100% |
| | - Quỹ thưởng Ban điều hành do công ty hoàn thành chỉ tiêu lợi nhuận vượt kế hoạch | 100.000.000 | 100.000.000 | 100% |
| | <i>b. Chia cổ tức bằng tiền mặt 100%VĐL</i> | <i>32.864.040.000</i> | <i>32.864.040.000</i> | 100% |
| 5 | Lợi nhuận còn lại chưa phân phối | 32.719.328.419 | | 100% |

1.2 Thực hiện chi trả thù lao cho HĐQT, BKS:

Công ty đã thực hiện chi trả thù lao cho HĐQT, BKS năm 2025 đúng với Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2025.

1.3 Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2025

Công ty đã thực hiện lập Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2025 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán Quốc tế-Chi nhánh Sài Gòn, kết quả các chỉ tiêu chính như sau:

a. Các chỉ tiêu chủ yếu về hoạt động sản xuất kinh doanh

Bảng 2: Bảng tổng hợp kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2025

| TT | CÁC CHỈ TIÊU | ĐVT | TH 2024 | Năm 2025 | | Tỉ lệ (%) so với | |
|----|-----------------------------------|--------|------------|-------------|--------------|------------------|------------|
| | | | | Kế hoạch | Thực hiện | Kế hoạch | Cùng kỳ |
| | | | 1 | 2 | 3 | 4=3/2 | 5=3/1 |
| 1 | Tổng doanh thu | trđ | 219.957 | 230.000 | 238.115 | 103,53 | 108,26 |
| | - Doanh thu hợp nhất | trđ | 182.953 | 197.000 | 162.421 | 82,45 | 88,78 |
| | - Doanh thu nội bộ | trđ | 13.610 | 15.000 | 8.047 | 53,65 | 59,13 |
| | - D.thu hoạt động tài chính | trđ | 23.394 | 18.000 | 67.647 | 375,82 | 289,16 |
| 2 | Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | trđ | 24.081 | 22.400 | 67.035 | 299,26 | 278,37 |
| 3 | Lợi nhuận sau thuế TNDN | trđ | 23.783 | 21.560 | 65.204 | 302,43 | 274,16 |
| 4 | Lãi cơ bản trên cổ phiếu | đồng | 5.306 | 5.157 | 15.751 | 305,43 | 296,85 |
| 5 | Phải nộp ngân sách | trđ | 13.324 | 11.595 | 9.125 | 78,70 | 68,49 |
| 6 | Tổng quỹ lương | trđ | 15.907 | 18.090 | 16.091 | 88,95 | 101,16 |
| 7 | Lao động bình quân 1 tháng | Người | 178 | 199 | 171 | 85,93 | 96,07 |
| 8 | Tiền lương bình quân 1 tháng | trđ/ng | 7,45 | 7,58 | 7,84 | 103,51 | 105,30 |

b. Tình hình tài chính

Bảng 3: Bảng thống kê tình hình tài chính của Công ty 2024&2025

| 1. Chỉ tiêu về cơ cấu tài sản | ĐVT | 31/12/2025 | 31/12/2024 |
|---|------------|-------------------|-------------------|
| Tài sản ngắn hạn/ Tổng tài sản | % | 82,53 | 81,77 |
| Tài sản dài hạn/ Tổng tài sản | % | 17,47 | 18,23 |
| 2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn | | | |
| Tỷ số nợ/Tổng nguồn vốn (Nợ PT/TNV) | % | 32,27 | 32,06 |
| Tỷ số nợ/vốn chủ sở hữu (Nợ PT/VCSH) | % | 47,66 | 47,22 |
| 3. Khả năng thanh toán | | | |
| Hệ số thanh toán ngắn hạn (TSNH/Nợ NH) | Lần | 2,62 | 2,56 |
| Hệ số thanh toán nhanh (TSNH-HTK)/Nợ NH | Lần | 2,43 | 2,19 |
| 4. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động | | | |
| Vòng quay hàng tồn kho (Giá vốn hàng bán/HTK b/quân) | Vòng/kỳ | 8,74 | 5,56 |
| Vòng quay tổng TS (Doanh thu thuần/Tổng TS b/quân) | Vòng/kỳ | 0,84 | 1,00 |
| 5. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời | | | |
| Tỷ suất sinh lời trên doanh thu (ROS: LNST/DTT) | % | 40,14 | 13,00 |
| Tỷ suất sinh lời trên Tổng tài sản (ROA: LNST/TTS b/quân) | % | 33,79 | 13,02 |
| Tỷ suất sinh lời trên Vốn CSH (ROE: LNST/VCSH b/quân) | % | 49,85 | 19,34 |

*** Cơ cấu Tài sản và Nguồn vốn**

Tỷ trọng Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản tăng từ 81,77% lên 82,53%. Việc duy trì tỷ trọng tài sản ngắn hạn ở mức cao (*trên 80%*) giúp Công ty sở hữu tính linh hoạt cực lớn trong vận hành. Điều này đảm bảo nguồn vốn lưu động luôn sẵn sàng để đáp ứng các đơn hàng cơ khí quy mô lớn và phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh tức thời mà không bị đứt gãy dòng vốn.

Tỷ số Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn có sự biến động nhẹ, tăng từ 32,06% lên 32,27%. Tương ứng, hệ số Nợ phải trả/Vốn chủ sở hữu tăng từ 47,22% lên 47,66%. Mặc dù nợ phải trả tăng nhẹ, nhưng cấu trúc vốn của Cơ khí An Giang vẫn cực kỳ bền vững khi Vốn chủ sở hữu vẫn chiếm tỷ trọng chi phối (*Vốn chủ sở hữu gấp đôi nợ phải trả*).

*** Khả năng thanh toán**

Công ty tiếp tục duy trì vị thế tài chính vững chắc với các chỉ số thanh toán vượt xa ngưỡng tiêu chuẩn, khẳng định năng lực quản trị dòng tiền hiệu quả:

- **Hệ số thanh toán ngắn hạn:** Duy trì ở mức 2,62 lần, cho thấy cứ mỗi đồng nợ đến hạn, Công ty có đến 2,6 đồng tài sản sẵn sàng đối ứng.

- **Hệ số thanh toán nhanh:** Tăng từ 2,19 lần lên 2,43 lần. Việc chỉ số này duy trì ở mức cao và có xu hướng tăng là minh chứng cho thấy dòng tiền tại Cơ khí An Giang rất dồi dào, các khoản tài sản có tính thanh khoản cao (*tiền mặt và khoản phải thu*) chiếm tỷ trọng lớn, giúp Công ty đủ sức chi trả mọi nghĩa vụ nợ tức thì mà không phụ thuộc vào việc giải phóng hàng tồn kho.

*** Năng lực hoạt động**

Hiệu quả vận hành bộ máy của Công ty ghi nhận sự bứt phá mạnh mẽ nhờ sự phối hợp nhịp nhàng giữa khâu sản xuất cơ khí và đáp ứng nhu cầu thị trường:

- **Vòng quay hàng tồn kho:** Tăng trưởng đột phá từ 5,56 vòng lên 8,74 vòng/kỳ. Chỉ số này phản ánh tốc độ luân chuyển hàng hóa cực nhanh, quy trình sản xuất - cung ứng được tối ưu hóa triệt để, giúp dòng vốn không bị ứ đọng và được tái đầu tư liên tục vào các đơn hàng mới.

- **Vòng quay tổng tài sản:** Đạt mức 0,84 lần. Mặc dù có sự sụt giảm nhẹ so với mức 1,00 của năm 2024 do quy mô tổng tài sản tăng nhanh, nhưng nhìn chung hiệu suất sử dụng tài sản để tạo ra doanh thu vẫn đang ở mức ổn định và an toàn.

*** Khả năng sinh lời**

Qua số liệu thống kê cho thấy, hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm 2025 tăng so với năm 2024. Trong đó đáng chú ý là chỉ số ROS (Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu), chỉ số ROE (Lợi nhuận sau thuế/vốn chủ sở hữu) và chỉ số ROA (Lợi nhuận sau thuế/tổng tài sản). Cụ thể:

*- Chỉ số ROS₂₀₂₅ đạt mức 40,14% tăng 27,14% so với năm 2024.

*- Chỉ số ROA₂₀₂₅ đạt mức 33,79% tăng 20,77% so với năm 2024.

*- Chỉ số ROE₂₀₂₅ đạt mức 49,85% tăng 30,51% so với năm 2024.

Qua các chỉ số tài chính trên cho thấy tình hình tài chính của Công ty được thực hiện nghiêm túc, đúng quy định, Công ty thực hiện tốt việc bảo toàn và phát triển vốn.

2. Kết quả giám sát đối với Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và các bộ phận quản lý khác

Hội đồng quản trị đã thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ trong công tác định hướng, chỉ đạo quản lý Công ty trong phạm vi thẩm quyền đảm bảo tính hợp lý, hợp pháp, trung thực và cẩn trọng; trong kỳ Hội đồng quản trị đã họp 13 lần; Hội đồng quản trị luôn giám sát hoạt động của Ban Giám đốc trong việc triển khai thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và các hoạt động kinh doanh của Công ty. Hội đồng quản trị phối hợp với Ban Giám đốc trong chỉ đạo, điều hành toàn diện mọi hoạt động của Công ty góp phần quan trọng vào việc hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch SXKD theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025.

Ban Giám đốc luôn thực hiện đúng theo nội dung Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Nghị quyết của Hội đồng quản trị. Trên cơ sở các chỉ tiêu kế hoạch SXKD đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua, triển khai giao chỉ tiêu kế hoạch cho các Công ty con, thường xuyên kiểm tra, giám sát, đôn đốc và hỗ trợ các đơn vị thực hiện. Định kỳ hàng tuần đều họp sản xuất và hàng tháng đều họp giao ban với sự tham gia đầy đủ của các bộ phận phòng ban và công ty con, nhằm kịp thời giải quyết và xử lý các vấn đề phát sinh liên quan đến hoạt động SXKD của Công ty.

Hội đồng quản trị, Giám đốc và các bộ phận quản lý đã cung cấp đầy đủ thông tin, tài liệu về công tác quản lý điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty, tạo điều kiện cho công tác kiểm soát được thuận lợi.

3. Đối với các cổ đông

Trong năm 2025, Ban kiểm soát không nhận được kiến nghị hoặc yêu cầu kiểm tra nào của cổ đông đối với hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban điều hành và cán bộ quản lý trong Công ty.

4. Báo cáo về các giao dịch giữa Công ty với thành viên HĐQT, Giám đốc, người quản lý khác của Công ty và những người có liên quan của các đối tượng này; giao dịch giữa Công ty với công ty trong đó thành viên HĐQT, Giám đốc, người quản lý khác của Công ty là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 (ba) năm gần nhất trước thời điểm giao dịch.

- Giá trị giao dịch giữa Công ty với các đối tượng nêu trên được thực hiện theo đúng trình tự, thủ tục phê duyệt theo quy định của Pháp luật và Điều lệ.

- Các giao dịch giữa Công ty với các đối tượng nêu trên được liệt kê và công bố thông tin tại Báo cáo tình hình quản trị Công ty.

III. KIẾN NGHỊ

- Đề giữ vững ổn định hoạt động kinh doanh, hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch năm Công ty cần tiếp tục nâng cao chất lượng công tác quản lý điều hành, mở rộng đầu tư và tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin theo hướng chuyển đổi số trong doanh nghiệp. Đồng thời Công ty cần quan tâm bồi dưỡng, đào tạo nguồn nhân lực ổn định bộ máy nhân sự.

- Đề nghị Ban Giám đốc Cty mẹ và Công ty con phải kiểm soát chặt chẽ chi phí để kết quả hoạt động SXKD cần đạt hiệu quả hơn hạn chế phụ thuộc vào doanh thu tài chính, Công ty con cần tập trung giải quyết hết các vấn đề còn đang tồn tại, nhằm đảm bảo hoạt động SXKD của toàn công ty phải đạt hiệu quả ít nhất theo kế hoạch đề ra.

- Về hoạt động tại Công ty con Ban kiểm soát thống nhất chủ trương giải thể Công ty con: Công ty TNHH Một thành viên Xây Dựng Cầu Đường An Giang.

- Đề nghị Ban Giám đốc kiểm soát chặt chẽ hơn nữa các hợp đồng mua bán đảm bảo việc kiểm soát tuân thủ các điều khoản đã ký và tuân thủ quy chế tài chính, tránh rủi ro tổn thất cho Công ty.

- Ban kiểm soát tiếp tục kiểm soát và cho ý kiến về công nợ phải thu khách hàng và đề nghị Ban Giám đốc Công ty đẩy mạnh công tác thu hồi, đưa ra nhiều phương thức mang lại hiệu quả hơn trong công tác thu hồi nợ đối với các khoản nợ còn tồn đọng đã trên 2 năm.

- Đề nghị Ban Giám đốc tiếp tục triển khai và đẩy nhanh công tác quyết toán Cổ phần hóa và có kế hoạch phải trả về cổ phần hóa theo kết luận của Tổ Kiểm toán thuộc Cơ quan Kiểm toán Nhà nước-Khu vực IX đã kết luận trong Biên bản làm việc ngày 21/10/2022.

- Đề nghị Ban Giám đốc tiếp tục liên hệ với Cơ quan hữu quan để hoàn thành khoản công nợ tiềm tàng trong BCTC hợp nhất đã được đơn vị kiểm toán ghi nhận trong phần thuyết minh.

IV. KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG NĂM 2026

- Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của các Báo cáo tài chính và báo cáo hoạt động của Công ty.

- Kiểm tra việc Công ty thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên 2026 đề ra.

- Thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát các hoạt động kinh doanh, quản lý và điều hành Công ty nhằm đảm bảo tính tuân thủ theo các quy định của pháp luật.

- Phối hợp với HĐQT, Ban Giám đốc và các phòng ban Công ty trong việc quản lý Vốn chủ sở hữu và quản lý phần vốn của Công ty đầu tư vào các Công ty con.

- Thực hiện các báo cáo định kỳ của Ban kiểm soát.

- Duy trì sự phối hợp chặt chẽ giữa BKS với các hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và các phòng ban trong Công ty.

Trên đây là báo cáo hoạt động của BKS trong năm 2025 và phương hướng nhiệm vụ của BKS năm 2026 kính trình ĐHĐCĐ xem xét thông qua.

TM. BAN KIỂM SOÁT

TRƯỞNG BAN



NGUYỄN THÀNH NGHÈ



CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ AN GIANG

Địa chỉ: số 839 Trần Hưng Đạo, tổ 13, khóm Bình Thới 1,
phường Bình Đức, tỉnh An Giang, Việt Nam

Điện thoại: 0296 3 953 938 - 852 969 - 854 161 - 853 051

Website: <https://cokhiangiang.com> * Email: cokhiangiang@agm.vn

An Giang, ngày 24 tháng 4 năm 2026

TỜ TRÌNH

**Về việc thông qua Báo cáo tài chính riêng và hợp nhất đã được kiểm toán
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025**

**Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026
Công ty cổ phần Cơ khí An Giang**

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;
- Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Cơ khí An Giang;
- Căn cứ Báo cáo tài chính riêng và hợp nhất năm 2025 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm Toán Quốc Tế - Chi nhánh Sài Gòn;

HĐQT Công ty Cổ phần Cơ khí An Giang kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 thông qua Báo cáo tài chính riêng và hợp nhất năm 2025 đã được kiểm toán, bao gồm:

- Báo cáo của Ban Giám đốc;
- Báo cáo kiểm toán độc lập;
- Bảng cân đối kế toán riêng và hợp nhất;
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và hợp nhất;
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng và hợp nhất;
- Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng và hợp nhất.

Một số chỉ tiêu cơ bản trên Báo cáo tài chính riêng và hợp nhất đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2025 như sau:

1. Theo BCTC riêng đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2025:

| BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN | ĐVT | Năm 2025 | | |
|---|------------|-------------------------|--------------------|--------------|
| | | BC riêng Cty CKAG | Cty XD CB AG | Cty CKLX |
| A. TÀI SẢN NGẮN HẠN | trđ | 165.006 | 11.224 | 3.755 |
| B. TÀI SẢN DÀI HẠN | trđ | 39.470 | 2.071 | 2.044 |
| TỔNG CỘNG TÀI SẢN | trđ | 204.476 | 13.295 | 5.799 |
| C. NỢ PHẢI TRẢ | trđ | 61.329 | 8.403 | 2.253 |
| D. VỐN CHỦ SỞ HỮU | trđ | 143.147 | 4.892 | 3.546 |
| TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN | trđ | 204.476 | 13.295 | 5.799 |
| BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH | ĐVT | | | |
| 1. Doanh thu về BH&CCDV | trđ | 146.317 | 12.771 | 11.379 |
| 2. Các khoản giảm trừ doanh thu | trđ | | | |
| 3. Doanh thu thuần về BH&CCDV | trđ | 146.317 | 12.771 | 11.379 |
| 4. Giá vốn hàng bán | trđ | 130.009 | 13.164 | 10.193 |
| 5. Lợi nhuận gộp về BH&CCDV | trđ | 16.308 | (393) | 1.186 |
| 6. Doanh thu hoạt động tài chính | trđ | 67.570 | 76 | |
| 7. Chi phí tài chính - Trong đó: chi phí lãi vay | Trđ | 2.828 9 | 58 58 | 45 45 |
| 8. Chi phí bán hàng | trđ | 920 | | 210 |
| 9. Chi phí quản lý doanh nghiệp | trđ | 13.817 | 1.706 | 1.171 |
| 10. Lợi nhuận/(lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh | trđ | 66.313 | (2.081) | (240) |
| 11. Thu nhập khác | trđ | 457 | | |
| 12. Chi phí khác | trđ | 127 | 305 | |
| 13. Lợi nhuận/(lỗ) khác | trđ | 330 | (305) | |
| 14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | trđ | 66.643 | (2.386) | (240) |
| 15. Chi phí thuế TNDN hiện hành | trđ | 1.293 | | |
| 16. Thu nhập thuế TNDN hoãn lại | trđ | (880) | | |
| 17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp | trđ | 66.232 | | |

2. Theo BCTC hợp nhất đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2025:

| BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT | ĐVT | Báo cáo tài chính hợp nhất |
|---|-------------|---------------------------------------|
| A. TÀI SẢN NGẮN HẠN | trđ | 170.211 |
| B. TÀI SẢN DÀI HẠN | trđ | 36.018 |
| TỔNG CỘNG TÀI SẢN | trđ | 206.229 |
| C. NỢ PHẢI TRẢ | trđ | 66.544 |
| D. VỐN CHỦ SỞ HỮU | trđ | 139.685 |
| TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN | trđ | 206.229 |
| BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT | ĐVT | Báo cáo tài chính hợp nhất |
| 1. Doanh thu về bán hàng và cung cấp dịch vụ | trđ | 162.421 |
| 2. Các khoản giảm trừ doanh thu | trđ | |
| 3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ | trđ | 162.421 |
| 4. Giá vốn hàng bán | trđ | 145.240 |
| 5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ | trđ | 17.181 |
| 6. Doanh thu hoạt động tài chính | trđ | 67.647 |
| 7. Chi phí tài chính <i>-Trong đó: chi phí lãi vay</i> | trđ | 305 112 |
| 8. Chi phí bán hàng | trđ | 1.130 |
| 9. Chi phí quản lý doanh nghiệp | trđ | 16.383 |
| 10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh | trđ | 67.010 |
| 11. Thu nhập khác | trđ | 457 |
| 12. Chi phí khác | trđ | 432 |
| 13. Lợi nhuận/(Lỗ) khác | trđ | 25 |
| 14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | trđ | 67.035 |
| 15. Chi phí thuế TNDN hiện hành | trđ | 1.293 |
| 16. Thu nhập thuế TNDN hoãn lại | trđ | 538 |
| 17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp | trđ | 65.204 |
| 18. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của Công ty mẹ | trđ | 65.204 |
| 19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu | Đồng | 15.751 |

Thực hiện theo quy định, Công ty đã công bố thông tin Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2025 đến Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội và trên trang thông tin điện tử của Công ty: <https://cokhiangiang.com>.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT, BKS;
- Lưu P.TCHC.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



TRẦN QUÂN ANH



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN QUỐC TẾ International Auditing Company Limited



Thành viên hãng AGN International
Kiểm toán | Thuế | Tư vấn

A member firm of AGN International
Audit | Tax | Advisory

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ AN GIANG

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025



MỤC LỤC

| <u>NỘI DUNG</u> | <u>TRANG</u> |
|--|---------------------|
| BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC | 1 - 2 |
| BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP | 3 - 4 |
| BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG | 5 - 6 |
| BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG | 7 |
| BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG | 8 |
| THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG | 9 - 37 |

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Cơ khí An Giang (sau đây gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

| | |
|----------------------------|----------------------------|
| Ông Trần Quân Anh | Chủ tịch |
| Ông Đồng Trọng Nghĩa | Thành viên |
| Ông Lê Thanh Vân | Thành viên |
| Ông Trần Văn Thái | Thành viên |
| Ông Huỳnh Văn An | Thành viên |
| Bà Phan Thị Ngọc Lan Thanh | Phụ trách quản trị Công ty |

Ban Kiểm soát

| | |
|-----------------------|---|
| Ông Nguyễn Thành Nghè | Trưởng ban (bổ nhiệm ngày 04 tháng 11 năm 2025) |
| Ông Quách Kim Long | Trưởng ban (miễn nhiệm ngày 04 tháng 11 năm 2025) |
| Ông Nguyễn Đức Hiền | Thành viên |
| Ông Nguyễn Văn Tính | Thành viên (bổ nhiệm ngày 04 tháng 11 năm 2025) |

Ban Giám đốc

| | |
|------------------|---|
| Ông Lê Thanh Vân | Giám đốc |
| Ông Huỳnh Văn An | Phó Giám đốc |
| Ông Bùi Thế Hiền | Phó Giám đốc (bổ nhiệm ngày 01 tháng 02 năm 2026) |

Người đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến ngày lập báo cáo này là ông Lê Thanh Vân - Giám đốc.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán Quốc tế - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế AGN International.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính riêng phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng. Trong việc lập Báo cáo tài chính riêng này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính riêng hay không;
- lập Báo cáo tài chính riêng trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính riêng tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính riêng.

Thay mặt và đại diện Ban Giám đốc,



Lê Thanh Vân
Giám đốc

Tỉnh An Giang, ngày 23 tháng 3 năm 2026

Số: 2369/2026/BCKT-ICPA.SG

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Cơ khí An Giang

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần Cơ khí An Giang (sau đây gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 23 tháng 3 năm 2026, từ trang 5 đến trang 37, bao gồm Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính riêng của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (tiếp theo)

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi muốn lưu ý người đọc đến Thuyết minh VI.3 của bản Thuyết minh báo cáo tài chính riêng thể hiện rằng trong năm 2024, báo cáo tài chính của Công ty TNHH Liên doanh Antraco đã ghi nhận khoản lợi nhuận từ việc định giá lại giá trị đất tăng phủ mỏ đá dùng làm vật liệu san lấp từ việc khai thác mỏ với giá trị là 21.395.203.200 đồng. Hội đồng Thành viên của Công ty liên doanh quyết định chưa chia lợi nhuận này cho nhà đầu tư trong năm trước cho đến khi chắc chắn thu được lợi ích kinh tế từ khối lượng đất này. Trong năm 2025, sau khi đã thực hiện tiêu thụ được một phần và có đủ cơ sở xác định khả năng thu được lợi ích kinh tế, Công ty liên doanh đã quyết định phân phối toàn bộ phần lợi nhuận nêu trên cho các nhà đầu tư (sau khi đã trích các quỹ theo quy định). Theo đó, Công ty đã ghi nhận phần lợi nhuận được chia tương ứng vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng năm 2025. Ban Giám đốc đánh giá việc ghi nhận khoản lợi nhuận này trong năm 2025 đã phản ánh phù hợp bản chất kinh tế của giao dịch. Tuy nhiên, tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2025, giá trị đất tăng phủ mỏ đá vẫn chưa được tiêu thụ theo giá trị định giá của công ty liên doanh là 23.478.538.993 đồng (đã bao gồm các khoản thuế, phí phải nộp). Việc lợi nhuận đã được phân chia trong khi phần lớn khối lượng phụ phẩm liên quan vẫn chưa được tiêu thụ có thể dẫn đến yếu tố không chắc chắn liên quan đến khả năng hiện thực hóa lợi ích kinh tế từ khối lượng đất này trong các năm tiếp theo.

Ý kiến kiểm toán của chúng tôi không liên quan đến vấn đề nhấn mạnh này.



Lương Xuân Trường
Giám đốc Chi nhánh
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 1741-2023-072-1

Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN QUỐC TẾ
CHI NHÁNH SÀI GÒN

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 3 năm 2026



Trần Thị Xuân Tước
Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số N.4184-2022-072-1

123-
NG 1
NH
ÁN C
NH
I G
TP

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị: VND

| TÀI SẢN | Mã số | Thuyết minh | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---|------------|-------------|------------------------|------------------------|
| A. TÀI SẢN NGẮN HẠN | 100 | | 165.006.761.087 | 139.636.446.528 |
| I. Tiền và các khoản tương đương tiền | 110 | V.1 | 16.269.066.655 | 10.235.290.174 |
| 1. Tiền | 111 | | 4.269.066.655 | 4.235.290.174 |
| 2. Các khoản tương đương tiền | 112 | | 12.000.000.000 | 6.000.000.000 |
| II. Đầu tư tài chính ngắn hạn | 120 | | 24.000.000.000 | - |
| 1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | 123 | V.11 | 24.000.000.000 | - |
| III. Các khoản phải thu ngắn hạn | 130 | | 113.208.037.579 | 111.219.082.780 |
| 1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng | 131 | V.2 | 94.700.979.762 | 96.280.776.546 |
| 2. Trả trước cho người bán ngắn hạn | 132 | V.3 | 1.954.854.537 | 280.354.391 |
| 3. Phải thu về cho vay ngắn hạn | 135 | V.4 | 1.200.000.000 | 1.200.000.000 |
| 4. Phải thu ngắn hạn khác | 136 | V.5 | 25.383.304.594 | 19.836.704.602 |
| 5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi | 137 | V.6 | (10.031.101.314) | (6.378.752.759) |
| IV. Hàng tồn kho | 140 | V.7 | 11.382.079.929 | 17.268.688.320 |
| 1. Hàng tồn kho | 141 | | 14.798.950.145 | 19.933.878.199 |
| 2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho | 149 | | (3.416.870.216) | (2.665.189.879) |
| V. Tài sản ngắn hạn khác | 150 | | 147.576.924 | 913.385.254 |
| 1. Chi phí trả trước ngắn hạn | 151 | | 24.045.000 | - |
| 2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước | 153 | | 123.531.924 | 913.385.254 |
| B. TÀI SẢN DÀI HẠN | 200 | | 39.470.137.204 | 38.368.988.028 |
| I. Các khoản phải thu dài hạn | 210 | | 858.633.000 | 858.633.000 |
| 1. Phải thu dài hạn khác | 216 | V.5 | 858.633.000 | 858.633.000 |
| II. Tài sản cố định | 220 | | 17.416.917.923 | 14.570.217.150 |
| 1. Tài sản cố định hữu hình | 221 | V.8 | 17.416.917.923 | 14.570.217.150 |
| - Nguyên giá | 222 | | 49.351.754.638 | 43.984.198.826 |
| - Giá trị hao mòn lũy kế | 223 | | (31.934.836.715) | (29.413.981.676) |
| 2. Tài sản cố định vô hình | 227 | V.9 | - | - |
| - Nguyên giá | 228 | | 65.000.000 | 65.000.000 |
| - Giá trị hao mòn lũy kế | 229 | | (65.000.000) | (65.000.000) |
| III. Tài sản dở dang dài hạn | 240 | | 735.582.042 | 520.600.000 |
| 1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang | 242 | V.10 | 735.582.042 | 520.600.000 |
| IV. Đầu tư tài chính dài hạn | 250 | V.11 | 16.395.175.182 | 19.020.871.749 |
| 1. Đầu tư vào công ty con | 251 | | 14.584.859.059 | 14.584.859.059 |
| 2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết | 252 | | 7.956.213.357 | 7.956.213.357 |
| 3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn | 254 | | (6.145.897.234) | (3.520.200.667) |
| V. Tài sản dài hạn khác | 260 | | 4.063.829.057 | 3.398.666.129 |
| 1. Chi phí trả trước dài hạn | 261 | V.12 | 1.374.234.751 | 1.589.877.601 |
| 2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại | 262 | V.13 | 2.689.594.306 | 1.808.788.528 |
| TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200) | 270 | | 204.476.898.291 | 178.005.434.556 |

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025


Đơn vị: VND

| NGUỒN VỐN | Mã số | Thuyết minh | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---|------------|-------------|------------------------|------------------------|
| C. NỢ PHẢI TRẢ | 300 | | 61.329.247.295 | 53.495.743.230 |
| I. Nợ ngắn hạn | 310 | | 61.329.247.295 | 53.495.743.230 |
| 1. Phải trả người bán ngắn hạn | 311 | V.14 | 17.515.280.839 | 18.377.216.801 |
| 2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn | 312 | V.15 | 716.234.254 | 3.200.483.380 |
| 3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | 313 | V.16 | 4.280.916.592 | 3.663.834.532 |
| 4. Phải trả người lao động | 314 | | 2.182.488.263 | 1.215.678.750 |
| 5. Chi phí phải trả ngắn hạn | 315 | V.17 | 5.441.688.467 | 3.241.508.289 |
| 6. Phải trả ngắn hạn khác | 319 | V.18 | 9.971.143.023 | 9.965.930.073 |
| 7. Dự phòng phải trả ngắn hạn | 321 | V.19 | 1.722.496.418 | 2.173.891.756 |
| 8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi | 322 | V.20 | 19.498.999.439 | 11.657.199.649 |
| D. VỐN CHỦ SỞ HỮU | 400 | | 143.147.650.996 | 124.509.691.326 |
| I. Vốn chủ sở hữu | 410 | V.21 | 143.075.115.093 | 124.437.155.423 |
| 1. Vốn góp của chủ sở hữu | 411 | | 32.864.040.000 | 32.864.040.000 |
| - Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết | 411a | | 32.864.040.000 | 32.864.040.000 |
| 2. Quỹ đầu tư phát triển | 418 | | 18.148.085.349 | 18.148.085.349 |
| 3. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu | 420 | | 3.345.401.587 | 3.345.401.587 |
| 4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | 421 | | 88.717.588.157 | 70.079.628.487 |
| - Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước | 421a | | 35.926.409.240 | 52.698.349.857 |
| - Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay | 421b | | 52.791.178.917 | 17.381.278.630 |
| II. Nguồn kinh phí và quỹ khác | 430 | | 72.535.903 | 72.535.903 |
| 1. Nguồn kinh phí | 431 | | 72.535.903 | 72.535.903 |
| TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400) | 440 | | 204.476.898.291 | 178.005.434.556 |


Phan Thị Ngọc Lan Thanh
Người lập biểu


Phan Thị Ngọc Lan Thanh
Kế toán trưởng




Lê Thanh Vân
Giám đốc

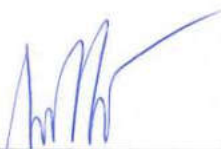
Ngày 23 tháng 3 năm 2026


BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025


Đơn vị: VND

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Năm nay | Năm trước |
|---|-------|-------------|-----------------|-----------------|
| | | | | |
| 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | 01 | | 146.317.654.766 | 150.026.733.498 |
| 2. Các khoản giảm trừ doanh thu | 02 | | - | - |
| 3. Doanh thu thuần (10 = 01 - 02) | 10 | VI.1 | 146.317.654.766 | 150.026.733.498 |
| 4. Giá vốn hàng bán | 11 | VI.2 | 130.009.134.023 | 132.714.257.248 |
| 5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11) | 20 | | 16.308.520.743 | 17.312.476.250 |
| 6. Doanh thu hoạt động tài chính | 21 | VI.3 | 67.570.969.664 | 23.265.786.254 |
| 7. Chi phí tài chính | 22 | VI.4 | 2.828.061.415 | 2.272.816.015 |
| - Trong đó: Chi phí lãi vay | 23 | | 9.254.768 | 227.541.431 |
| 8. Chi phí bán hàng | 25 | VI.5 | 920.161.268 | 649.119.979 |
| 9. Chi phí quản lý doanh nghiệp | 26 | VI.6 | 13.817.579.739 | 14.561.098.317 |
| 10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh [30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)] | 30 | | 66.313.687.985 | 23.095.228.193 |
| 11. Thu nhập khác | 31 | | 457.898.566 | 5 |
| 12. Chi phí khác | 32 | | 127.602.918 | 186.114.544 |
| 13. Lợi nhuận/(lỗ) khác (40 = 31 - 32) | 40 | | 330.295.648 | (186.114.539) |
| 14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40) | 50 | | 66.643.983.633 | 22.909.113.654 |
| 15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành | 51 | VI.7 | 1.292.777.760 | 878.937.507 |
| 16. Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại | 52 | V.13 | (880.805.778) | (407.819.471) |
| 17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52) | 60 | | 66.232.011.651 | 22.437.995.618 |


Phan Thị Ngọc Lan Thanh
Người lập biểu


Phan Thị Ngọc Lan Thanh
Kế toán trưởng




Lê Thanh Vân
Giám đốc

Ngày 23 tháng 3 năm 2026

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG


(Theo phương pháp gián tiếp)


Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị: VND

| CHỈ TIÊU | Mã số | Năm nay | Năm trước |
|---|-------|------------------|------------------|
| I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH | | | |
| 1. Lợi nhuận trước thuế | 01 | 66.643.983.633 | 22.909.113.654 |
| 2. Điều chỉnh cho các khoản | | | |
| Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT | 02 | 2.942.061.872 | 2.230.361.958 |
| Các khoản dự phòng | 03 | 7.029.725.459 | 4.078.956.127 |
| Lãi/(Lãi) chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ | 04 | 54.520 | (2.307.241) |
| Lãi từ hoạt động đầu tư | 05 | (67.535.784.229) | (23.221.447.610) |
| Chi phí lãi vay | 06 | 9.254.768 | 227.541.431 |
| 3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động | 08 | 9.089.296.023 | 6.222.218.319 |
| Giảm/(Tăng) các khoản phải thu | 09 | 1.738.011.441 | (28.747.387.189) |
| Giảm hàng tồn kho | 10 | 5.134.928.054 | 5.868.175.141 |
| (Giảm)/Tăng các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp) | 11 | (401.549.912) | 1.557.941.694 |
| Giảm chi phí trả trước | 12 | 287.576.070 | 276.870.620 |
| Tiền lãi vay đã trả | 14 | (9.254.768) | (227.541.431) |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp | 15 | (899.523.573) | (1.891.102.411) |
| Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh | 17 | (6.888.212.191) | (4.603.322.038) |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh | 20 | 8.051.271.144 | (21.544.147.295) |
| II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ | | | |
| 1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác | 21 | (6.099.722.907) | (991.533.932) |
| 2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác | 23 | (24.000.000.000) | - |
| 3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác | 24 | - | 29.000.000.000 |
| 4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia | 27 | 60.946.322.764 | 11.768.637.342 |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư | 30 | 30.846.599.857 | 39.777.103.410 |
| III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH | | | |
| 1. Tiền thu từ đi vay | 33 | 3.564.666.655 | 21.998.744.705 |
| 2. Tiền trả nợ gốc vay | 34 | (3.564.666.655) | (21.998.744.705) |
| 3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu | 36 | (32.864.040.000) | (16.432.020.000) |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính | 40 | (32.864.040.000) | (19.432.020.000) |
| Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40) | 50 | 6.033.831.001 | (1.199.063.885) |
| Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm | 60 | 10.235.290.174 | 11.432.046.818 |
| Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ | 61 | (54.520) | 2.307.241 |
| Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61) | 70 | 16.269.066.655 | 10.235.290.174 |


Phan Thị Ngọc Lan Thanh
Người lập biểu


Phan Thị Ngọc Lan Thanh
Kế toán trưởng


Lê Thanh Vân
Giám đốc

Ngày 23 tháng 3 năm 2026

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG*Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025***I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT****Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Cơ khí An Giang (sau đây gọi tắt là "Công ty"), tiền thân là Công ty Cơ khí An Giang, là doanh nghiệp Nhà nước được cổ phần hóa theo nghị định số 187/2004/NĐ-CP của Chính phủ ngày 16 tháng 11 năm 2004. Công ty bắt đầu hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1600111049 do Sở Tài chính (tiền thân là Sở Kế hoạch và Đầu tư) cấp lần đầu ngày 7 tháng 12 năm 2007 và qua các lần điều chỉnh trong đó lần điều chỉnh gần nhất là lần thứ 11 ngày 17 tháng 11 năm 2025 về việc cập nhật địa chỉ của Công ty.

Vốn điều lệ của Công ty là 32.864.040.000 đồng, được chia thành 3.286.404 cổ phần bằng nhau, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Trụ sở chính của Công ty tại số 839 Trần Hưng Đạo, tổ 13, khóm Bình Thới 1, phường Bình Đức, tỉnh An Giang (trước đây là phường Bình Khánh, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang).

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài là An Giang Mechanical Joint Stock Company, tên viết tắt là: Angimeco (AMC).

Cổ phiếu của Công ty được đăng ký giao dịch trên sàn Upcom với mã cổ phiếu là CKA.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày cuối năm và tại ngày đầu năm lần lượt là 130 người và 133 người.

Lĩnh vực kinh doanh

Công ty kinh doanh trong nhiều lĩnh vực khác nhau.

Ngành nghề kinh doanh chính và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là sản xuất cầu các loại, sản xuất máy gặt lúa các loại và bán lẻ các linh kiện liên quan đến máy gặt lúa; sản xuất mô tơ, máy phát, biến thế điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện; đúc sắt thép và các ngành nghề khác theo hồ sơ đăng ký kinh doanh.

Hoạt động chính của Công ty trong năm là sản xuất cầu các loại, sản xuất máy gặt, máy sấy các loại và bán lẻ các linh kiện liên quan đến máy gặt, máy sấy.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường:

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (tiếp theo)**Cấu trúc doanh nghiệp**

Công ty hiện đang đầu tư vào hai (02) công ty con và một (01) công ty liên doanh. Thông tin chi tiết về các công ty được đầu tư này như sau:

| | Nơi thành lập và hoạt động | Tỷ lệ (%) | Tỷ lệ biểu quyết nắm giữ (%) | Hoạt động chính |
|---|----------------------------|-----------|------------------------------|---|
| Công ty con | | | | |
| 1. Công ty TNHH MTV Xây dựng Cầu đường An Giang | Tỉnh An Giang | 100% | 100% | Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ |
| 2. Công ty TNHH MTV Cơ khí Long Xuyên | Tỉnh An Giang | 100% | 100% | Sản xuất các cấu kiện kim loại |
| Công ty liên doanh | | | | |
| Công ty TNHH Liên doanh Khai thác Chế biến Vật liệu Xây dựng An Giang (tên công ty viết tắt là "Công ty TNHH Liên doanh Antraco") (i) | Tỉnh An Giang | 50% | 49% | Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét |

(i) Công ty TNHH Liên doanh Antraco đã được gia hạn quyền khai thác khoáng sản đá làm vật liệu xây dựng đến ngày 26 tháng 6 năm 2027 theo Quyết định số 411/QĐ-UBND của Ủy ban Nhân dân tỉnh An Giang ngày 28 tháng 3 năm 2025.

Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính riêng

Số liệu so sánh là số liệu của báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024. Công ty đã áp dụng nhất quán các chính sách kế toán cũng như các quy định của chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng. Do đó thông tin trình bày trên Báo cáo tài chính riêng là có thể so sánh được.

II. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG VÀ NĂM TÀI CHÍNH**Cơ sở lập Báo cáo tài chính riêng**

Báo cáo tài chính riêng kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng.

Báo cáo tài chính riêng kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hằng năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**Chuẩn mực và chế độ kế toán đang áp dụng**

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ("Thông tư 200") ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

Hướng dẫn kế toán mới đã được ban hành nhưng chưa có hiệu lực

Ngày 27 tháng 10 năm 2025, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư 99/2025/TT-BTC ("Thông tư 99") hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp. Thông tư 99 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 và được áp dụng cho các năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày này. Thông tư 99 thay thế cho Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 và các văn bản có liên quan. Các nội dung liên quan đến cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước như hướng dẫn tại Thông tư 200 vẫn tiếp tục được thực hiện.

Thông tư 99 chưa được áp dụng trong báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025. Ban Giám đốc Công ty đang đánh giá ảnh hưởng của việc áp dụng thông tư này đối với báo cáo tài chính riêng của Công ty cho các kỳ kế toán sau.

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính riêng:

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính riêng tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính riêng cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá 3 tháng, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản đầu tư tài chính**Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)*Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025***IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU** (tiếp theo)**Các khoản đầu tư tài chính** (tiếp theo)*Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn* (tiếp theo)

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Đầu tư vào công ty con

Công ty con là các công ty do Công ty kiểm soát. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Công ty liên doanh

Công ty liên doanh là doanh nghiệp được thành lập trên cơ sở thỏa thuận trên hợp đồng mà theo đó Công ty và các bên tham gia thực hiện hoạt động kinh tế trên cơ sở đồng kiểm soát. Đồng kiểm soát được hiểu là việc đưa ra các quyết định mang tính chiến lược liên quan đến các chính sách hoạt động và tài chính của công ty liên doanh phải có sự đồng thuận của các bên tham gia liên doanh.

Công ty ghi nhận ban đầu khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh theo giá gốc. Công ty hạch toán vào thu nhập trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Công ty nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh được trình bày trong Bảng cân đối kế toán riêng theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá (nếu có).

Dự phòng tổn thất

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh được trích lập khi công ty con, công ty liên doanh bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên doanh và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên doanh. Nếu công ty con, công ty liên doanh là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**Nợ phải thu**

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay là các khoản cho vay theo thỏa thuận giữa các bên nhưng không được giao dịch mua bán trên thị trường như chứng khoán.

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày lập báo cáo tài chính riêng.

Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán trong năm.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

| | Số năm |
|---------------------------------|---------|
| Nhà cửa, vật kiến trúc | 10 - 30 |
| Máy móc thiết bị | 5 - 15 |
| Phương tiện vận tải, truyền dẫn | 10 |
| Thiết bị dụng cụ quản lý | 5 |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**Tài sản cố định hữu hình và khấu hao** (tiếp theo)

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình là phần mềm máy vi tính, được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Phần mềm máy vi tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 5 năm.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các khoản chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước gồm khoản sửa chữa tài sản, giải phóng mặt bằng và các khoản chi phí trả trước khác.

Các khoản chi phí trả trước khác bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng, và các chi phí trả trước khác được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

Thuê tài sản

Một khoản thuê được xem là thuê tài chính khi phần lớn các quyền lợi và rủi ro về quyền sở hữu tài sản được chuyển sang cho người đi thuê. Tất cả các khoản thuê khác được xem là thuê hoạt động.

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản. Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê. Các khoản tiền nhận được hoặc phải thu nhằm tạo điều kiện ký kết hợp đồng thuê hoạt động cũng được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

Tài sản đồng kiểm soát

Công ty ghi nhận trong Báo cáo tài chính riêng các hợp đồng hợp tác kinh doanh dưới hình thức tài sản đồng kiểm soát các nội dung sau:

- Phần chia của Công ty trong tài sản đồng kiểm soát được phân loại theo tính chất của tài sản.
- Các khoản nợ phải trả phát sinh riêng của Công ty.
- Phần nợ phải trả phát sinh chung phải gánh chịu cùng với các bên tham gia góp vốn liên doanh khác từ hoạt động của liên doanh.
- Thu nhập từ việc bán hoặc sử dụng phần dịch vụ được chia từ liên doanh cùng với phần chi phí phát sinh được phân chia từ hoạt động của liên doanh.
- Các khoản chi phí của Công ty phát sinh liên quan đến việc góp vốn liên doanh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**Tài sản đồng kiểm soát** (tiếp theo)

Các tài sản cố định khi mang đi góp vốn vào hợp đồng hợp tác kinh doanh và không chuyển quyền sở hữu thành sở hữu chung của các bên liên doanh không được ghi giảm tài sản. Trường hợp Công ty nhận tài sản góp vốn liên doanh thì được theo dõi như tài sản nhận giữ hộ, không hạch toán tăng tài sản và nguồn vốn kinh doanh.

Các tài sản cố định mang đi góp vốn vào hợp đồng hợp tác kinh doanh có sự chuyển quyền sở hữu và đang trong quá trình xây dựng tài sản đồng kiểm soát được ghi giảm tài sản trên sổ kế toán và ghi nhận giá trị tài sản vào chi phí xây dựng cơ bản dở dang. Sau khi tài sản đồng kiểm soát hoàn thành, bàn giao đưa vào sử dụng, căn cứ vào giá trị tài sản được chia Công ty ghi nhận tăng tài sản của mình phù hợp với mục đích sử dụng.

Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Phải trả người bán bao gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ các giao dịch mua - bán và các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác (trong giao dịch nhập khẩu ủy thác). Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán. Các khoản phải trả được phân loại ngắn hạn, dài hạn trên báo cáo tài chính riêng dựa theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày báo cáo.

Chi phí phải trả

Các khoản chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng phải trả được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc kỳ hoạt động.

Dự phòng bảo hành sản phẩm, hàng hóa

Dự phòng chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hóa được lập cho từng loại sản phẩm, hàng hóa có cam kết bảo hành.

Mức trích lập dự phòng bảo hành sản phẩm, hàng hóa được xác định bằng 5% trên doanh thu đã bao gồm thuế giá trị gia tăng, căn cứ theo giá trị bảo hành quy định trong hợp đồng với khách hàng. Tăng, giảm số dự phòng bảo hành sản phẩm, hàng hóa cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn trong năm.

Dự phòng bảo hành công trình xây dựng

Dự phòng bảo hành công trình xây dựng được lập cho từng công trình xây dựng có cam kết bảo hành.

Mức trích lập dự phòng bảo hành công trình xây dựng được xác định bằng 5% trên doanh thu đã bao gồm thuế giá trị gia tăng, căn cứ theo giá trị bảo hành quy định trong hợp đồng với khách hàng. Khi hết thời gian bảo hành, khoản dự phòng bảo hành công trình xây dựng không sử dụng hoặc sử dụng không hết được ghi nhận vào giá vốn trong năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**Vay và nợ phải trả thuê tài chính**

Bao gồm các khoản tiền vay, nợ thuê tài chính, không bao gồm các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai. Công ty theo dõi các khoản vay chi tiết theo từng đối tượng nợ và phân loại ngắn hạn và dài hạn theo thời gian trả nợ.

Chi phí liên quan trực tiếp đến khoản vay được ghi nhận vào chi phí tài chính, ngoại trừ các chi phí phát sinh từ khoản vay riêng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì được vốn hóa theo Chuẩn mực kế toán "Chi phí đi vay".

Ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của các cổ đông.

Vốn khác của chủ sở hữu được ghi nhận theo giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản nhận được do biểu, tặng, sau khi trừ đi thuế phải nộp liên quan đến các tài sản này.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận theo số lợi nhuận (hoặc lỗ) từ kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty trừ (-) chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của kỳ hiện hành và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Cổ tức được công bố và chi trả trong niên độ kế tiếp từ nguồn lợi nhuận chưa phân phối căn cứ vào sự phê duyệt của Đại Hội đồng cổ đông thường niên của Công ty.

Các khoản dự trữ, các quỹ từ lợi nhuận sau thuế được trích lập căn cứ vào điều lệ của Công ty và sự phê duyệt của Đại Hội đồng cổ đông.

Ghi nhận doanh thu**Doanh thu bán hàng**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác);
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu hàng hoá nhận bán đại lý, ký gửi

Doanh thu đối với hàng hoá nhận bán đại lý, ký gửi theo phương thức bán đúng giá hưởng hoa hồng là phần hoa hồng bán hàng mà Công ty được hưởng.

Doanh thu cho thuê tài sản

Doanh thu cho thuê tài sản theo các hợp đồng thuê hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Tiền cho thuê nhận trước của nhiều kỳ được phân bổ vào doanh thu phù hợp với thời gian cho thuê.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**Ghi nhận doanh thu** (tiếp theo)**Doanh thu cung cấp dịch vụ**

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu tài chính

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Lợi nhuận từ công ty liên doanh được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phần sở hữu của Công ty trong lợi nhuận được chia trong năm của Công ty liên doanh.

Lợi nhuận từ các khoản đầu tư khác được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lợi nhuận đó.

Doanh thu từ hợp đồng xây dựng của Công ty được ghi nhận theo chính sách kế toán của Công ty về hợp đồng xây dựng (xem chi tiết dưới đây).

Hợp đồng xây dựng

Doanh thu và chi phí của hợp đồng xây dựng được ghi nhận như sau:

Khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy thì:

- Đối với các hợp đồng xây dựng qui định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do Công ty tự xác định vào ngày kết thúc năm tài chính.
- Đối với các hợp đồng xây dựng qui định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận và được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Các khoản tăng, giảm khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được ghi nhận doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính được một cách đáng tin cậy, thì:

- Doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn.
- Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận vào chi phí khi đã phát sinh.

Chênh lệch giữa tổng doanh thu lũy kế của hợp đồng xây dựng đã ghi nhận và khoản tiền lũy kế ghi trên hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch của hợp đồng được ghi nhận là khoản phải thu hoặc phải trả theo tiến độ kế hoạch của các hợp đồng xây dựng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**Ghi nhận giá vốn**

Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ được ghi nhận theo giá trị thực tế phát sinh và tập hợp theo giá trị và số lượng thành phẩm, hàng hóa, vật tư xuất bán và dịch vụ cung cấp cho khách hàng, đảm bảo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng. Các chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho và dịch vụ cung cấp được ghi nhận ngay vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán "Chi phí đi vay". Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

Ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng.
- Nếu hợp đồng không quy định tỷ giá thanh toán:
 - Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
 - Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
 - Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Báo cáo tài chính riêng và được ghi nhận theo phương pháp số dư. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận (hoặc lỗ) sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

Các bên liên quan

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp - kể cả công ty mẹ, công ty con, công ty liên kết - các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung kiểm soát với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý thay vì là hình thức pháp lý.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

IV. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG**1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

| | Số cuối năm VND | Số đầu năm VND |
|---------------------------------|-----------------------|-----------------------|
| Tiền mặt | 74.865.074 | 167.639.030 |
| Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn | 4.194.201.581 | 4.067.651.144 |
| Các khoản tương đương tiền | 12.000.000.000 | 6.000.000.000 |
| Cộng | 16.269.066.655 | 10.235.290.174 |

Các khoản tương đương tiền thể hiện các khoản tiền gửi tại ngân hàng thương mại với kỳ hạn gốc không quá ba tháng.

2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

| | Số cuối năm VND | Số đầu năm VND |
|--|-----------------------|-----------------------|
| Công ty TNHH Thành Luân 68 | 19.119.141.700 | |
| Công ty TNHH MTV Xây dựng Cầu đường An Giang | 5.687.944.852 | 9.576.616.812 |
| Công ty Cổ phần Kiến Thành Phú Quốc | 3.235.437.290 | 11.419.097.874 |
| Các đối tượng khác | 66.658.455.920 | 75.285.061.860 |
| Cộng | 94.700.979.762 | 96.280.776.546 |

Trong đó, phải thu khách hàng là các bên liên quan
(Xem thuyết minh VII.1)

| | | |
|--|---------------|----------------|
| | 5.687.944.852 | 10.046.656.812 |
|--|---------------|----------------|

3. Trả trước cho người bán ngắn hạn

| | Số cuối năm VND | Số đầu năm VND |
|---|----------------------|--------------------|
| Công ty Cổ phần Vật tư và Thiết bị Toàn Bộ | 1.172.568.672 | - |
| Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Phát triển Nông thôn 620 | 319.560.000 | - |
| Công ty TNHH Đầu tư Xây dựng TMDV Hồng Nhung | - | 120.000.000 |
| Các đối tượng khác | 462.725.865 | 160.354.391 |
| Cộng | 1.954.854.537 | 280.354.391 |

4. Phải thu về cho vay ngắn hạn

Khoản phải thu về cho vay thể hiện khoản hỗ trợ vốn cho Công ty TNHH MTV Cơ khí Long Xuyên - Công ty con của Công ty. Khoản phải thu đã quá hạn thanh toán và Công ty đã trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi theo quy định (xem thêm tại thuyết minh V.6)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)**5. Phải thu khác**

| | Số cuối năm VND | Số đầu năm VND |
|---|-----------------------|-----------------------|
| a. Ngắn hạn | | |
| Lợi nhuận được chia từ công ty liên doanh | 23.560.306.803 | 17.004.459.590 |
| Các khoản tiền đặt cọc, cầm cố và ký quỹ | 1.155.556.723 | 1.678.685.000 |
| Phải thu ngắn hạn khác | 667.441.068 | 1.153.560.012 |
| Cộng | 25.383.304.594 | 19.836.704.602 |
| b. Dài hạn | | |
| Các khoản tiền đặt cọc, cầm cố và ký quỹ | 858.633.000 | 858.633.000 |
| Tổng cộng | 26.241.937.594 | 20.695.337.602 |
| Trong đó, phải thu các bên liên quan (Xem thuyết minh VII.1) | 23.560.306.803 | 17.589.611.869 |



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)**6. Nợ xấu**

| | Số cuối năm | | | Số đầu năm | | |
|----------------------------------|-----------------------|----------------------------------|-------------------------|-----------------------|----------------------------------|------------------------|
| | Giá gốc VND | Giá trị có thể thu hồi VND | Dự phòng VND | Giá gốc VND | Giá trị có thể thu hồi VND | Dự phòng VND |
| Phải thu ngắn hạn của khách hàng | 25.332.639.784 | 16.141.538.470 | (9.191.101.314) | 11.781.908.025 | 6.003.155.266 | (5.778.752.759) |
| Phải thu về cho vay ngắn hạn | 1.200.000.000 | 360.000.000 | (840.000.000) | 1.200.000.000 | 600.000.000 | (600.000.000) |
| Cộng | 26.532.639.784 | 16.501.538.470 | (10.031.101.314) | 12.981.908.025 | 6.603.155.266 | (6.378.752.759) |

Tình hình biến động dự phòng các khoản phải thu khó đòi trong năm

| | Năm nay VND | Năm trước VND |
|------------------------------|-------------------------|------------------------|
| Số dư đầu năm | (6.378.752.759) | (5.098.150.413) |
| Hoàn nhập dự phòng trong năm | (3.652.348.555) | (1.280.602.346) |
| Số dư cuối năm | (10.031.101.314) | (6.378.752.759) |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)**7. Hàng tồn kho**

| | Số cuối năm | | Số đầu năm | |
|---|-----------------------|------------------------|-----------------------|------------------------|
| | Giá gốc VND | Dự phòng VND | Giá gốc VND | Dự phòng VND |
| Nguyên liệu, vật liệu | 7.466.157.685 | (69.326.334) | 7.383.912.122 | (69.326.334) |
| Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang | 3.649.754.341 | - | 8.509.343.857 | - |
| Thành phẩm | 1.390.712.734 | (1.095.441.853) | 1.633.890.015 | (1.053.612.927) |
| Hàng hóa | 2.292.325.385 | (2.252.102.029) | 2.406.732.205 | (1.542.250.618) |
| Cộng | 14.798.950.145 | (3.416.870.216) | 19.933.878.199 | (2.665.189.879) |

Tình hình biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong năm

| | Năm nay VND | Năm trước VND |
|------------------------------|------------------------|------------------------|
| Số dư đầu năm | (2.665.189.879) | (1.906.694.872) |
| Hoàn nhập dự phòng trong năm | (751.680.337) | (758.495.007) |
| Số dư cuối năm | (3.416.870.216) | (2.665.189.879) |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)

8. Tài sản cố định hữu hình

| | Nhà cửa, vật kiến trúc VND | Máy móc thiết bị VND | Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND | Thiết bị, dụng cụ quản lý VND | Cộng VND |
|-------------------------------|----------------------------------|----------------------------|---|-------------------------------------|-----------------------|
| Nguyên giá | | | | | |
| Số dư đầu năm | 17.320.171.398 | 21.471.029.050 | 5.090.472.014 | 102.526.364 | 43.984.198.826 |
| Mua tài sản trong năm | - | 1.448.634.889 | - | - | 1.448.634.889 |
| Xây dựng cơ bản hoàn thành | 3.821.978.040 | 602.391.082 | - | - | 4.424.369.122 |
| Giảm trong năm | - | (505.448.199) | - | - | (505.448.199) |
| Số dư cuối năm | 21.142.149.438 | 23.016.606.822 | 5.090.472.014 | 102.526.364 | 49.351.754.638 |
| Giá trị hao mòn lũy kế | | | | | |
| Số dư đầu năm | 11.723.792.881 | 13.554.434.751 | 4.060.094.347 | 75.659.697 | 29.413.981.676 |
| Khấu hao trong năm | 1.366.590.062 | 1.397.784.225 | 161.567.585 | 16.120.000 | 2.942.061.872 |
| Giảm trong năm | - | (421.206.833) | - | - | (421.206.833) |
| Số dư cuối năm | 13.090.382.943 | 14.531.012.143 | 4.221.661.932 | 91.779.697 | 31.934.836.715 |
| Giá trị còn lại | | | | | |
| Số dư đầu năm | 5.596.378.517 | 7.916.594.299 | 1.030.377.667 | 26.866.667 | 14.570.217.150 |
| Số dư cuối năm | 8.051.766.495 | 8.485.594.679 | 868.810.082 | 10.746.667 | 17.416.917.923 |

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày cuối năm và tại ngày đầu năm lần lượt là 14.375.822.732 đồng và 12.922.869.364 đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)**9. Tài sản cố định vô hình**

Tài sản cố định vô hình của Công ty là giá trị của phần mềm kế toán với nguyên giá là 65.000.000 đồng, đã khấu hao hết nhưng vẫn còn được sử dụng.

10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

| | Số cuối năm VND | Số đầu năm VND |
|---|--------------------|--------------------|
| Chi phí mua đất tại khu dân cư Bình Đức | 520.600.000 | 520.600.000 |
| Chi phí xây dựng cơ bản dở dang khác | 214.982.042 | - |
| Cộng | 735.582.042 | 520.600.000 |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)

11. Đầu tư tài chính

a. Đầu tư vào công ty con

| | Số cuối năm | | Số đầu năm | |
|--|-----------------------|------------------------|-----------------------|------------------------|
| | Giá gốc VND | Dự phòng VND | Giá gốc VND | Dự phòng VND |
| Công ty TNHH MTV Xây dựng Cầu đường An Giang | 10.000.000.000 | (5.107.225.461) | 10.000.000.000 | (2.721.034.921) |
| Công ty TNHH MTV Cơ khí Long Xuyên | 4.584.859.059 | (1.038.671.773) | 4.584.859.059 | (799.165.746) |
| Cộng | 14.584.859.059 | (6.145.897.234) | 14.584.859.059 | (3.520.200.667) |

Tình hình biến động dự phòng các khoản đầu tư vào công ty con trong năm

| | Năm nay VND | Năm trước VND |
|------------------------------|------------------------|------------------------|
| Số dư đầu năm | (3.520.200.667) | (1.480.341.893) |
| Hoàn nhập dự phòng trong năm | (2.625.696.567) | (2.039.858.774) |
| Số dư cuối năm | (6.145.897.234) | (3.520.200.667) |

b. Đầu tư vào công ty liên doanh

| | Số cuối năm | | Số đầu năm | |
|---------------------------------|----------------|-----------------|----------------|-----------------|
| | Giá gốc VND | Dự phòng VND | Giá gốc VND | Dự phòng VND |
| Công ty TNHH Liên doanh Antraco | 7.956.213.357 | - | 7.956.213.357 | - |

Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên doanh không được xác định để thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng do không có giá niêm yết trên thị trường và đến thời điểm hiện tại vẫn chưa có hướng dẫn cụ thể và thống nhất về phương pháp xác định giá trị hợp lý trong kế toán của các khoản đầu tư này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)**11. Đầu tư tài chính** (tiếp theo)**c. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn**

| | Số cuối năm VND | Số đầu năm VND |
|--------------------|--------------------|-------------------|
| Tiền gửi có kỳ hạn | 24.000.000.000 | - |

12. Chi phí trả trước

| | Số cuối năm VND | Số đầu năm VND |
|---|----------------------|----------------------|
| a. Ngắn hạn | | |
| Công cụ, dụng cụ xuất dùng | 24.045.000 | - |
| b. Dài hạn | | |
| Chi phí giải phóng mặt bằng chờ phân bổ (i) | 1.041.666.666 | 1.250.000.000 |
| Công cụ, dụng cụ xuất dùng | 191.518.586 | 173.639.898 |
| Chi phí sửa chữa tài sản | 141.049.499 | 166.237.703 |
| Cộng | 1.374.234.751 | 1.589.877.601 |
| Tổng cộng | 1.398.279.751 | 1.589.877.601 |

(i) Số dư thể hiện chi phí đầu tư xây dựng Trung tâm bảo dưỡng và bán lẻ xe ô tô (không bao gồm chi phí thuê đất) được sử dụng để góp vốn vào hợp đồng hợp tác kinh doanh với Công ty TNHH Toyota Cần Thơ (TCTC) (xem chi tiết tại Thuyết minh số VII.2)

13. Thuế thu nhập hoãn lại

| | Các khoản dự phòng VND |
|---|---------------------------|
| Số dư đầu năm trước | 1.400.969.057 |
| Ghi nhận vào kết quả kinh doanh trong năm | (407.819.471) |
| Số dư đầu năm nay | 1.808.788.528 |
| Ghi nhận vào kết quả kinh doanh trong năm | (880.805.778) |
| Số dư cuối năm nay | 2.689.594.306 |

Thuế suất được sử dụng để tính thuế hoãn lại là thuế suất dự tính của kỳ tương lai khi tài sản được thu hồi hoặc thanh lý, hiện được ước tính ở mức 20%.



T H I N H



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)**14. Phải trả cho người bán ngắn hạn**

Tại ngày kết thúc năm tài chính, giá trị ghi sổ của các khoản nợ phải trả người bán đồng thời cũng là giá trị có khả năng thanh toán. Chi tiết như sau:

| | Số cuối năm VND | Số đầu năm VND |
|--|-----------------------|-----------------------|
| Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Xuất nhập khẩu Thép Nam Phát | 4.403.733.293 | 2.140.661.321 |
| Công ty Cổ phần Kim khí Bình Dương | 3.499.601.215 | - |
| Công ty TNHH Đầu tư Thương mại Dịch vụ Sân xuất Thiên Lộc Phát | - | 4.858.555.955 |
| Các đối tượng khác | 9.611.946.331 | 11.377.999.525 |
| Cộng | 17.515.280.839 | 18.377.216.801 |
| Trong đó, phải trả người bán là các bên liên quan (Xem thuyết minh VII.1) | - | 1.061.859.575 |

15. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

| | Số cuối năm VND | Số đầu năm VND |
|---|--------------------|----------------------|
| Ông Nguyễn Văn Duẩn | 200.000.000 | - |
| Công ty TNHH MTV Thủy Lợi Phương Thanh | 126.800.000 | 67.000.000 |
| Công ty TNHH Xây sát Sản xuất Thanh Phong | 100.000.000 | - |
| Công ty CP Công trình Cầu Phà TPHCM | 98.365.770 | 104.424.240 |
| Công ty TNHH Vietsun Pacific | - | 660.000.000 |
| Japan Insulation Co., Ltd. | - | 633.792.150 |
| Công ty TNHH Sao Vàng | - | 486.552.000 |
| Các đối tượng khác | 191.068.484 | 1.353.139.230 |
| Cộng | 716.234.254 | 3.200.483.380 |

16. Thuế và các khoản phải thu/phải nộp Nhà nước

| | Số đầu năm VND | Số phải nộp trong năm VND | Số đã thực nộp trong năm VND | Số cuối năm VND |
|---|----------------------|---------------------------------|------------------------------------|----------------------|
| a. Phải thu | | | | |
| Thuế thu nhập cá nhân | 21.179.313 | 1.232.534.170 | 1.268.959.261 | 57.604.404 |
| Thuế nhà đất, tiền thuê đất | 892.205.941 | 1.785.596.427 | 959.318.006 | 65.927.520 |
| Cộng | 913.385.254 | 3.018.130.597 | 2.228.277.267 | 123.531.924 |
| b. Phải nộp | | | | |
| Thuế giá trị gia tăng | 3.564.310.959 | 4.154.412.978 | 3.930.585.105 | 3.788.138.832 |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp | 99.523.573 | 1.292.777.760 | 899.523.573 | 492.777.760 |
| Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác | - | 5.501.409 | 5.501.409 | - |
| Cộng | 3.663.834.532 | 5.452.692.147 | 4.835.610.087 | 4.280.916.592 |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)**17. Chi phí phải trả ngắn hạn**

| | Số cuối năm VND | Số đầu năm VND |
|---------------------------------------|----------------------|----------------------|
| Chi phí sản xuất, thi công công trình | 5.386.688.467 | 3.190.008.289 |
| Chi phí phải trả khác | 55.000.000 | 51.500.000 |
| Cộng | 5.441.688.467 | 3.241.508.289 |

18. Phải trả ngắn hạn khác

| | Số cuối năm VND | Số đầu năm VND |
|--|----------------------|----------------------|
| Phải trả về cổ phần hoá | 7.134.811.183 | 7.134.811.183 |
| Tiền sử dụng đất phải nộp lại Nhà nước | 2.370.727.402 | 2.370.727.402 |
| Phải trả ngắn hạn khác | 465.604.438 | 460.391.488 |
| Cộng | 9.971.143.023 | 9.965.930.073 |

Trong đó, phải trả các bên liên quan
(Xem thuyết minh VII.1)

| | | |
|--|------------|------------|
| | 54.000.000 | 54.000.000 |
|--|------------|------------|

19. Dự phòng phải trả ngắn hạn

| | Dự phòng bảo hành sản phẩm, công trình VND |
|--------------------------------------|--|
| Số dư đầu năm | 2.173.891.756 |
| Trích lập dự phòng bổ sung trong năm | 912.190.115 |
| Hoàn nhập dự phòng | (457.896.366) |
| Các khoản dự phòng đã sử dụng | (905.689.087) |
| Số dư cuối năm | 1.722.496.418 |

20. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

| | Số cuối năm VND | Số đầu năm VND |
|----------------------------------|-----------------------|-----------------------|
| Quỹ khen thưởng | 19.098.999.439 | 11.357.199.649 |
| Quỹ thưởng Ban điều hành Công ty | 400.000.000 | 300.000.000 |
| Cộng | 19.498.999.439 | 11.657.199.649 |

Biến động quỹ khen thưởng, phúc lợi trong năm như sau:

| | Năm nay VND | Năm trước VND |
|---|-----------------------|-----------------------|
| Số dư đầu năm | 11.657.199.649 | 9.043.945.278 |
| Trích lập quỹ từ lợi nhuận năm trước | 1.289.179.247 | 2.159.859.421 |
| Trích lập quỹ từ lợi nhuận năm nay | 13.440.832.734 | 5.056.716.988 |
| Quỹ thưởng từ Hiệp hội Doanh nghiệp tỉnh An Giang | 7.020.000 | - |
| Quỹ thưởng từ Tổng Công ty | - | 95.400.000 |
| Sử dụng quỹ trong năm | (6.895.232.191) | (4.698.722.038) |
| Số dư cuối năm | 19.498.999.439 | 11.657.199.649 |

60

G
P
K
H
A

T

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)**21. Vốn chủ sở hữu****a. Thay đổi trong vốn chủ sở hữu**

| | Vốn góp của chủ sở hữu VND | Quỹ đầu tư phát triển VND | Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu VND | Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND | Cộng VND |
|---|----------------------------------|---------------------------------|---|---|------------------------|
| Số dư đầu năm trước | 32.864.040.000 | 18.148.085.349 | 3.345.401.587 | 73.346.920.317 | 127.704.447.253 |
| Lợi nhuận trong năm | - | - | - | 22.437.995.618 | 22.437.995.618 |
| Chia cổ tức | - | - | - | (16.432.020.000) | (16.432.020.000) |
| Trích thưởng Ban điều hành | - | - | - | (400.000.000) | (400.000.000) |
| Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi | - | - | - | (6.816.576.409) | (6.816.576.409) |
| Trích lập tiền sử dụng đất phải nộp lại | - | - | - | (2.056.691.039) | (2.056.691.039) |
| Số dư đầu năm nay | 32.864.040.000 | 18.148.085.349 | 3.345.401.587 | 70.079.628.487 | 124.437.155.423 |
| Lợi nhuận trong năm | - | - | - | 66.232.011.651 | 66.232.011.651 |
| Chia cổ tức | - | - | - | (32.864.040.000) | (32.864.040.000) |
| Trích thưởng Ban điều hành (i) | - | - | - | (500.000.000) | (500.000.000) |
| Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi (i) | - | - | - | (14.230.011.981) | (14.230.011.981) |
| Số dư cuối năm nay | 32.864.040.000 | 18.148.085.349 | 3.345.401.587 | 88.717.588.157 | 143.075.115.093 |

(i) Quỹ khen thưởng, phúc lợi bao gồm 1.189.179.247 đồng được trích từ lợi nhuận năm 2024 và 13.040.832.734 đồng được tạm trích từ lợi nhuận trên Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2025 với tỷ lệ là 20%. Quỹ khen thưởng Ban điều hành bao gồm 100 triệu đồng được trích từ lợi nhuận năm 2024 và 400 triệu đồng tạm trích theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2025 ngày 09 tháng 5 năm 2025. Số liệu cuối cùng về việc trích lập các quỹ sẽ được điều chỉnh theo quyết định của Đại hội đồng Cổ đông thường niên sắp tới.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)**21. Vốn chủ sở hữu** (tiếp theo)**b. Cổ phiếu**

| | Số cuối năm Cổ phiếu | Số đầu năm Cổ phiếu |
|--|-------------------------|------------------------|
| Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành | 3.286.404 | 3.286.404 |
| Số lượng cổ phiếu đã phát hành ra công chúng | 3.286.404 | 3.286.404 |
| + <i>Cổ phiếu phổ thông</i> | 3.286.404 | 3.286.404 |
| Số lượng cổ phiếu đã mua lại (cổ phiếu quỹ) | - | - |
| + <i>Cổ phiếu phổ thông</i> | - | - |
| Số lượng cổ phiếu đang lưu hành | 3.286.404 | 3.286.404 |
| + <i>Cổ phiếu phổ thông</i> | 3.286.404 | 3.286.404 |
| Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 VND/Cổ phiếu | | |

c. Cổ tức

Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2025 ngày 09 tháng 5 năm 2025 đã thông qua việc chia cổ tức năm 2024 với tỷ lệ 100% trên mệnh giá, tương đương với số tiền là 32.864.040.000 đồng. Toàn bộ giá trị cổ tức này đã được thanh toán cho các cổ đông.

Cổ tức năm 2025 theo kế hoạch sẽ được chi trả với tỷ lệ từ 50% vốn điều lệ trở lên. Mức chi trả và hình thức trả cổ tức cuối cùng sẽ được phê duyệt tại Đại hội đồng Cổ đông thường niên sắp tới.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

| | Năm nay VND | Năm trước VND |
|---------------------------------|------------------------|------------------------|
| Doanh thu bán thành phẩm | 100.834.012.314 | 39.762.657.657 |
| Doanh thu xây dựng các loại cầu | 33.787.627.279 | 102.967.058.727 |
| Doanh thu bán hàng hóa | 6.269.825.873 | 4.598.495.745 |
| Doanh thu cung cấp dịch vụ | 5.426.189.300 | 2.698.521.369 |
| Cộng | 146.317.654.766 | 150.026.733.498 |

Trong đó, doanh thu phát sinh từ giao dịch với các bên liên quan
(xem chi tiết tại *Thuyết minh VII.2*)

| | |
|---------------|---------------|
| 2.465.849.889 | 5.974.868.628 |
|---------------|---------------|

2. Giá vốn hàng bán

| | Năm nay VND | Năm trước VND |
|------------------------------------|------------------------|------------------------|
| Giá vốn bán thành phẩm | 89.544.572.254 | 34.205.758.630 |
| Giá vốn của hoạt động xây dựng cầu | 32.241.945.216 | 93.250.639.996 |
| Giá vốn bán hàng hóa | 5.915.434.592 | 4.184.576.748 |
| Giá vốn cung cấp dịch vụ | 1.555.501.624 | 314.786.867 |
| Dự phòng giảm giá hàng tồn kho | 751.680.337 | 758.495.007 |
| Cộng | 130.009.134.023 | 132.714.257.248 |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG (tiếp theo)**3. Doanh thu hoạt động tài chính**

| | Năm nay VND | Năm trước VND |
|--|-----------------------|-----------------------|
| Lợi nhuận từ Công ty TNHH Liên Doanh Antraco (i) | 66.925.379.755 | 22.004.459.590 |
| Lãi tiền gửi, tiền cho vay | 610.404.474 | 1.216.988.020 |
| Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm | 35.185.435 | 42.031.403 |
| Lãi chênh lệch tỷ giá từ việc đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ | - | 2.307.241 |
| Cộng | 67.570.969.664 | 23.265.786.254 |

Trong đó, doanh thu phát sinh với các bên liên quan
(Xem tại thuyết minh VII.1)

| Năm nay VND | Năm trước VND |
|----------------|------------------|
| 66.925.379.755 | 22.004.459.590 |

(i) Lợi nhuận từ Công ty TNHH Liên Doanh Antraco bao gồm 60.560.306.803 đồng được chia từ lợi nhuận năm 2025 và 6.365.072.952 đồng được chia từ lợi nhuận năm 2024. Trong năm 2024, Công ty TNHH Liên doanh Antraco đã ghi nhận khoản lợi nhuận từ việc định giá lại giá trị đất tăng phủ mỏ đá dùng làm vật liệu san lấp từ việc khai thác mỏ với giá trị là 21.395.203.200 đồng. Hội đồng Thành viên của Công ty liên doanh quyết định chưa chia lợi nhuận này cho nhà đầu tư trong năm trước cho đến khi chắc chắn thu được lợi ích kinh tế từ khối lượng đất này. Trong năm 2025, sau khi đã thực hiện tiêu thụ được một phần và có đủ cơ sở xác định khả năng thu được lợi ích kinh tế, Công ty liên doanh đã quyết định phân phối toàn bộ phần lợi nhuận nêu trên cho các nhà đầu tư (sau khi đã trích các quỹ theo quy định). Theo đó, Công ty đã ghi nhận phần lợi nhuận được chia tương ứng vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng năm 2025. Ban Giám đốc đánh giá việc ghi nhận khoản lợi nhuận này trong năm 2025 đã phản ánh phù hợp bản chất kinh tế của giao dịch. Tuy nhiên, tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2025, giá trị đất tăng phủ mỏ đá vẫn chưa được tiêu thụ theo giá trị định giá của công ty liên doanh là 23.478.538.993 đồng (đã bao gồm các khoản thuế, phí phải nộp).

4. Chi phí tài chính

| | Năm nay VND | Năm trước VND |
|---|----------------------|----------------------|
| Trích lập dự phòng đầu tư tài chính | 2.625.696.567 | 2.039.858.774 |
| Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm | 193.055.560 | 5.415.810 |
| Chi phí lãi vay | 9.254.768 | 227.541.431 |
| Lỗ chênh lệch tỷ giá từ việc đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ | 54.520 | - |
| Cộng | 2.828.061.415 | 2.272.816.015 |

5. Chi phí bán hàng

| | Năm nay VND | Năm trước VND |
|-----------------------------|--------------------|--------------------|
| Chi phí hoa hồng bán hàng | 313.500.000 | 120.580.000 |
| Chi phí vận chuyển, thù tài | 180.232.403 | 528.539.979 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 426.428.865 | - |
| Cộng | 920.161.268 | 649.119.979 |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG (tiếp theo)**6. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

| | Năm nay VND | Năm trước VND |
|--------------------------------------|-----------------------|-----------------------|
| Chi phí nhân viên quản lý | 6.927.526.037 | 7.202.641.529 |
| Chi phí đồ dùng văn phòng | 18.805.051 | 240.990.596 |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 443.418.836 | 451.533.868 |
| Thuế, phí và lệ phí | 3.000.000 | 3.000.000 |
| Tiền thuê đất | 939.492.331 | 3.663.411.250 |
| Chi phí dự phòng nợ phải thu khó đòi | 3.652.348.555 | 1.280.602.346 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 1.225.481.026 | 1.473.870.669 |
| Chi phí bằng tiền khác | 607.507.903 | 245.048.059 |
| Cộng | 13.817.579.739 | 14.561.098.317 |

7. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

| | Năm nay VND | Năm trước VND |
|---|-----------------------|-----------------------|
| Lợi nhuận kế toán trước thuế | 66.643.983.633 | 22.909.113.654 |
| Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế | | |
| Cộng: Các khoản chi phí không được trừ | 6.182.317.318 | 3.490.033.472 |
| Cộng: Các khoản điều chỉnh tăng thu nhập chịu thuế khác | 562.967.604 | - |
| Trừ: Thu nhập không chịu thuế | (66.925.379.755) | (22.004.459.590) |
| Thu nhập chịu thuế | 6.463.888.800 | 4.394.687.536 |
| Thuế suất thuế TNDN | 20% | 20% |
| Chi phí thuế TNDN hiện hành | 1.292.777.760 | 878.937.507 |

8. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

| | Năm nay VND | Năm trước VND |
|----------------------------------|------------------------|------------------------|
| Chi phí nguyên liệu, vật liệu | 113.461.412.208 | 106.637.788.448 |
| Chi phí nhân công | 17.739.981.913 | 17.513.123.217 |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 2.847.062.642 | 2.110.090.318 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 7.803.057.420 | 7.047.233.724 |
| Chi phí khác bằng tiền | 1.815.945.100 | 2.610.448.270 |
| Cộng | 143.667.459.283 | 135.918.683.977 |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan

Danh sách các bên liên quan:

| <u>Bên liên quan</u> | <u>Mối quan hệ</u> |
|--|------------------------------|
| Tổng Công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp Việt Nam - CTCP | Cổ đông có ảnh hưởng đáng kể |
| Công ty TNHH MTV Xây dựng Cầu đường An Giang | Công ty con |
| Công ty TNHH MTV Cơ khí Long Xuyên | Công ty con |
| Công ty TNHH Liên doanh Antraco | Công ty liên doanh |
| Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc | Nhân sự quản lý chủ chốt |

Trong năm, Công ty đã phát sinh các giao dịch trọng yếu sau với các bên liên quan:

| | <u>Năm nay VND</u> | <u>Năm trước VND</u> |
|---|------------------------|--------------------------|
| Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | | |
| Công ty TNHH MTV Xây dựng Cầu đường An Giang | 1.982.780.000 | 5.791.597.516 |
| Công ty TNHH MTV Cơ Khí Long Xuyên | 483.069.889 | 183.271.112 |
| Cộng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ từ bên liên quan | 2.465.849.889 | 5.974.868.628 |
| Doanh thu hoạt động tài chính | | |
| Công ty TNHH Liên Doanh Antraco | 66.925.379.755 | 22.004.459.590 |

Ngoài các giao dịch đã được trình bày ở trên, trong năm Công ty còn phát sinh các giao dịch trọng yếu với các bên liên quan như sau:

| | <u>Năm nay VND</u> | <u>Năm trước VND</u> |
|---|------------------------|--------------------------|
| Tổng Công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp Việt Nam - CTCP | | |
| Chia cổ tức | 15.580.720.000 | 7.790.360.000 |
| Công ty TNHH MTV Cơ khí Long Xuyên | | |
| Mua hàng hóa, dịch vụ | 1.895.247.993 | 3.286.475.314 |
| Bán hàng hóa, dịch vụ | 483.069.889 | - |
| Công ty TNHH MTV Xây dựng Cầu đường An Giang | | |
| Mua hàng hóa, dịch vụ | 3.038.990.740 | 3.159.848.762 |
| Bán hàng hóa, dịch vụ | 1.982.780.000 | - |
| Công ty TNHH Liên doanh Antraco | | |
| Mua hàng hóa | - | 203.184.400 |

Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc niên độ kế toán:

| | <u>Số cuối năm VND</u> | <u>Số đầu năm VND</u> |
|--|----------------------------|---------------------------|
| Phải thu ngắn hạn của khách hàng | | |
| Công ty TNHH MTV Xây dựng Cầu đường An Giang | 5.687.944.852 | 9.576.616.812 |
| Công ty TNHH MTV Cơ khí Long Xuyên | - | 470.040.000 |
| Cộng | 5.687.944.852 | 10.046.656.812 |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)**1. Nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan** (tiếp theo)

Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc niên độ kế toán: (tiếp theo)

| | Số cuối năm VND | Số đầu năm VND |
|--|-----------------------|-----------------------|
| Phải thu về cho vay ngắn hạn | | |
| Công ty TNHH MTV Cơ khí Long Xuyên | 1.200.000.000 | 1.200.000.000 |
| Phải thu khác | | |
| Công ty TNHH Liên doanh Antraco | 23.560.306.803 | 17.004.459.590 |
| Công ty TNHH MTV Cơ khí Long Xuyên | - | 585.152.279 |
| Cộng | 23.560.306.803 | 17.589.611.869 |
| Phải trả người bán ngắn hạn | | |
| Công ty TNHH MTV Cơ khí Long Xuyên | - | 535.859.575 |
| Công ty TNHH MTV Xây dựng Cầu đường An Giang | - | 526.000.000 |
| Cộng | - | 1.061.859.575 |
| Phải trả ngắn hạn khác | | |
| Công ty TNHH MTV Cơ Khí Long Xuyên | 54.000.000 | 54.000.000 |

Thù lao của Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát trong năm

| Họ và tên | Chức vụ | Năm nay VND | Năm trước VND |
|----------------------------|----------------------------|--------------------|--------------------|
| Hội đồng Quản trị | | | |
| Ông Trần Quân Anh | Chủ tịch | 60.000.000 | 48.000.000 |
| Ông Đồng Trọng Nghĩa | Thành viên | 48.000.000 | 36.000.000 |
| Ông Lê Thanh Vân | Thành viên | 48.000.000 | 36.000.000 |
| Ông Trần Văn Thái | Thành viên | 48.000.000 | 36.000.000 |
| Ông Huỳnh Văn An | Thành viên | 48.000.000 | 36.000.000 |
| Bà Phan Thị Ngọc Lan Thanh | Phụ trách quản trị Công ty | 30.000.000 | 18.000.000 |
| Cộng | | 282.000.000 | 210.000.000 |

Ban Kiểm soát

| | | | |
|-----------------------|---|--------------------|-------------------|
| Ông Nguyễn Thành Nghè | Trưởng ban (bổ nhiệm ngày 04 tháng 11 năm 2025) | 33.000.000 | 18.000.000 |
| Ông Quách Kim Long | Trưởng ban (miễn nhiệm ngày 04 tháng 11 năm 2025) | 40.000.000 | 36.000.000 |
| Ông Nguyễn Đức Hiền | Thành viên | 30.000.000 | 18.000.000 |
| Ông Nguyễn Văn Tính | Thành viên (bổ nhiệm ngày 04 tháng 11 năm 2025) | 5.000.000 | - |
| Cộng | | 108.000.000 | 72.000.000 |

Tiền lương, thưởng và các khoản thu nhập khác của Ban Giám đốc được hưởng trong năm:

| Họ và tên | Chức vụ | Năm nay VND | Năm trước VND |
|------------------|--------------|----------------------|----------------------|
| Ông Lê Thanh Vân | Giám đốc | 806.097.636 | 759.745.091 |
| Ông Huỳnh Văn An | Phó Giám đốc | 514.965.000 | 488.737.182 |
| Cộng | | 1.321.062.636 | 1.248.482.273 |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)**2. Các cam kết****Cam kết thuê hoạt động - Công ty là bên đi thuê**

| | Năm nay VND | Năm trước VND |
|---|-----------------------|-----------------------|
| Chi phí thuê hoạt động tối thiểu đã ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong năm | 1.769.276.853 | 6.400.654.743 |
| Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, Công ty có các khoản cam kết thuê hoạt động không hủy ngang với lịch thanh toán như sau: | | |
| | Số cuối năm VND | Số đầu năm VND |
| Trong vòng một năm | 4.423.194.064 | 1.769.276.853 |
| Từ năm thứ hai đến năm thứ năm | 23.686.514.961 | 21.675.471.997 |
| Sau năm năm | 1.504.472.308 | 6.446.933.333 |
| Cộng | 29.614.181.332 | 29.891.682.183 |

Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động thể hiện:

- Tổng số tiền thuê 8.052,2 m² đất tại phường Mỹ Quý, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang. Thời hạn của hợp đồng thuê đất là 30 năm tính từ ngày 5 tháng 1 năm 2001.
- Tổng số tiền thuê 3.776,6 m² đất tại phường Mỹ Thới, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang. Thời hạn của hợp đồng thuê đất là 30 năm tính từ ngày 21 tháng 5 năm 2008.
- Tổng số tiền thuê 18.577,4 m² đất tại phường Bình Khánh, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang. Thời hạn của hợp đồng thuê đất là 30 năm tính từ ngày 5 tháng 1 năm 2001.
- Tổng số tiền thuê 89,8 m² đất tại phường Mỹ Long, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang. Thời hạn của hợp đồng thuê đất là 30 năm tính từ ngày 11 tháng 4 năm 2008.

Cam kết không hủy ngang khác

Công ty đã ký Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 01/2018/BCC-TCTC-CKAG ngày 8 tháng 4 năm 2018 và phụ lục hợp đồng ngày 3 tháng 10 năm 2018 (gọi chung là Hợp đồng BCC) với Công ty TNHH Toyota Cần Thơ (TCTC) để thực hiện dự án đầu tư Xây dựng Trung tâm bảo dưỡng và bán lẻ xe ô tô. Theo hợp đồng BCC và giấy Chứng nhận đăng ký đầu tư số 5414883082 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh An Giang cấp lần đầu ngày 18 tháng 4 năm 2017 và sửa đổi lần 2 ngày 22 tháng 10 năm 2018, dự án được thực hiện bởi hai nhà đầu tư là Công ty và TCTC, trong đó Công ty góp bằng tài sản trên đất trị giá 2,5 tỷ đồng và TCTC góp tiền mặt để thực hiện xây dựng và cải tạo hoặc trang bị cho công trình tại mặt bằng để thực hiện dự án. Thời hạn hoạt động của dự án là từ ngày 22 tháng 10 năm 2018 đến ngày 05 tháng 01 năm 2031 (ngày kết thúc thời hạn thuê đất). Sau khi tài sản trên đất được xây dựng, cải tạo hoặc trang bị xong sẽ được chuyển giao cho TCTC và do TCTC toàn quyền quản lý và sử dụng cho các mục tiêu của dự án cho đến khi chấm dứt thời hạn.

Không phụ thuộc vào kết quả kinh doanh của dự án, Công ty được hưởng một khoản doanh thu được chia cố định (chưa bao gồm VAT) là 2 tỷ đồng/năm trong vòng 5 năm đầu tiên của thời hạn và kể từ năm thứ 6 trở đi, định kỳ 3 năm một lần, hai bên sẽ thỏa thuận lại giá trị khoản doanh thu cố định chia cho Công ty nhưng mức tăng không vượt quá 10% giá trị của khoản doanh thu cố định được hưởng của giai đoạn liền kề trước đó.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)**3. Các khoản công nợ tiềm tàng**

Công ty hiện đang trong quá trình làm việc với Sở Tài chính, Sở Tài nguyên và Môi trường và UBND Tỉnh An Giang về cơ sở tính sổ tiền bị truy thu với giá trị ước tính 2,2 tỷ đồng từ sử dụng một phần diện tích đất thuê của Nhà Nước chưa đúng mục đích. Tuy nhiên đến thời điểm lập báo cáo tài chính riêng này, Công ty chưa có quyết định chính thức từ cơ quan quản lý Nhà nước. Để đảm bảo việc thanh toán cho nghĩa vụ này, Công ty đã tiến hành trích lập quỹ dự phòng từ lợi nhuận sau thuế với số tiền 2.056.691.039 đồng trong năm 2024 và đã được cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2024 ngày 10 tháng 5 năm 2024.


4. Báo cáo bộ phận


Hoạt động chính của Công ty là xây dựng cầu các loại, sản xuất máy gặt, máy sấy các loại và bán lẻ các linh kiện liên quan đến máy gặt, máy sấy. Thông tin tài chính trình bày trên Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và toàn bộ doanh thu, chi phí trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 là liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh nói trên. Theo đó, không có báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh cần phải trình bày. Doanh thu, giá vốn theo từng hoạt động sản xuất kinh doanh được trình bày tại các Thuyết minh số VI.1 và VI.2.


Công ty không có hoạt động kinh doanh nào ngoài lãnh thổ Việt Nam và các hoạt động kinh doanh diễn ra tại các tỉnh thành trên cả nước không có sự tương đồng khi phân tích theo khu vực địa lý. Do vậy, Công ty không có báo cáo theo khu vực địa lý.

5. Sự kiện sau ngày kết thúc niên độ

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính và đến ngày phát hành báo cáo tài chính riêng này yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính riêng.


Phan Thị Ngọc Lan Thanh
Người lập biểu


Phan Thị Ngọc Lan Thanh
Kế toán trưởng


Lê Thanh Vân
Giám đốc

Ngày 23 tháng 3 năm 2026

Văn phòng CÔNG TY

Tầng 15, Tòa nhà Center Building – Hapulico Complex
Số 1 Nguyễn Huy Tưởng, P. Thanh Xuân, TP. Hà Nội

☎ (024) 6664 2777

☎ (024) 6664 2777

✉ contact@icpa.vn

Chi nhánh SÀI GÒN

Tầng 4, Tòa nhà Hải Âu TIC

Số 39B Trường Sơn, P. Tân Sơn Nhất, TP. Hồ Chí Minh

☎ (028) 7303 2007

☎ (028) 3547 2323

✉ saigon@icpa.vn

Chi nhánh MIỀN TRUNG

Tầng 2, Số NP2-14

Đại lộ Nguyễn Hoàng, P. Hạc Thành, Tỉnh Thanh Hóa

☎ (0237) 375 8959

☎ (0237) 375 8959

✉ mientrung@icpa.vn

Chi nhánh THÀNH CÔNG

Tầng 2, Tòa nhà Nhà Việt

Số 8 Đường V.I Lê Nin, P. Vinh Phú, Tỉnh Nghệ An

☎ (0238) 268 2888

☎ (0238) 268 2888

✉ thanhcong@icpa.vn

HEAD Office

15th floor, Center Building – Hapulico Complex

1 Nguyen Huy Tuong, Thanh Xuan Ward, Ha Noi City

☎ (+ 84 24) 6664 2777

☎ (+ 84 24) 6664 2777

✉ contact@icpa.vn

SAI GON Branch

4th floor, Hai Au TIC Building

39B Truong Son, Tan Son Nhat Ward, Ho Chi Minh City

☎ (+ 84 28) 7303 2007

☎ (+ 84 28) 3547 2323

✉ saigon@icpa.vn

CENTRAL Branch

2nd floor, No. NP2-14

Nguyen Hoang Boulevard, Hac Thanh Ward, Thanh Hoa Province

☎ (+ 84 237) 375 8959

☎ (+ 84 237) 375 8959

✉ mientrung@icpa.vn

THANH CONG Branch

2nd floor, Nha Viet Building

8 V.I Lenin Street, Vinh Phu Ward, Nghe An Province

☎ (+ 84 238) 268 2888

☎ (+ 84 238) 268 2888

✉ thanhcong@icpa.vn

www.icpa.vn



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN QUỐC TẾ International Auditing Company Limited



Thành viên hãng AGN International
Kiểm toán | Thuế | Tư vấn

A member firm of AGN International
Audit | Tax | Advisory

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ AN GIANG

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025



MỤC LỤC

| <u>NỘI DUNG</u> | <u>TRANG</u> |
|---|---------------------|
| BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC | 1 - 2 |
| BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP | 3 - 4 |
| BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT | 5 - 6 |
| BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT | 7 |
| BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT | 8 |
| THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT | 9 - 40 |

20/01/2021
T
H
N
A

20/01/2021
KI
T

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Cơ khí An Giang (sau đây gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

| | |
|----------------------------|----------------------------|
| Ông Trần Quân Anh | Chủ tịch |
| Ông Đồng Trọng Nghĩa | Thành viên |
| Ông Lê Thanh Vân | Thành viên |
| Ông Trần Văn Thái | Thành viên |
| Ông Huỳnh Văn An | Thành viên |
| Bà Phan Thị Ngọc Lan Thanh | Phụ trách quản trị Công ty |

Ban Kiểm soát

| | |
|-----------------------|---|
| Ông Nguyễn Thành Nghê | Trưởng ban (bổ nhiệm ngày 04 tháng 11 năm 2025) |
| Ông Quách Kim Long | Trưởng ban (miễn nhiệm ngày 04 tháng 11 năm 2025) |
| Ông Nguyễn Đức Hiền | Thành viên |
| Ông Nguyễn Văn Tính | Thành viên (bổ nhiệm ngày 04 tháng 11 năm 2025) |

Ban Giám đốc

| | |
|------------------|---|
| Ông Lê Thanh Vân | Giám đốc |
| Ông Huỳnh Văn An | Phó Giám đốc |
| Ông Bùi Thế Hiền | Phó Giám đốc (bổ nhiệm ngày 01 tháng 02 năm 2026) |

Người đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến ngày lập báo cáo này là ông Lê Thanh Vân - Giám đốc.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán Quốc tế - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế AGN International.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất. Trong việc lập các Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt và đại diện Ban Giám đốc,



Lê Thanh Vân
Giám đốc

Tỉnh An Giang, ngày 23 tháng 3 năm 2026

Số: 2370/2026/BCKT-ICPA.SG

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Cơ khí An Giang

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Cơ khí An Giang (sau đây gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 23 tháng 3 năm 2026, từ trang 5 đến trang 40, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (tiếp theo)

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi muốn lưu ý người đọc đến Thuyết minh V.11 của bản Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất thể hiện rằng trong năm 2024, báo cáo tài chính của Công ty TNHH Liên doanh Antraco đã ghi nhận khoản lợi nhuận từ việc định giá lại giá trị đất tăng phủ mỏ đá dùng làm vật liệu san lấp từ việc khai thác mỏ với giá trị là 21.395.203.200 đồng. Hội đồng Thành viên của Công ty liên doanh quyết định chưa chia lợi nhuận này cho nhà đầu tư trong năm trước cho đến khi chắc chắn thu được lợi ích kinh tế từ khối lượng đất này. Trong năm 2025, sau khi đã thực hiện tiêu thụ được một phần và có đủ cơ sở xác định khả năng thu được lợi ích kinh tế, Công ty liên doanh đã quyết định phân phối toàn bộ phần lợi nhuận nêu trên cho các nhà đầu tư (sau khi đã trích các quỹ theo quy định). Theo đó, Công ty đã ghi nhận phần lợi nhuận được chia tương ứng vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất năm 2025. Ban Giám đốc đánh giá việc ghi nhận khoản lợi nhuận này trong năm 2025 đã phản ánh phù hợp bản chất kinh tế của giao dịch và đảm bảo nguyên tắc thận trọng trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Tuy nhiên, tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2025, giá trị đất tăng phủ mỏ đá vẫn chưa được tiêu thụ theo giá trị định giá của công ty liên doanh là 23.478.538.993 đồng (đã bao gồm các khoản thuế, phí phải nộp). Việc lợi nhuận đã được phân chia trong khi phần lớn khối lượng phụ phẩm liên quan vẫn chưa được tiêu thụ có thể dẫn đến yếu tố không chắc chắn liên quan đến khả năng hiện thực hóa lợi ích kinh tế từ khối lượng đất này trong các năm tiếp theo.

Ý kiến kiểm toán của chúng tôi không liên quan đến vấn đề nhấn mạnh này.



Lương Xuân Trường
Giám đốc Chi nhánh
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 1741-2023-072-1

Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN QUỐC TẾ
CHI NHÁNH SÀI GÒN

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 3 năm 2026



Trần Thị Xuân Tước
Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số N.4184-2022-072-1



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị: VND


| TÀI SẢN | Mã số | Thuyết minh | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---|--------------|--------------------|------------------------|------------------------|
| A. TÀI SẢN NGẮN HẠN | 100 | | 170.211.135.754 | 146.931.474.725 |
| I. Tiền và các khoản tương đương tiền | 110 | V.1 | 17.198.734.582 | 12.044.409.494 |
| 1. Tiền | 111 | | 5.198.734.582 | 4.744.409.494 |
| 2. Các khoản tương đương tiền | 112 | | 12.000.000.000 | 7.300.000.000 |
| II. Đầu tư tài chính ngắn hạn | 120 | | 25.334.088.774 | - |
| 1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | 123 | V.2 | 25.334.088.774 | - |
| III. Các khoản phải thu ngắn hạn | 130 | | 115.413.412.862 | 112.799.261.491 |
| 1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng | 131 | V.3 | 97.924.173.152 | 99.188.084.920 |
| 2. Trả trước cho người bán ngắn hạn | 132 | V.4 | 2.078.621.442 | 803.030.994 |
| 3. Phải thu ngắn hạn khác | 136 | V.5 | 25.639.002.817 | 19.684.008.627 |
| 4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi | 137 | V.6 | (10.306.915.573) | (6.966.394.074) |
| 5. Tài sản thiếu chờ xử lý | 139 | | 78.531.024 | 90.531.024 |
| IV. Hàng tồn kho | 140 | V.7 | 12.095.003.709 | 21.135.259.101 |
| 1. Hàng tồn kho | 141 | | 18.066.954.689 | 26.308.647.720 |
| 2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho | 149 | | (5.971.950.980) | (5.173.388.619) |
| V. Tài sản ngắn hạn khác | 150 | | 169.895.827 | 952.544.639 |
| 1. Chi phí trả trước ngắn hạn | 151 | V.12 | 37.545.000 | 30.340.482 |
| 2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước | 153 | V.16 | 132.350.827 | 922.204.157 |
| B. TÀI SẢN DÀI HẠN | 200 | | 36.018.806.390 | 32.759.429.955 |
| I. Các khoản phải thu dài hạn | 210 | | 858.633.000 | 858.633.000 |
| 1. Phải thu dài hạn khác | 216 | V.5 | 858.633.000 | 858.633.000 |
| II. Tài sản cố định | 220 | | 21.027.967.862 | 18.685.656.081 |
| 1. Tài sản cố định hữu hình | 221 | V.8 | 21.027.967.862 | 18.685.656.081 |
| - Nguyên giá | 222 | | 63.212.962.447 | 57.845.406.635 |
| - Giá trị hao mòn lũy kế | 223 | | (42.184.994.585) | (39.159.750.554) |
| 2. Tài sản cố định vô hình | 227 | V.9 | - | - |
| - Nguyên giá | 228 | | 65.000.000 | 65.000.000 |
| - Giá trị hao mòn lũy kế | 229 | | (65.000.000) | (65.000.000) |
| III. Tài sản dở dang dài hạn | 240 | | 925.591.988 | 581.615.179 |
| 1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang | 242 | V.10 | 925.591.988 | 581.615.179 |
| IV. Đầu tư tài chính dài hạn | 250 | | 7.956.213.357 | 7.956.213.357 |
| 1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết | 252 | V.11 | 7.956.213.357 | 7.956.213.357 |
| V. Tài sản dài hạn khác | 260 | | 5.250.400.183 | 4.677.312.338 |
| 1. Chi phí trả trước dài hạn | 261 | V.12 | 1.688.441.875 | 1.991.276.509 |
| 2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại | 262 | V.13 | 3.561.958.308 | 2.686.035.829 |
| TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200) | 270 | | 206.229.942.144 | 179.690.904.680 |


BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025


Đơn vị: VND

| NGUỒN VỐN | Mã số | Thuyết minh | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---|------------|-------------|------------------------|------------------------|
| C. NỢ PHẢI TRẢ | 300 | | 66.544.412.963 | 57.615.487.189 |
| I. Nợ ngắn hạn | 310 | | 65.001.105.108 | 57.486.687.567 |
| 1. Phải trả người bán ngắn hạn | 311 | V.14 | 18.521.045.858 | 19.332.584.069 |
| 2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn | 312 | V.15 | 1.072.563.254 | 3.831.603.945 |
| 3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | 313 | V.16 | 4.504.978.134 | 3.935.172.524 |
| 4. Phải trả người lao động | 314 | | 2.406.645.744 | 1.514.213.003 |
| 5. Chi phí phải trả ngắn hạn | 315 | V.17 | 6.033.811.928 | 4.427.354.289 |
| 6. Phải trả ngắn hạn khác | 319 | V.18 | 10.083.838.130 | 10.019.679.010 |
| 7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn | 320 | V.19 | 1.151.675.526 | 565.048.645 |
| 8. Dự phòng phải trả ngắn hạn | 321 | V.20 | 1.722.496.418 | 2.173.891.756 |
| 9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi | 322 | V.21 | 19.504.050.116 | 11.687.140.326 |
| II. Nợ dài hạn | 330 | | 1.543.307.855 | 128.799.622 |
| 1. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả | 341 | V.13 | 1.543.307.855 | 128.799.622 |
| D. VỐN CHỦ SỞ HỮU | 400 | | 139.685.529.181 | 122.075.417.491 |
| I. Vốn chủ sở hữu | 410 | V.22 | 139.612.993.278 | 122.002.881.588 |
| 1. Vốn góp của chủ sở hữu | 411 | | 32.864.040.000 | 32.864.040.000 |
| - Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết | 411a | | 32.864.040.000 | 32.864.040.000 |
| 2. Quỹ đầu tư phát triển | 418 | | 18.848.061.799 | 18.848.061.799 |
| 3. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu | 420 | | 3.418.232.123 | 3.418.232.123 |
| 4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | 421 | | 84.482.659.356 | 66.872.547.666 |
| - Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước | 421a | | 32.719.328.419 | 48.145.679.716 |
| - Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay | 421b | | 51.763.330.937 | 18.726.867.950 |
| II. Nguồn kinh phí và quỹ khác | 430 | | 72.535.903 | 72.535.903 |
| 1. Nguồn kinh phí | 431 | | 72.535.903 | 72.535.903 |
| TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400) | 440 | | 206.229.942.144 | 179.690.904.680 |


Phan Thị Ngọc Lan Thanh
Người lập biểu


Phan Thị Ngọc Lan Thanh
Kế toán trưởng




Lê Thanh Vân
Giám đốc

Ngày 23 tháng 3 năm 2026

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025


Đơn vị: VND

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Năm nay | Năm trước |
|---|-------|-------------|-----------------|-----------------|
| 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | 01 | VI.1 | 162.421.815.235 | 182.953.363.033 |
| 2. Các khoản giảm trừ doanh thu | 02 | | - | - |
| 3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02) | 10 | | 162.421.815.235 | 182.953.363.033 |
| 4. Giá vốn hàng bán | 11 | VI.2 | 145.240.803.895 | 162.940.686.354 |
| 5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11) | 20 | | 17.181.011.340 | 20.012.676.679 |
| 6. Doanh thu hoạt động tài chính | 21 | VI.3 | 67.647.579.654 | 23.393.836.890 |
| 7. Chi phí tài chính | 22 | VI.4 | 304.953.644 | 362.935.316 |
| - Trong đó: Chi phí lãi vay | 23 | | 111.843.564 | 357.519.506 |
| 8. Phần lãi trong công ty liên doanh, liên kết | 24 | V.11 | - | - |
| 9. Chi phí bán hàng | 25 | VI.5 | 1.130.655.384 | 794.394.054 |
| 10. Chi phí quản lý doanh nghiệp | 26 | VI.6 | 16.382.901.305 | 17.956.909.463 |
| 11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh [30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)] | 30 | | 67.010.080.661 | 24.292.274.736 |
| 12. Thu nhập khác | 31 | | 457.898.566 | 2.872 |
| 13. Chi phí khác | 32 | | 432.452.042 | 211.141.998 |
| 14. Lợi nhuận/(lỗ) khác (40 = 31 - 32) | 40 | | 25.446.524 | (211.139.126) |
| 15. Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40) | 50 | | 67.035.527.185 | 24.081.135.610 |
| 16. Chi phí thuế TNDN hiện hành | 51 | VI.7 | 1.292.777.760 | 878.937.507 |
| 17. Chi phí/(thu nhập) thuế TNDN hoãn lại | 52 | V.13 | 538.585.754 | (581.386.835) |
| 18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52) | 60 | | 65.204.163.671 | 23.783.584.938 |
| 19. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ | 61 | | 65.204.163.671 | 23.783.584.938 |
| 20. Lãi cơ bản trên cổ phiếu | 70 | VI.8 | 15.751 | 5.306 |
| 21. Lãi suy giảm trên cổ phiếu | 71 | VI.8 | 15.751 | 5.306 |


Phan Thị Ngọc Lan Thanh
Người lập biểu


Phan Thị Ngọc Lan Thanh
Kế toán trưởng




Lê Thanh Vân
Giám đốc

Ngày 23 tháng 3 năm 2026

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị: VND

| CHỈ TIÊU | Mã số | Năm nay | Năm trước |
|---|-------|------------------|------------------|
| I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH | | | |
| 1. Lợi nhuận trước thuế | 01 | 67.035.527.185 | 24.081.135.610 |
| 2. Điều chỉnh cho các khoản | | | |
| Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT | 02 | 3.446.450.864 | 2.743.483.465 |
| Các khoản dự phòng | 03 | 3.687.688.522 | 1.364.157.707 |
| Lỗ/(Lãi) chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ | 04 | 54.520 | (2.307.241) |
| Lãi từ hoạt động đầu tư | 05 | (67.612.394.219) | (23.349.498.246) |
| Chi phí lãi vay | 06 | 111.843.564 | 357.519.506 |
| 3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động | 08 | 6.669.170.436 | 5.194.490.801 |
| Giảm/(Tăng) các khoản phải thu | 09 | 1.457.141.925 | (36.942.228.414) |
| Giảm hàng tồn kho | 10 | 8.241.693.031 | 15.506.817.382 |
| Giảm các khoản phải trả (không kể Giảm vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp) | 11 | (833.287.337) | (3.422.663.438) |
| Giảm chi phí trả trước | 12 | 295.630.116 | 674.028.915 |
| Tiền lãi vay đã trả | 14 | (109.534.206) | (363.479.055) |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp | 15 | (899.523.573) | (1.891.102.411) |
| Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh | 16 | 7.020.000 | - |
| Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh | 17 | (6.920.122.191) | (4.664.321.724) |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh | 20 | 7.908.188.201 | (25.908.457.944) |
| II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ | | | |
| 1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác | 21 | (6.132.739.454) | (1.108.317.211) |
| 2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác | 23 | (25.334.088.774) | - |
| 3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác | 24 | - | 34.300.000.000 |
| 4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia | 27 | 60.990.432.754 | 11.971.778.045 |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư | 30 | 29.523.604.526 | 45.163.460.834 |
| III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH | | | |
| 1. Tiền thu từ đi vay | 33 | 12.324.792.665 | 29.724.409.755 |
| 2. Tiền trả nợ gốc vay | 34 | (11.738.165.784) | (34.005.383.885) |
| 3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu | 36 | (32.864.040.000) | (16.432.020.000) |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính | 40 | (32.277.413.119) | (20.712.994.130) |
| Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40) | 50 | 5.154.379.608 | (1.457.991.240) |
| Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm | 60 | 12.044.409.494 | 13.500.093.493 |
| Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ | 61 | (54.520) | 2.307.241 |
| Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61) | 70 | 17.198.734.582 | 12.044.409.494 |

Phan Thị Ngọc Lan Thanh
Người lập biểu

Phan Thị Ngọc Lan Thanh
Kế toán trưởng

Lê Thanh Vân
Giám đốc

Ngày 23 tháng 3 năm 2026

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT*Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025***I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT****Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Cơ khí An Giang (sau đây gọi tắt là "Công ty"), tiền thân là Công ty Cơ khí An Giang, là doanh nghiệp Nhà nước được cổ phần hóa theo nghị định số 187/2004/NĐ-CP của Chính phủ ngày 16 tháng 11 năm 2004. Công ty bắt đầu hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1600111049 do Sở Tài chính (tiền thân là Sở Kế hoạch và Đầu tư) tỉnh An Giang cấp lần đầu ngày 7 tháng 12 năm 2007 và qua các lần điều chỉnh trong đó lần điều chỉnh gần nhất là lần thứ 11 ngày 17 tháng 11 năm 2025 về việc cập nhật địa chỉ của Công ty.

Vốn điều lệ của Công ty là 32.864.040.000 đồng, được chia thành 3.286.404 cổ phần bằng nhau, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Trụ sở chính của Công ty tại số 839 Trần Hưng Đạo, tổ 13, khóm Bình Thới 1, phường Bình Đức, tỉnh An Giang (trước đây là phường Bình Khánh, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang).

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài là An Giang Mechanical Joint Stock Company, tên viết tắt là: Angimeco (AMC).

Cổ phiếu của Công ty được đăng ký giao dịch trên sàn Upcom với mã cổ phiếu là CKA.

Tổng số nhân viên của Công ty và các công ty con tại ngày cuối năm và tại ngày đầu năm lần lượt là 154 người và 171 người.

Lĩnh vực kinh doanh

Công ty kinh doanh trong nhiều lĩnh vực khác nhau.

Ngành nghề kinh doanh chính và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là sản xuất cầu các loại, sản xuất máy gặt lúa các loại và bán lẻ các linh kiện liên quan đến máy gặt lúa; sản xuất mô tơ, máy phát, biến thể điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện; đúc sắt thép và các ngành nghề khác theo hồ sơ đăng ký kinh doanh.

Hoạt động chính của Công ty trong năm là sản xuất cầu các loại, sản xuất máy gặt lúa các loại và bán lẻ các linh kiện liên quan đến máy gặt lúa.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường:

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

TH
C
T
H
N
H
C
C
A
N
Đ
U

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (tiếp theo)

Cấu trúc doanh nghiệp

Công ty hiện đang đầu tư vào hai (02) công ty con và một (01) công ty liên doanh. Thông tin chi tiết về các công ty được đầu tư này như sau:

| | Nơi thành lập và hoạt động | Tỷ lệ lợi ích (%) | Tỷ lệ biểu quyết nắm giữ (%) | Hoạt động chính |
|---|----------------------------|-------------------|------------------------------|---|
| Công ty con | | | | |
| 1. Công ty TNHH MTV Xây dựng Cầu đường An Giang | Tỉnh An Giang | 100% | 100% | Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ |
| 2. Công ty TNHH MTV Cơ khí Long Xuyên | Tỉnh An Giang | 100% | 100% | Sản xuất các cấu kiện kim loại |
| Công ty liên doanh | | | | |
| Công ty TNHH Liên doanh Khai thác Chế biến Vật liệu Xây dựng An Giang (tên công ty viết tắt là "Công ty TNHH Liên doanh Antraco") (i) | Tỉnh An Giang | 50% | 49% | Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét |

(i) Công ty TNHH Liên doanh Antraco đã được gia hạn quyền khai thác khoáng sản đá làm vật liệu xây dựng đến ngày 26 tháng 6 năm 2027 theo Quyết định số 411/QĐ-UBND của Ủy ban Nhân dân tỉnh An Giang ngày 28 tháng 3 năm 2025.

Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất

Số liệu so sánh là số liệu của báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024. Công ty đã áp dụng nhất quán các chính sách kế toán cũng như các quy định của chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Do đó thông tin trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất là có thể so sánh được.

II. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
*Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025***III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG****Chuẩn mực và chế độ kế toán đang áp dụng**

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ("Thông tư 200") ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn Chế độ Kế toán cho doanh nghiệp và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC; Thông tư số 202/2014/TT-BTC ("Thông tư 202") ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn Phương pháp lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Hướng dẫn kế toán mới đã được ban hành nhưng chưa có hiệu lực

Ngày 27 tháng 10 năm 2025, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư 99/2025/TT-BTC ("Thông tư 99") hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp. Thông tư 99 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 và được áp dụng cho các năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày này. Thông tư 99 thay thế cho Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 và các văn bản có liên quan. Các nội dung liên quan đến cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước như hướng dẫn tại Thông tư 200 vẫn tiếp tục được thực hiện. Ban Giám đốc Công ty đang đánh giá ảnh hưởng của việc áp dụng thông tư này đối với báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho các kỳ kế toán sau.

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất:

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty và báo cáo tài chính của các công ty do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho đến ngày 31 tháng 12 hàng năm. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng tập đoàn được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính (tiếp theo)

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu (chi tiết xem nội dung trình bày dưới đây) và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

Hợp nhất kinh doanh

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản thuần được mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản thuần được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua công ty con.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông không kiểm soát trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

Ảnh hưởng của các giao dịch làm thay đổi tỷ lệ sở hữu của Công ty trong các công ty con nhưng không làm mất đi quyền kiểm soát được ghi nhận trực tiếp vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Góp vốn liên doanh

Các khoản góp vốn liên doanh là thỏa thuận trên cơ sở ký kết hợp đồng mà theo đó Công ty và các bên tham gia thực hiện hoạt động kinh tế trên cơ sở đồng kiểm soát. Cơ sở đồng kiểm soát được hiểu là việc đưa ra các quyết định mang tính chiến lược liên quan đến các chính sách hoạt động và tài chính của đơn vị liên doanh phải có sự đồng thuận của các bên đồng kiểm soát.

Trong trường hợp một công ty thành viên trực tiếp thực hiện hoạt động kinh doanh theo các thỏa thuận liên doanh, phần vốn góp vào tài sản đồng kiểm soát và bất kỳ khoản nợ phải trả phát sinh chung phải gánh chịu cùng với các bên góp vốn liên doanh khác từ hoạt động của liên doanh được hạch toán vào Báo cáo tài chính hợp nhất của công ty tương ứng và được phân loại theo bản chất của nghiệp vụ kinh tế phát sinh. Các khoản công nợ và chi phí phát sinh có liên quan trực tiếp đến phần vốn góp trong phần tài sản đồng kiểm soát được hạch toán trên cơ sở dồn tích. Các khoản thu nhập từ việc bán hàng hoặc sử dụng phần sản phẩm được chia từ hoạt động của liên doanh và phần chi phí phát sinh phải gánh chịu được ghi nhận khi chắc chắn khoản lợi ích kinh tế có được từ các giao dịch này được chuyển tới hoặc chuyển ra khỏi Công ty và các khoản lợi ích kinh tế này có thể được xác định một cách đáng tin cậy.

Các thỏa thuận góp vốn liên doanh liên quan đến việc thành lập một cơ sở kinh doanh độc lập trong đó có các bên tham gia góp vốn liên doanh được gọi là cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát.

Công ty lập báo cáo về các khoản lợi ích trong các cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

Bất kỳ lợi thế kinh doanh nào có được từ việc mua lại phần góp vốn của Công ty tại đơn vị góp vốn liên doanh đồng kiểm soát được kế toán phù hợp với chính sách kế toán của Công ty liên quan đến lợi thế thương mại có được từ việc mua cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**Góp vốn liên doanh** (tiếp theo)

Báo cáo tài chính của các công ty liên doanh được lập cùng kỳ với báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và áp dụng các chính sách kế toán nhất quán với Công ty. Các điều chỉnh hợp nhất thích hợp đã được ghi nhận để đảm bảo các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với Công ty.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá 3 tháng, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn, trái phiếu và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán trong năm.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

| | Số năm |
|---------------------------------|---------|
| Nhà cửa, vật kiến trúc | 10 - 30 |
| Máy móc thiết bị | 5 - 15 |
| Phương tiện vận tải, truyền dẫn | 10 |
| Thiết bị dụng cụ quản lý | 5 |

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình là phần mềm máy vi tính, được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Phần mềm máy vi tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 5 năm.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

: 160

CÔNG
CP
CƠ KHÍ
GIANG

/C-T

01/12/2025

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**Các khoản chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước gồm khoản sửa chữa tài sản, giải phóng mặt bằng và các khoản chi phí trả trước khác.

Các khoản chi phí trả trước khác bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng, và các chi phí trả trước khác được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

Thuê tài sản

Một khoản thuê được xem là thuê tài chính khi phần lớn các quyền lợi và rủi ro về quyền sở hữu tài sản được chuyển sang cho người đi thuê. Tất cả các khoản thuê khác được xem là thuê hoạt động.

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản. Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê. Các khoản tiền nhận được hoặc phải thu nhằm tạo điều kiện ký kết hợp đồng thuê hoạt động cũng được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

Tài sản đồng kiểm soát

Công ty ghi nhận trong Báo cáo tài chính hợp nhất các hợp đồng hợp tác kinh doanh dưới hình thức tài sản đồng kiểm soát các nội dung sau:

- Phần chia của Công ty trong tài sản đồng kiểm soát được phân loại theo tính chất của tài sản.
- Các khoản nợ phải trả phát sinh riêng của Công ty.
- Phần nợ phải trả phát sinh chung phải gánh chịu cùng với các bên tham gia góp vốn liên doanh khác từ hoạt động của liên doanh.
- Thu nhập từ việc bán hoặc sử dụng phần dịch vụ được chia từ liên doanh cùng với phần chi phí phát sinh được phân chia từ hoạt động của liên doanh.
- Các khoản chi phí của Công ty phát sinh liên quan đến việc góp vốn liên doanh.

Các tài sản cố định khi mang đi góp vốn vào hợp đồng hợp tác kinh doanh và không chuyển quyền sở hữu thành sở hữu chung của các bên liên doanh không được ghi giảm tài sản. Trường hợp Công ty nhận tài sản góp vốn liên doanh thì được theo dõi như tài sản nhận giữ hộ, không hạch toán tăng tài sản và nguồn vốn kinh doanh.

Các tài sản cố định mang đi góp vốn vào hợp đồng hợp tác kinh doanh có sự chuyển quyền sở hữu và đang trong quá trình xây dựng tài sản đồng kiểm soát được ghi giảm tài sản trên sổ kế toán và ghi nhận giá trị tài sản vào chi phí xây dựng cơ bản dở dang. Sau khi tài sản đồng kiểm soát hoàn thành, bàn giao đưa vào sử dụng, căn cứ vào giá trị tài sản được chia Công ty ghi nhận tăng tài sản của mình phù hợp với mục đích sử dụng.

Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Phải trả người bán bao gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ các giao dịch mua - bán và các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác (trong giao dịch nhập khẩu ủy thác). Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán. Các khoản phải trả được phân loại ngắn hạn, dài hạn trên Báo cáo tài chính hợp nhất dựa theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày báo cáo.

107
TY
H
NG
ANH
C
H
1
X
H

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
*Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025***IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU** (tiếp theo)**Chi phí phải trả**

Chi phí phải trả bao gồm các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng phải trả được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc kỳ hoạt động.

Dự phòng bảo hành sản phẩm, hàng hóa

Dự phòng chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hóa được lập cho từng loại sản phẩm, hàng hóa có cam kết bảo hành.

Mức trích lập dự phòng bảo hành sản phẩm, hàng hóa được xác định bằng 5% trên doanh thu đã bao gồm thuế giá trị gia tăng, căn cứ theo giá trị bảo hành quy định trong hợp đồng với khách hàng. Tăng, giảm số dự phòng bảo hành sản phẩm, hàng hóa cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn trong năm.

Dự phòng bảo hành công trình xây dựng

Dự phòng bảo hành công trình xây dựng được lập cho từng công trình xây dựng có cam kết bảo hành.

Mức trích lập dự phòng bảo hành công trình xây dựng được xác định bằng 5% trên doanh thu đã bao gồm thuế giá trị gia tăng, căn cứ theo giá trị bảo hành quy định trong hợp đồng với khách hàng. Khi hết thời gian bảo hành, khoản dự phòng bảo hành công trình xây dựng không sử dụng hoặc sử dụng không hết được ghi nhận vào giá vốn trong năm.

Vay và nợ phải trả thuê tài chính

Bao gồm các khoản tiền vay, nợ thuê tài chính, không bao gồm các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai. Công ty theo dõi các khoản vay chi tiết theo từng đối tượng nợ và phân loại ngắn hạn và dài hạn theo thời gian trả nợ.

Chi phí liên quan trực tiếp đến khoản vay được ghi nhận vào chi phí tài chính, ngoại trừ các chi phí phát sinh từ khoản vay riêng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì được vốn hóa theo Chuẩn mực kế toán "Chi phí đi vay".

Ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của các cổ đông.

Vốn khác của chủ sở hữu được ghi nhận theo giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản nhận được do biểu, tặng, sau khi trừ đi thuế phải nộp liên quan đến các tài sản này.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận theo số lợi nhuận (hoặc lỗ) từ kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty trừ (-) chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của kỳ hiện hành và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Các khoản dự trữ, các quỹ từ lợi nhuận sau thuế được trích lập căn cứ vào điều lệ của Công ty và quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025**IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU** (tiếp theo)**Ghi nhận doanh thu****Doanh thu bán hàng**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác);
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu hàng hoá nhận bán đại lý, ký gửi

Doanh thu đối với hàng hoá nhận bán đại lý, ký gửi theo phương thức bán đúng giá hưởng hoa hồng là phần hoa hồng bán hàng mà Công ty được hưởng.

Doanh thu cho thuê tài sản

Doanh thu cho thuê tài sản theo các hợp đồng thuê hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Tiền cho thuê nhận trước của nhiều kỳ được phân bổ vào doanh thu phù hợp với thời gian cho thuê.

Doanh thu tài chính

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Lợi nhuận từ công ty liên doanh được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phần sở hữu của Công ty trong kết quả kinh doanh trong năm của công ty liên doanh.

Lợi nhuận từ các khoản đầu tư khác được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lợi nhuận đó.

Doanh thu từ hợp đồng xây dựng của Công ty được ghi nhận theo chính sách kế toán của Công ty về hợp đồng xây dựng (xem chi tiết dưới đây).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
*Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025***IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU** (tiếp theo)**Hợp đồng xây dựng**

Doanh thu và chi phí của hợp đồng xây dựng được ghi nhận như sau:

Khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy thì:

- Đối với các hợp đồng xây dựng qui định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do Công ty tự xác định vào ngày kết thúc năm tài chính.
- Đối với các hợp đồng xây dựng qui định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận và được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Các khoản tăng, giảm khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được ghi nhận doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính được một cách đáng tin cậy, thì:

- Doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn.
- Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận vào chi phí khi đã phát sinh.

Chênh lệch giữa tổng doanh thu lũy kế của hợp đồng xây dựng đã ghi nhận và khoản tiền lũy kế ghi trên hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch của hợp đồng được ghi nhận là khoản phải thu hoặc phải trả theo tiến độ kế hoạch của các hợp đồng xây dựng.

Ghi nhận giá vốn

Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ được ghi nhận theo giá trị thực tế phát sinh và tập hợp theo giá trị và số lượng thành phẩm, hàng hóa, vật tư xuất bán và dịch vụ cung cấp cho khách hàng, đảm bảo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng. Các chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho và dịch vụ cung cấp được ghi nhận ngay vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hóa theo quy định của Chuẩn mực kế toán "Chi phí đi vay". Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

Ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**Ngoại tệ** (tiếp theo)

Tỷ giá sử dụng để qui đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng.
- Nếu hợp đồng không qui định tỷ giá thanh toán:
 - Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
 - Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
 - Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Báo cáo tài chính hợp nhất và được ghi nhận theo phương pháp số dư. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

Thuế (tiếp theo)

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Lãi/(lỗ) trên cổ phiếu

Lãi/(lỗ) cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi/(lỗ) suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận (hoặc lỗ) sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

Các bên liên quan

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp - kể cả công ty mẹ, công ty con, công ty liên kết - các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung kiểm soát với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý thay vì là hình thức pháp lý.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

| | Số cuối năm VND | Số đầu năm VND |
|---------------------------------|-----------------------|-----------------------|
| Tiền mặt | 330.073.605 | 210.359.288 |
| Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn | 4.868.660.977 | 4.534.050.206 |
| Các khoản tương đương tiền | 12.000.000.000 | 7.300.000.000 |
| Cộng | 17.198.734.582 | 12.044.409.494 |

Các khoản tương đương tiền thể hiện các khoản tiền gửi tại ngân hàng thương mại với kỳ hạn gốc không quá ba tháng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)**2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

| | Số cuối năm VND | Số đầu năm VND |
|--------------------|--------------------|-------------------|
| Tiền gửi có kỳ hạn | 25.334.088.774 | - |

Số dư cuối kỳ của tiền gửi có kỳ hạn bao gồm số tiền 1.334.088.774 đồng được dùng để cầm cố, đảm bảo cho các khoản vay và nợ của Công ty (chi tiết xem thêm tại Thuyết minh V.19).

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

| | Số cuối năm VND | Số đầu năm VND |
|-------------------------------------|-----------------------|-----------------------|
| Công ty TNHH Thành Luân 68 | 19.119.141.700 | - |
| Công ty Cổ phần Kiến Thành Phú Quốc | 3.235.437.290 | 11.419.097.874 |
| Các đối tượng khác | 75.569.594.162 | 87.768.987.046 |
| Cộng | 97.924.173.152 | 99.188.084.920 |

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

| | Số cuối năm VND | Số đầu năm VND |
|---|----------------------|--------------------|
| Công ty Cổ phần Vật tư và Thiết bị Toàn Bộ | 1.172.568.672 | - |
| Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Phát triển Nông thôn 620 | 319.560.000 | - |
| Công ty TNHH Xây dựng Thiên Phúc AP | - | 362.076.603 |
| Công ty TNHH Đầu tư Xây dựng TMDV Hồng Nhung | - | 120.000.000 |
| Công ty TNHH Công trình Giao thông Tây Nam Á | - | 103.000.000 |
| Các đối tượng khác | 586.492.770 | 217.954.391 |
| Cộng | 2.078.621.442 | 803.030.994 |

5. Phải thu khác

| | Số cuối năm VND | Số đầu năm VND |
|---|-----------------------|-----------------------|
| a. Ngắn hạn | | |
| Lợi nhuận được chia từ công ty liên doanh | 23.560.306.803 | 17.004.459.590 |
| Các khoản tiền đặt cọc, cầm cố và ký quỹ | 1.209.813.289 | 1.765.475.371 |
| Tạm ứng cho nhân viên | 173.000.000 | 387.376.706 |
| Phải thu lãi tiền gửi | 182.563.223 | 116.448.971 |
| Các khoản phải thu khác | 513.319.502 | 410.247.989 |
| Cộng | 25.639.002.817 | 19.684.008.627 |

b. Dài hạn

| | | |
|--|-------------|-------------|
| Các khoản tiền đặt cọc, cầm cố và ký quỹ | 858.633.000 | 858.633.000 |
|--|-------------|-------------|

Tổng cộng

| | | |
|--|-----------------------|-----------------------|
| | 26.497.635.817 | 20.542.641.627 |
|--|-----------------------|-----------------------|

Trong đó, phải thu từ bên liên quan
(xem thuyết minh VII.1)

| | | |
|--|----------------|----------------|
| | 23.560.306.803 | 17.004.459.590 |
|--|----------------|----------------|

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)**6. Nợ xấu**

| | Số cuối năm | | | Số đầu năm | | |
|----------------------------------|----------------|----------------------------------|------------------|----------------|----------------------------------|-----------------|
| | Giá gốc VND | Giá trị có thể thu hồi VND | Dự phòng VND | Giá gốc VND | Giá trị có thể thu hồi VND | Dự phòng VND |
| Phải thu ngắn hạn của khách hàng | 23.973.166.109 | 13.666.250.536 | (10.306.915.573) | 10.382.834.350 | 3.416.440.276 | (6.966.394.074) |

Tình hình biến động dự phòng các khoản phải thu khó đòi trong năm

| | Năm nay VND | Năm trước VND |
|------------------------------|-------------------------|------------------------|
| Số dư đầu năm | (6.966.394.074) | (6.438.258.118) |
| Trích lập dự phòng trong năm | (3.340.521.499) | (528.135.956) |
| Số dư cuối năm | (10.306.915.573) | (6.966.394.074) |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)**7. Hàng tồn kho**

| | Số cuối năm | | Số đầu năm | |
|---|-----------------------|------------------------|-----------------------|------------------------|
| | Giá gốc VND | Dự phòng VND | Giá gốc VND | Dự phòng VND |
| Nguyên liệu, vật liệu | 8.858.669.820 | (1.305.481.933) | 8.804.676.381 | (1.258.599.909) |
| Công cụ, dụng cụ | 132.061.226 | (132.061.226) | 132.061.226 | (132.061.226) |
| Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang | 5.215.177.641 | (577.912.857) | 13.153.280.010 | (577.912.857) |
| Thành phẩm | 1.529.983.798 | (1.665.656.116) | 1.773.161.079 | (1.623.827.190) |
| Hàng hóa | 2.331.062.204 | (2.290.838.848) | 2.445.469.024 | (1.580.987.437) |
| Cộng | 18.066.954.689 | (5.971.950.980) | 26.308.647.720 | (5.173.388.619) |

Tình hình biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong năm

| | Năm nay VND | Năm trước VND |
|----------------------------|------------------------|------------------------|
| Số dư đầu năm | (5.173.388.619) | (4.337.366.868) |
| Trích lập dự phòng bổ sung | (798.562.361) | (836.021.751) |
| Số dư cuối năm | (5.971.950.980) | (5.173.388.619) |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)**8. Tài sản cố định hữu hình**

| | Nhà cửa, vật kiến trúc VND | Máy móc, thiết bị VND | Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND | Thiết bị, dụng cụ quản lý VND | Cộng VND |
|-------------------------------|----------------------------------|-----------------------------|---|-------------------------------------|-----------------------|
| Nguyên giá | | | | | |
| Số dư đầu năm | 20.487.544.356 | 29.522.188.885 | 7.701.247.030 | 134.426.364 | 57.845.406.635 |
| Mua tài sản trong năm | - | 1.448.634.889 | - | - | 1.448.634.889 |
| Xây dựng cơ bản hoàn thành | 3.821.978.040 | 602.391.082 | - | - | 4.424.369.122 |
| Thanh lý nhượng bán | - | (505.448.199) | - | - | (505.448.199) |
| Số dư cuối năm | 24.309.522.396 | 31.067.766.657 | 7.701.247.030 | 134.426.364 | 63.212.962.447 |
| Giá trị hao mòn lũy kế | | | | | |
| Số dư đầu năm | 13.311.262.736 | 19.605.017.165 | 6.135.910.956 | 107.559.697 | 39.159.750.554 |
| Khấu hao trong năm | 1.498.119.374 | 1.662.642.450 | 269.569.040 | 16.120.000 | 3.446.450.864 |
| Thanh lý nhượng bán | - | (421.206.833) | - | - | (421.206.833) |
| Số dư cuối năm | 14.809.382.110 | 20.846.452.782 | 6.405.479.996 | 123.679.697 | 42.184.994.585 |
| Giá trị còn lại | | | | | |
| Số dư đầu năm | 7.176.281.620 | 9.917.171.720 | 1.565.336.074 | 26.866.667 | 18.685.656.081 |
| Số dư cuối năm | 9.500.140.286 | 10.221.313.875 | 1.295.767.034 | 10.746.667 | 21.027.967.862 |

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày cuối năm và tại ngày đầu năm lần lượt là 16.017.032.027 đồng và 14.264.078.539 đồng.

Tài sản cố định hữu hình của Công ty tại ngày cuối năm và tại ngày đầu năm bao gồm một số tài sản đã khấu hao hết, không sử dụng và đang chờ thanh lý với nguyên giá lần lượt là 1.112.483.045 đồng và 977.483.045 đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)**9. Tài sản cố định vô hình**

Tài sản cố định vô hình của Công ty tại ngày đầu năm và cuối năm là giá trị của phần mềm kế toán với nguyên giá là 65.000.000 đồng, đã khấu hao hết nhưng vẫn còn được sử dụng.

10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

| | Số cuối năm VND | Số đầu năm VND |
|---|--------------------|--------------------|
| Chi phí mua đất tại khu dân cư Bình Đức | 520.600.000 | 520.600.000 |
| Chi phí xây dựng cơ bản dở dang khác | 404.991.988 | 61.015.179 |
| Cộng | 925.591.988 | 581.615.179 |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)**11. Đầu tư vào công ty liên doanh**

| | Số cuối năm | | Số đầu năm | |
|--|----------------|-------------------------------------|----------------|-------------------------------------|
| | Giá gốc VND | Lợi nhuận sau ngày đầu tư VND | Giá gốc VND | Lợi nhuận sau ngày đầu tư VND |
| Công ty TNHH Liên doanh Antraco | 7.956.213.357 | - | 7.956.213.357 | - |
| Cộng giá trị ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu | | 7.956.213.357 | | 7.956.213.357 |

Giá trị hợp lý của khoản đầu tư vào công ty liên doanh không được xác định để thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất do không có giá niêm yết trên thị trường và đến thời điểm hiện tại vẫn chưa có hướng dẫn cụ thể và thống nhất về phương pháp xác định giá trị hợp lý trong kế toán của khoản đầu tư này.

Giá trị của khoản đầu tư vào công ty liên doanh thay đổi trong năm như sau:

| | Năm nay VND | Năm trước VND |
|---|------------------------|-----------------------|
| Số dư đầu năm | 7.956.213.357 | 7.956.213.357 |
| Thay đổi trong năm | | |
| Lợi nhuận trong năm của Công ty liên doanh | 170.118.678.329 | 78.630.134.259 |
| Thu nhập khác (i) | 21.395.203.200 | (21.395.203.200) |
| Trừ: Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi và các quỹ khác | (57.663.122.019) | (13.226.011.879) |
| Lợi nhuận thuộc phần sở hữu của nhà đầu tư | 133.850.759.510 | 44.008.919.180 |
| Tỷ lệ được chia | 50% | 50% |
| Trừ: Lợi nhuận đã chia trong năm cho Công ty (xem thuyết minh VI.3) | 66.925.379.755 | 22.004.459.590 |
| Số dư cuối năm | 7.956.213.357 | 7.956.213.357 |

(i) Trong năm 2024, báo cáo tài chính của Công ty TNHH Liên doanh Antraco đã ghi nhận khoản lợi nhuận từ việc định giá lại giá trị đất tăng phủ mỏ đá dùng làm vật liệu san lấp từ việc khai thác mỏ với giá trị là 21.395.203.200 đồng. Hội đồng Thành viên của Công ty liên doanh quyết định chưa chia lợi nhuận này cho nhà đầu tư trong năm trước cho đến khi chắc chắn thu được lợi ích kinh tế từ khối lượng đất này. Trong năm 2025, sau khi đã thực hiện tiêu thụ được một phần và có đủ cơ sở xác định khả năng thu được lợi ích kinh tế, Công ty liên doanh đã quyết định phân phối toàn bộ phần lợi nhuận nêu trên cho các nhà đầu tư (sau khi đã trích các quỹ theo quy định). Theo đó, Công ty đã ghi nhận phần lợi nhuận được chia tương ứng vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất năm 2025. Ban Giám đốc đánh giá việc ghi nhận khoản lợi nhuận này trong năm 2025 đã phản ánh phù hợp bản chất kinh tế của giao dịch và đảm bảo nguyên tắc thận trọng trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Tuy nhiên, tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2025, giá trị đất tăng phủ mỏ đá vẫn chưa được tiêu thụ theo giá trị định giá của công ty liên doanh là 23.478.538.993 đồng (đã bao gồm các khoản thuế, phí phải nộp).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)**12. Chi phí trả trước**

| | Số cuối năm VND | Số đầu năm VND |
|---|----------------------|----------------------|
| a. Ngắn hạn | | |
| Công cụ, dụng cụ xuất dùng | 37.545.000 | 30.340.482 |
| b. Dài hạn | | |
| Chi phí giải phóng mặt bằng chờ phân bổ (i) | 1.041.666.666 | 1.250.000.000 |
| Chi phí sửa chữa tài sản | 451.310.408 | 550.191.396 |
| Công cụ, dụng cụ xuất dùng | 195.464.801 | 191.085.113 |
| Cộng | 1.688.441.875 | 1.991.276.509 |
| Tổng cộng | 1.725.986.875 | 2.021.616.991 |

(i) Số dư thể hiện chi phí đầu tư xây dựng Trung tâm bảo dưỡng và bán lẻ xe ô tô (không bao gồm chi phí thuê đất) được sử dụng để góp vốn vào hợp đồng hợp tác kinh doanh với Công ty TNHH Toyota Cần Thơ (TCTC) (xem chi tiết tại Thuyết minh số VII.2).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)**13. Thuế thu nhập hoãn lại**

| | Các khoản lãi/(lỗ) chưa thực hiện bị loại trừ khi hợp nhất VND | Dự phòng tổn thất đầu tư trong công ty con VND | Các khoản dự phòng VND | Cộng VND |
|---|--|--|---------------------------|----------------------|
| a. Tài sản thuế hoãn lại | | | | |
| Số dư đầu năm trước | 942.948.694 | - | 1.400.969.057 | 2.343.917.751 |
| Ghi nhận vào kết quả kinh doanh hợp nhất trong năm | 65.701.393 | - | (407.819.471) | (342.118.078) |
| Số dư đầu năm nay | 877.247.301 | - | 1.808.788.528 | 2.686.035.829 |
| Ghi nhận vào kết quả kinh doanh hợp nhất trong năm | 4.883.299 | - | (880.805.778) | (875.922.479) |
| Số dư cuối năm nay | 872.364.002 | - | 2.689.594.306 | 3.561.958.308 |
| b. Thuế hoãn lại phải trả | | | | |
| Số dư đầu năm trước | 72.000.000 | 296.068.379 | - | 368.068.379 |
| Ghi nhận vào kết quả kinh doanh hợp nhất trong năm | (55.103.754) | (184.165.003) | - | (239.268.757) |
| Số dư đầu năm nay | 16.896.246 | 111.903.376 | - | 128.799.622 |
| Ghi nhận vào kết quả kinh doanh hợp nhất trong năm | 297.232.163 | 1.117.276.070 | - | 1.414.508.233 |
| Số dư cuối năm nay | 314.128.409 | 1.229.179.446 | - | 1.543.307.855 |
| Tổng thu nhập thuần ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất | | | | 538.585.754 |

Thuế suất được sử dụng để tính thuế hoãn lại là thuế suất dự tính của kỳ tương lai khi tài sản được thu hồi hoặc thanh lý hoặc khi các khoản nợ phải trả được thanh toán, hiện được ước tính ở mức 20%.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)**14. Phải trả cho người bán ngắn hạn**

Tại ngày kết thúc năm tài chính, giá trị ghi sổ của các khoản nợ phải trả người bán đồng thời cũng là giá trị có khả năng thanh toán. Chi tiết như sau:

| | Số cuối năm VND | Số đầu năm VND |
|---|-----------------------|-----------------------|
| Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Xuất nhập khẩu Thép Nam Phát | 4.403.733.293 | 2.140.661.321 |
| Công ty Cổ phần Kim khí Bình Dương | 3.499.601.215 | - |
| Công ty TNHH Đầu tư Thương mại Dịch vụ Sản xuất Thiên Lộc Phát | - | 4.937.904.455 |
| Các đối tượng khác | 10.617.711.350 | 12.254.018.293 |
| Cộng | 18.521.045.858 | 19.332.584.069 |
| Trong đó, phải trả cho bên liên quan (xem thuyết minh VII.1) | 205.603.994 | 405.603.994 |

15. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

| | Số cuối năm VND | Số đầu năm VND |
|--|----------------------|----------------------|
| Công ty TNHH Tam Long | 211.680.000 | - |
| Ông Nguyễn Văn Dẫn | 200.000.000 | - |
| Công ty TNHH MTV Thủy Lợi Phương Thanh | 126.800.000 | - |
| Ông Lê Đức Hùng | 130.000.000 | 130.000.000 |
| Công ty TNHH Vietsun Pacific | - | 660.000.000 |
| Japan Insulation Co., Ltd. | - | 633.792.150 |
| Công ty TNHH Sao Vàng | - | 486.552.000 |
| Các đối tượng khác | 404.083.254 | 1.921.259.795 |
| Cộng | 1.072.563.254 | 3.831.603.945 |

16. Thuế và các khoản phải thu/phải nộp Nhà nước

| | Số đầu năm VND | Số phải nộp trong năm VND | Số thực nộp trong năm VND | Số cuối năm VND |
|--|----------------------|---------------------------------|---------------------------------|----------------------|
| a. Phải thu | | | | |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp | 8.818.903 | - | - | 8.818.903 |
| Thuế thu nhập cá nhân | 21.179.313 | 1.232.534.170 | 1.268.959.261 | 57.604.404 |
| Thuế nhà đất, tiền thuê đất | 892.205.941 | 1.785.596.427 | 959.318.006 | 65.927.520 |
| Cộng | 922.204.157 | 3.018.130.597 | 2.228.277.267 | 132.350.827 |
| b. Phải nộp | | | | |
| Thuế giá trị gia tăng | 3.835.648.951 | 4.679.448.221 | 4.502.896.798 | 4.012.200.374 |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp | 99.523.573 | 1.292.777.760 | 899.523.573 | 492.777.760 |
| Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác | - | 7.501.409 | 7.501.409 | - |
| Cộng | 3.935.172.524 | 5.979.727.390 | 5.409.921.780 | 4.504.978.134 |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)**17. Chi phí phải trả ngắn hạn**

| | Số cuối năm VND | Số đầu năm VND |
|---------------------------------------|----------------------|----------------------|
| Chi phí sản xuất, thi công công trình | 5.962.502.570 | 4.363.254.289 |
| Chi phí phải trả khác | 71.309.358 | 64.100.000 |
| Cộng | 6.033.811.928 | 4.427.354.289 |

18. Phải trả ngắn hạn khác

| | Số cuối năm VND | Số đầu năm VND |
|--|-----------------------|-----------------------|
| Phải trả về cổ phần hoá | 7.134.811.183 | 7.134.811.183 |
| Tiền sử dụng đất phải nộp lại Nhà nước | 2.370.727.402 | 2.370.727.402 |
| Các khoản khác | 578.299.545 | 514.140.425 |
| Cộng | 10.083.838.130 | 10.019.679.010 |

19. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

| | Số cuối năm VND | Vay trong năm VND | Thanh toán trong năm VND | Số đầu năm VND |
|---|----------------------|-------------------------|--------------------------------|--------------------|
| Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh An Giang (i) | 1.048.205.774 | 3.047.995.175 | 1.999.789.401 | - |
| Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh An Giang (ii) | 103.469.752 | 9.276.797.490 | 9.738.376.383 | 565.048.645 |
| Cộng | 1.151.675.526 | 12.324.792.665 | 11.738.165.784 | 565.048.645 |

(i) Số dư thể hiện các khoản vay có kỳ hạn 12 tháng, đáo hạn vào ngày 12 tháng 9 năm 2026 với lãi suất từ 7,5% đến 8%/năm. Mục đích vay để bổ sung vốn hoạt động kinh doanh. Tài sản đảm bảo là các khoản tiền gửi có kỳ hạn dưới 13 tháng với tổng giá trị là 1.334.088.774 đồng.

(ii) Số dư thể hiện các khoản vay có kỳ hạn 12 tháng, đáo hạn vào ngày 07 tháng 7 năm 2026 với lãi suất 9%/năm. Mục đích vay để bổ sung vốn hoạt động kinh doanh. Tài sản đảm bảo là các khoản tiền gửi có kỳ hạn 12 tháng với tổng giá trị là 1 tỷ đồng.

20. Dự phòng phải trả ngắn hạn

| | Dự phòng bảo hành sản phẩm, công trình VND |
|--------------------------------------|---|
| Số dư đầu năm | 2.173.891.756 |
| Trích lập dự phòng bổ sung trong năm | 912.190.115 |
| Hoàn nhập dự phòng | (457.896.366) |
| Các khoản dự phòng đã sử dụng | (905.689.087) |
| Số dư cuối năm | 1.722.496.418 |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)**21. Quỹ khen thưởng, phúc lợi**

| | Số cuối năm VND | Số đầu năm VND |
|----------------------------------|-----------------------|-----------------------|
| Quỹ khen thưởng | 19.101.905.635 | 11.384.495.845 |
| Quỹ phúc lợi | 2.144.481 | 2.644.481 |
| Quỹ thưởng Ban điều hành Công ty | 400.000.000 | 300.000.000 |
| Cộng | 19.504.050.116 | 11.687.140.326 |

Biến động quỹ khen thưởng, phúc lợi trong năm như sau:

| | Năm nay VND | Năm trước VND |
|---|-----------------------|-----------------------|
| Số dư đầu năm | 11.687.140.326 | 9.134.885.641 |
| Trích lập quỹ từ lợi nhuận năm trước | 1.289.179.247 | 2.159.859.421 |
| Trích lập quỹ từ lợi nhuận năm nay | 13.440.832.734 | 5.056.716.938 |
| Quỹ thưởng từ Hiệp hội Doanh nghiệp tỉnh An Giang | 7.020.000 | - |
| Quỹ thưởng từ Tổng Công ty | - | 95.400.000 |
| Sử dụng quỹ trong năm | (6.920.122.191) | (4.759.721.724) |
| Số dư cuối năm | 19.504.050.116 | 11.687.140.326 |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)

22. Vốn chủ sở hữu

a. Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

| | Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND | Quỹ đầu tư phát triển VND | Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu VND | Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND | Tổng cộng VND |
|---|-------------------------------------|---------------------------------|---|---|------------------------|
| Số dư đầu năm trước | 32.864.040.000 | 18.848.061.799 | 3.418.232.123 | 68.794.250.176 | 123.924.584.098 |
| Lợi nhuận trong năm | - | - | - | 23.783.584.938 | 23.783.584.938 |
| Chia cổ tức | - | - | - | (16.432.020.000) | (16.432.020.000) |
| Trích thưởng Ban điều hành | - | - | - | (400.000.000) | (400.000.000) |
| Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi | - | - | - | (6.816.576.409) | (6.816.576.409) |
| Trích lập tiền sử dụng đất phải nộp lại | - | - | - | (2.056.691.039) | (2.056.691.039) |
| Số dư đầu năm nay | 32.864.040.000 | 18.848.061.799 | 3.418.232.123 | 66.872.547.666 | 122.002.881.588 |
| Lợi nhuận trong năm | - | - | - | 65.204.163.671 | 65.204.163.671 |
| Chia cổ tức | - | - | - | (32.864.040.000) | (32.864.040.000) |
| Trích thưởng Ban điều hành (i) | - | - | - | (500.000.000) | (500.000.000) |
| Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi (i) | - | - | - | (14.230.011.981) | (14.230.011.981) |
| Số dư cuối năm nay | 32.864.040.000 | 18.848.061.799 | 3.418.232.123 | 84.482.659.356 | 139.612.993.278 |

(i) Quỹ khen thưởng, phúc lợi bao gồm 1.189.179.247 đồng được trích từ lợi nhuận năm 2024 và 13.040.832.734 đồng được tạm trích từ lợi nhuận trên Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2025 với tỷ lệ là 20%. Quỹ khen thưởng Ban điều hành bao gồm 100 triệu đồng được trích từ lợi nhuận năm 2024 và 400 triệu đồng tạm trích theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2025 ngày 09 tháng 5 năm 2025. Số liệu cuối cùng về việc trích lập các quỹ sẽ được điều chỉnh theo quyết định của Đại hội đồng Cổ đông thường niên sắp tới.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)**22. Vốn chủ sở hữu** (tiếp theo)**b. Cổ phiếu**

| | Số cuối năm Cổ phiếu | Số đầu năm Cổ phiếu |
|--|-------------------------|------------------------|
| Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành | 3.286.404 | 3.286.404 |
| Số lượng cổ phiếu đã phát hành ra công chúng | 3.286.404 | 3.286.404 |
| + Cổ phiếu phổ thông | 3.286.404 | 3.286.404 |
| + Cổ phiếu ưu đãi | - | - |
| Số lượng cổ phiếu được mua lại | - | - |
| + Cổ phiếu phổ thông | - | - |
| + Cổ phiếu ưu đãi | - | - |
| Số lượng cổ phiếu đang lưu hành | 3.286.404 | 3.286.404 |
| + Cổ phiếu phổ thông | 3.286.404 | 3.286.404 |
| + Cổ phiếu ưu đãi | - | - |
| Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phiếu | | |

c. Cổ tức

Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2025 ngày 09 tháng 5 năm 2025 đã thông qua việc chia cổ tức năm 2024 với tỷ lệ 100% trên mệnh giá, tương đương với số tiền là 32.864.040.000 đồng. Toàn bộ giá trị cổ tức này đã được thanh toán cho các cổ đông.

Cổ tức năm 2025 theo kế hoạch sẽ được chi trả với tỷ lệ từ 50% vốn điều lệ trở lên. Mức chi trả và hình thức trả cổ tức cuối cùng sẽ được phê duyệt tại Đại hội đồng Cổ đông thường niên sắp tới.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

| | Năm nay VND | Năm trước VND |
|---------------------------------|------------------------|------------------------|
| Doanh thu bán thành phẩm | 103.149.627.761 | 44.712.922.465 |
| Doanh thu xây dựng các loại cầu | 43.194.109.197 | 125.405.725.025 |
| Doanh thu bán hàng hóa | 10.325.963.049 | 10.136.194.174 |
| Doanh thu cung cấp dịch vụ | 5.752.115.228 | 2.698.521.369 |
| Cộng | 162.421.815.235 | 182.953.363.033 |

Trong đó, doanh thu phát sinh từ giao dịch với bên liên quan (xem thuyết minh VII.1)

| | | |
|--|---|-------------|
| | - | 327.083.400 |
|--|---|-------------|

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT (tiếp theo)**2. Giá vốn hàng bán**

| | Năm nay VND | Năm trước VND |
|------------------------------------|------------------------|------------------------|
| Giá vốn bán thành phẩm | 89.508.049.651 | 38.007.427.066 |
| Giá vốn của hoạt động xây dựng cầu | 42.171.572.973 | 114.468.644.011 |
| Giá vốn bán hàng hóa | 11.137.511.431 | 9.313.806.659 |
| Giá vốn cung cấp dịch vụ | 1.625.107.479 | 314.786.867 |
| Dự phòng giảm giá hàng tồn kho | 798.562.361 | 836.021.751 |
| Cộng | 145.240.803.895 | 162.940.686.354 |

3. Doanh thu hoạt động tài chính

| | Năm nay VND | Năm trước VND |
|--|-----------------------|-----------------------|
| Lợi nhuận từ Công ty TNHH Liên Doanh Antraco | 66.925.379.755 | 22.004.459.590 |
| Lãi tiền gửi, tiền cho vay | 687.014.464 | 1.345.038.656 |
| Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm | 35.185.435 | 42.031.403 |
| Lãi chênh lệch tỷ giá từ việc đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ | - | 2.307.241 |
| Cộng | 67.647.579.654 | 23.393.836.890 |

Trong đó, doanh thu tài chính phát sinh từ giao dịch với bên liên quan (xem thuyết minh VII.1)

| | |
|----------------|----------------|
| 66.925.379.755 | 22.004.459.590 |
|----------------|----------------|

4. Chi phí tài chính

| | Năm nay VND | Năm trước VND |
|---|--------------------|--------------------|
| Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm | 193.055.560 | 5.415.810 |
| Chi phí lãi vay | 111.843.564 | 357.519.506 |
| Lỗ chênh lệch tỷ giá từ việc đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ | 54.520 | - |
| Cộng | 304.953.644 | 362.935.316 |

5. Chi phí bán hàng

| | Năm nay VND | Năm trước VND |
|---|----------------------|--------------------|
| Chi phí hoa hồng bán hàng | 313.500.000 | 120.580.000 |
| Chi phí nhân viên | 98.034.300 | 92.623.231 |
| Chi phí khấu hao TSCĐ | 7.791.480 | 7.791.480 |
| Chi phí vận chuyển, thuê tài | 180.232.403 | 528.539.979 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài và chi phí bằng tiền khác | 531.097.201 | 44.859.364 |
| Cộng | 1.130.655.384 | 794.394.054 |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT (tiếp theo)**6. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

| | Năm nay VND | Năm trước VND |
|--------------------------------------|-----------------------|-----------------------|
| Chi phí nhân viên quản lý | 8.648.774.865 | 9.389.157.538 |
| Chi phí đồ dùng văn phòng | 52.889.952 | 313.923.509 |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 507.637.040 | 515.752.072 |
| Thuế, phí và lệ phí | 7.000.000 | 7.000.000 |
| Tiền thuê đất | 1.105.516.084 | 4.342.596.903 |
| Chi phí dự phòng nợ phải thu khó đòi | 3.340.521.499 | 528.135.956 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 1.922.376.027 | 2.359.281.795 |
| Chi phí bằng tiền khác | 798.185.838 | 501.061.690 |
| Cộng | 16.382.901.305 | 17.956.909.463 |

7. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

| | Năm nay VND | Năm trước VND |
|---|-----------------------|-----------------------|
| Lợi nhuận kế toán trước thuế | 67.035.527.185 | 24.081.135.610 |
| Các khoản điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế | | |
| Chi phí không được trừ | 6.527.643.478 | 3.515.060.926 |
| Cổ tức, lợi nhuận được chia | (66.925.379.755) | (22.004.459.590) |
| Các khoản điều chỉnh tăng thu nhập chịu thuế khác | 562.967.604 | - |
| Hoàn nhập lỗ chịu thuế của các công ty bị bù trừ khi hợp nhất | 2.280.370.407 | 2.014.831.320 |
| Lỗ/(lãi) chưa thực hiện do điều chỉnh hợp nhất | (3.017.240.119) | (3.211.880.730) |
| Thu nhập chịu thuế | 6.463.888.800 | 4.394.687.536 |
| Chuyển lỗ | - | - |
| Thu nhập tính thuế | 6.463.888.800 | 4.394.687.536 |
| Thuế suất thuế TNDN | 20% | 20% |
| Chi phí thuế TNDN hiện hành | 1.292.777.760 | 878.937.507 |

8. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

| | Năm nay VND | Năm trước VND |
|---|-----------------------|-----------------------|
| Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của Công ty mẹ | 65.204.163.671 | 23.783.584.938 |
| Số trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi, thưởng Ban điều hành | (13.440.832.734) | (6.345.896.235) |
| Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông Công ty mẹ sở hữu cổ phiếu phổ thông | 51.763.330.937 | 17.437.688.703 |
| Số bình quân gia quyền của cổ phiếu đang lưu hành trong năm | 3.286.404 | 3.286.404 |
| Lãi cơ bản trên cổ phiếu | 15.751 | 5.306 |

Số trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi, thưởng Ban điều hành năm nay giảm trừ vào lợi nhuận dùng để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu được ghi nhận theo kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2025 do Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2025 phê duyệt. Số trích lập của năm 2025 sẽ được Công ty ghi nhận chính thức căn cứ vào quyết định của Đại hội đồng Cổ đông trong cuộc họp thường niên sắp tới.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT (tiếp theo)

8. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (tiếp theo)

Lợi nhuận dùng để tính lại cơ bản trên cổ phiếu của kỳ so sánh đã được điều chỉnh lại so với số liệu đã trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2024 nhằm phản ánh ảnh hưởng của quyết định phân phối lợi nhuận sau thuế chính thức của năm 2024 theo Nghị Quyết Đại hội Cổ đông thường niên năm 2025 ngày 09 tháng 5 năm 2025. Ảnh hưởng của việc phân phối lợi nhuận sau thuế đến lãi cơ bản trên cổ phiếu của kỳ so sánh như sau:

| | Số đã báo cáo VND | Điều chỉnh VND | Số trình bày lại VND |
|---|-----------------------|--------------------|-------------------------|
| Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của Công ty mẹ | 23.783.584.938 | - | 23.783.584.938 |
| Số trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi, thưởng Ban điều hành | (7.216.576.409) | 870.680.174 | (6.345.896.235) |
| Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông Công ty mẹ sở hữu cổ phiếu phổ thông | 16.567.008.529 | 870.680.174 | 17.437.688.703 |
| Số bình quân gia quyền của cổ phiếu đang lưu hành trong năm | 3.286.404 | - | 3.286.404 |
| Lãi cơ bản trên cổ phiếu | 5.041 | 265 | 5.306 |

Lãi suy giảm trên cổ phiếu: Công ty không có cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm lãi trên cổ phiếu trong năm tài chính và đến ngày lập báo cáo tài chính này. Vì vậy, lãi suy giảm trên cổ phiếu bằng chính lãi cơ bản trên cổ phiếu.

9. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

| | Năm nay VND | Năm trước VND |
|----------------------------------|------------------------|------------------------|
| Chi phí nguyên liệu, vật liệu | 115.032.857.241 | 115.420.873.668 |
| Chi phí nhân công | 21.578.211.284 | 25.101.209.254 |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 3.351.451.634 | 2.634.878.505 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 12.661.305.121 | 10.594.747.884 |
| Chi phí khác bằng tiền | 2.011.599.107 | 3.549.647.554 |
| Cộng | 154.635.424.387 | 157.301.356.865 |

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan

Danh sách các bên liên quan:

Bên liên quan

Tổng Công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp Việt Nam - CTCP
Công ty TNHH Liên doanh Antraco
Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc

Mối quan hệ

Cổ đông có ảnh hưởng đáng kể
Công ty liên doanh
Nhân sự quản lý chủ chốt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)**1. Nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan** (tiếp theo)

Trong năm, Công ty đã phát sinh các giao dịch trọng yếu sau với các bên liên quan:

| | Năm nay VND | Năm trước VND |
|--|----------------|------------------|
| Công ty TNHH Liên doanh Antraco | | |
| Lợi nhuận được chia | 66.925.379.755 | 22.004.459.590 |
| Bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ | - | 327.083.400 |
| Mua hàng hóa, dịch vụ | - | 250.796.800 |

| | | |
|---|----------------|---------------|
| Tổng Công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp Việt Nam - CTCP | | |
| Chia cổ tức | 15.580.720.000 | 7.790.360.000 |

Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc niên độ kế toán:

| | Số cuối năm VND | Số đầu năm VND |
|------------------------------------|--------------------|-------------------|
| Phải thu khác | | |
| Công ty TNHH Liên doanh Antraco | 23.560.306.803 | 17.004.459.590 |
| Phải trả người bán ngắn hạn | | |
| Công ty TNHH Liên doanh Antraco | 205.603.994 | 405.603.994 |

Thù lao của Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát trong năm

| Họ và tên | Chức vụ | Năm nay VND | Năm trước VND |
|----------------------------|----------------------------|--------------------|--------------------|
| Hội đồng Quản trị | | | |
| Ông Trần Quân Anh | Chủ tịch | 60.000.000 | 48.000.000 |
| Ông Đồng Trọng Nghĩa | Thành viên | 48.000.000 | 36.000.000 |
| Ông Lê Thanh Vân | Thành viên | 48.000.000 | 36.000.000 |
| Ông Trần Văn Thái | Thành viên | 48.000.000 | 36.000.000 |
| Ông Huỳnh Văn An | Thành viên | 48.000.000 | 36.000.000 |
| Bà Phan Thị Ngọc Lan Thanh | Phụ trách quản trị Công ty | 30.000.000 | 18.000.000 |
| Cộng | | 282.000.000 | 210.000.000 |

Ban Kiểm soát

| | | | |
|-----------------------|---|--------------------|-------------------|
| Ông Nguyễn Thành Nghè | Trưởng ban (bổ nhiệm ngày 04 tháng 11 năm 2025) | 33.000.000 | 18.000.000 |
| Ông Quách Kim Long | Trưởng ban (miễn nhiệm ngày 04 tháng 11 năm 2025) | 40.000.000 | 36.000.000 |
| Ông Nguyễn Đức Hiền | Thành viên | 30.000.000 | 18.000.000 |
| Ông Nguyễn Văn Tính | Thành viên (bổ nhiệm ngày 04 tháng 11 năm 2025) | 5.000.000 | - |
| Cộng | | 108.000.000 | 72.000.000 |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)**1. Nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan** (tiếp theo)**Tiền lương, phụ cấp, thưởng và các khoản thu nhập khác của Ban Giám đốc được hưởng trong năm:**

| Họ và tên | Chức vụ | Năm nay VND | Năm trước VND |
|------------------|--------------|----------------------|----------------------|
| Ông Lê Thanh Vân | Giám đốc | 806.097.636 | 759.745.091 |
| Ông Huỳnh Văn An | Phó Giám đốc | 514.965.000 | 488.737.182 |
| Cộng | | 1.321.062.636 | 1.248.482.273 |

2. Các cam kết**Cam kết thuê hoạt động - Công ty là bên đi thuê**

| | Năm nay VND | Năm trước VND |
|--|----------------|------------------|
| Chi phí thuê hoạt động tối thiểu đã ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm | 1.769.276.853 | 6.400.654.743 |

Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, Công ty có các khoản cam kết thuê hoạt động không hủy ngang với lịch thanh toán như sau:

| | Số cuối năm VND | Số đầu năm VND |
|--------------------------------|-----------------------|-----------------------|
| Trong vòng một năm | 4.423.194.064 | 1.769.276.853 |
| Từ năm thứ hai đến năm thứ năm | 23.686.514.961 | 21.675.471.997 |
| Sau năm năm | 1.504.472.308 | 6.446.933.333 |
| Cộng | 29.614.181.332 | 29.891.682.183 |

Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động thể hiện:

- Tổng số tiền thuê 8.052,2 m2 đất tại phường Mỹ Quý, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang. Thời hạn của hợp đồng thuê đất là 30 năm tính từ ngày 5 tháng 1 năm 2001.
- Tổng số tiền thuê 3.776,6 m2 đất tại phường Mỹ Thới, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang. Thời hạn của hợp đồng thuê đất là 30 năm tính từ ngày 21 tháng 5 năm 2008.
- Tổng số tiền thuê 18.577,4 m2 đất tại phường Bình Khánh, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang. Thời hạn của hợp đồng thuê đất là 30 năm tính từ ngày 5 tháng 1 năm 2001.
- Tổng số tiền thuê 89,8 m2 đất tại phường Mỹ Long, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang. Thời hạn của hợp đồng thuê đất là 30 năm tính từ ngày 11 tháng 4 năm 2008.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)**2. Các cam kết** (tiếp theo)**Cam kết không hủy ngang**

Công ty đã ký Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 01/2018/BCC-TCTC-CKAG ngày 8 tháng 4 năm 2018 và phụ lục hợp đồng ngày 3 tháng 10 năm 2018 (gọi chung là Hợp đồng BCC) với Công ty TNHH Toyota Cần Thơ (TCTC) để thực hiện dự án đầu tư Xây dựng Trung tâm bảo dưỡng và bán lẻ xe ô tô. Theo hợp đồng BCC và giấy Chứng nhận đăng ký đầu tư số 5414883082 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh An Giang cấp lần đầu ngày 18 tháng 4 năm 2017 và sửa đổi lần 2 ngày 22 tháng 10 năm 2018, dự án được thực hiện bởi hai nhà đầu tư là Công ty và TCTC, trong đó Công ty góp bằng tài sản trên đất trị giá 2,5 tỷ đồng và TCTC góp tiền mặt để thực hiện xây dựng và cải tạo hoặc trang bị cho công trình tại mặt bằng để thực hiện dự án. Thời hạn hoạt động của dự án là từ ngày 22 tháng 10 năm 2018 đến ngày 05 tháng 01 năm 2031 (ngày kết thúc thời hạn thuê đất). Sau khi tài sản trên đất được xây dựng, cải tạo hoặc trang bị xong sẽ được chuyển giao cho TCTC và do TCTC toàn quyền quản lý và sử dụng cho các mục tiêu của dự án cho đến khi chấm dứt thời hạn.

Không phụ thuộc vào kết quả kinh doanh của dự án, Công ty được hưởng một khoản doanh thu được chia cố định (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng) là 2 tỷ đồng/năm trong vòng 5 năm đầu tiên của thời hạn và kể từ năm thứ 6 trở đi, định kỳ 3 năm một lần, hai bên sẽ thỏa thuận lại giá trị khoản doanh thu cố định chia cho Công ty nhưng mức tăng không vượt quá 10% giá trị của khoản doanh thu cố định được hưởng của giai đoạn liền kề trước đó.

3. Các khoản công nợ tiềm tàng

Công ty hiện đang trong quá trình làm việc với Sở Tài chính, Sở Tài nguyên và Môi trường và UBND Tỉnh An Giang về cơ sở tính số tiền bị truy thu với giá trị ước tính 2,2 tỷ đồng từ sử dụng một phần diện tích đất thuê của Nhà Nước chưa đúng mục đích. Tuy nhiên đến thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Công ty chưa có quyết định chính thức từ cơ quan quản lý Nhà nước. Để đảm bảo việc thanh toán cho nghĩa vụ này, Công ty đã tiến hành trích lập quỹ dự phòng từ lợi nhuận sau thuế với số tiền 2.056.691.039 đồng trong năm 2024 và đã được cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2024 ngày 10 tháng 5 năm 2024.

4. Báo cáo bộ phận

Hoạt động chính của Công ty là xây dựng cầu các loại, sản xuất máy gặt, máy sấy các loại và bán lẻ các linh kiện liên quan đến máy gặt, máy sấy. Thông tin tài chính trình bày trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và toàn bộ doanh thu, chi phí trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 là liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh nói trên. Theo đó, không có báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh cần phải trình bày. Doanh thu, giá vốn theo từng hoạt động sản xuất kinh doanh được trình bày tại các Thuyết minh số VI.1 và VI.2.

Công ty không có hoạt động kinh doanh nào ngoài lãnh thổ Việt Nam và các hoạt động kinh doanh diễn ra tại các tỉnh thành trên cả nước không có sự tương đồng khi phân tích theo khu vực địa lý. Do vậy, Công ty không có báo cáo theo khu vực địa lý.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)**5. Sự kiện sau ngày kết thúc niên độ**

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính và đến ngày phát hành báo cáo tài chính hợp nhất này yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất.


Phan Thị Ngọc Lan Thanh
Người lập biểu
Phan Thị Ngọc Lan Thanh
Kế toán trưởng
Lê Thanh Vân
Giám đốc

Ngày 23 tháng 3 năm 2026



Văn phòng CÔNG TY

Tầng 15, Tòa nhà Center Building – Hapulico Complex
Số 1 Nguyễn Huy Tưởng, P. Thanh Xuân, TP. Hà Nội

☎ (024) 6664 2777

☎ (024) 6664 2777

✉ contact@icpa.vn

Chi nhánh SÀI GÒN

Tầng 4, Tòa nhà Hải Âu TIC

Số 39B Trường Sơn, P. Tân Sơn Nhất, TP. Hồ Chí Minh

☎ (028) 7303 2007

☎ (028) 3547 2323

✉ saigon@icpa.vn

Chi nhánh MIỀN TRUNG

Tầng 2, Số NP2-14

Đại lộ Nguyễn Hoàng, P. Hạc Thành, Tỉnh Thanh Hóa

☎ (0237) 375 8959

☎ (0237) 375 8959

✉ mientrung@icpa.vn

Chi nhánh THÀNH CÔNG

Tầng 2, Tòa nhà Nhà Việt

Số 8 Đường V.I Lê Nin, P. Vinh Phú, Tỉnh Nghệ An

☎ (0238) 268 2888

☎ (0238) 268 2888

✉ thanhcong@icpa.vn

HEAD Office

15th floor, Center Building – Hapulico Complex

1 Nguyen Huy Tuong, Thanh Xuan Ward, Ha Noi City

☎ (+ 84 24) 6664 2777

☎ (+ 84 24) 6664 2777

✉ contact@icpa.vn

SAI GON Branch

4th floor, Hai Au TIC Building

39B Truong Son, Tan Son Nhat Ward, Ho Chi Minh City

☎ (+ 84 28) 7303 2007

☎ (+ 84 28) 3547 2323

✉ saigon@icpa.vn

CENTRAL Branch

2nd floor, No. NP2-14

Nguyen Hoang Boulevard, Hac Thanh Ward, Thanh Hoa Province

☎ (+ 84 237) 375 8959

☎ (+ 84 237) 375 8959

✉ mientrung@icpa.vn

THANH CONG Branch

2nd floor, Nha Viet Building

8 V.I Lenin Street, Vinh Phu Ward, Nghe An Province

☎ (+ 84 238) 268 2888

☎ (+ 84 238) 268 2888

✉ thanhcong@icpa.vn

www.icpa.vn



CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ AN GIANG
Địa chỉ: số 839 Trần Hưng Đạo, tổ 13, khóm Bình Thới 1,
phường Bình Đức, tỉnh An Giang, Việt Nam
Điện thoại: 0296 3 953 938 - 852 969 - 854 161 - 853 051
Website: <https://cokhiangiang.com> * Email: cokhiangiang@agm.vn

An Giang, ngày 24 tháng 3 năm 2026

DỰ THẢO

TỜ TRÌNH

**Về việc thông qua kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2025
và kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2026**

**Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026
Công ty cổ phần Cơ khí An Giang**

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;
- Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Cơ khí An Giang;
- Căn cứ Quy chế nội bộ về quản trị Công ty cổ phần Cơ khí An Giang;
- Căn cứ Báo cáo tài chính riêng và hợp nhất đã được kiểm toán từ ngày 01/01/2025 đến 31/12/2025;

Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc Công ty CP Cơ khí An Giang kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2025 và kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2026 như sau:

I. Kết quả thực hiện hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2025

1. Một số chỉ tiêu theo BCTC riêng:

| STT | CÁC CHỈ TIÊU | ĐVT | Năm 2025 | | |
|-----|-----------------------------------|-----------|-------------------------|----------------|-------------|
| | | | BC riêng Cty CKAG | Cty XD CĐAG | Cty CKLX |
| 1 | Doanh thu BH&CCDV | trđ | 146.317 | 12.771 | 11.379 |
| 2 | Lãi gộp&thu nhập khác | trđ | 16.766 | (393) | 1.186 |
| 3 | Doanh thu tài chính | trđ | 67.570 | 76 | |
| 4 | Tổng chi phí quản lý | trđ | 17.693 | 2.069 | 1.426 |
| 5 | Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | trđ | 66.643 | (2.386) | (240) |
| 6 | Lợi nhuận sau thuế TNDN | trđ | 66.232 | | |
| 7 | Phải nộp ngân sách | trđ | 8.430 | 225 | 470 |
| 8 | Tổng quỹ lương | trđ | 13.659 | 1.000 | 1.432 |
| 9 | Lao động bình quân 1 tháng | Người | 141 | 13 | 17 |
| 10 | Tiền lương bình quân 1 tháng | Trđ/ng/th | 8,07 | 6,41 | 7,02 |
| 11 | Vốn chủ sở hữu | | 143.075 | 4.892 | 3.546 |
| | Trong đó vốn góp chủ sở hữu | trđ | 32.864 | 10.000 | 4.584 |





CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ AN GIANG
Địa chỉ: số 839 Trần Hưng Đạo, tổ 13, khóm Bình Thới 1,
phường Bình Đức, tỉnh An Giang, Việt Nam
Điện thoại: 0296 3 953 938 - 852 969 - 854 161 - 853 051
Website: <https://cokhiangiang.com> * Email: cokhiangiang@agm.vn

An Giang, ngày 24 tháng 4 năm 2026

TỜ TRÌNH

**Về việc thông qua kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2025
và kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2026**

**Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026
Công ty cổ phần Cơ khí An Giang**

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;
- Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Cơ khí An Giang;
- Căn cứ Quy chế nội bộ về quản trị Công ty cổ phần Cơ khí An Giang;
- Căn cứ Báo cáo tài chính riêng và hợp nhất đã được kiểm toán từ ngày 01/01/2025 đến 31/12/2025;

Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc Công ty CP Cơ khí An Giang kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2025 và kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2026 như sau:

I. Kết quả thực hiện hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2025

1. Một số chỉ tiêu theo BCTC riêng:

| STT | CÁC CHỈ TIÊU | ĐVT | Năm 2025 | | |
|-----|-----------------------------------|-----------|-------------------------|----------------|-------------|
| | | | BC riêng Cty CKAG | Cty XD CĐAG | Cty CKLX |
| 1 | Doanh thu BH&CCDV | trđ | 146.317 | 12.771 | 11.379 |
| 2 | Lãi gộp&thu nhập khác | trđ | 16.766 | (393) | 1.186 |
| 3 | Doanh thu tài chính | trđ | 67.570 | 76 | |
| 4 | Tổng chi phí quản lý | trđ | 17.693 | 2.069 | 1.426 |
| 5 | Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | trđ | 66.643 | (2.386) | (240) |
| 6 | Lợi nhuận sau thuế TNDN | trđ | 66.232 | | |
| 7 | Phải nộp ngân sách | trđ | 8.430 | 225 | 470 |
| 8 | Tổng quỹ lương | trđ | 13.659 | 1.000 | 1.432 |
| 9 | Lao động bình quân 1 tháng | Người | 141 | 13 | 17 |
| 10 | Tiền lương bình quân 1 tháng | Trđ/ng/th | 8,07 | 6,41 | 7,02 |
| 11 | Vốn chủ sở hữu | | 143.075 | 4.892 | 3.546 |
| | Trong đó vốn góp chủ sở hữu | trđ | 32.864 | 10.000 | 4.584 |

2. Một số chỉ tiêu theo BCTC hợp nhất:

| TT | CÁC CHỈ TIÊU | ĐVT | TH 2024 | Năm 2025 | | Tỉ lệ (%) so với | |
|----|-----------------------------------|--------|------------|-------------|--------------|------------------|------------|
| | | | | Kế hoạch | Thực hiện | Kế hoạch | Cùng kỳ |
| | | | 1 | 2 | 3 | 4=3/2 | 5=3/1 |
| 1 | Tổng doanh thu | trđ | 219.957 | 230.000 | 238.115 | 103,53 | 108,26 |
| | - Doanh thu hợp nhất | trđ | 182.953 | 197.000 | 162.421 | 82,45 | 88,78 |
| | - Doanh thu nội bộ | trđ | 13.610 | 15.000 | 8.047 | 53,65 | 59,13 |
| | - D.thu hoạt động tài chính | trđ | 23.394 | 18.000 | 67.647 | 375,82 | 289,16 |
| 2 | Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | trđ | 24.081 | 22.400 | 67.035 | 299,26 | 278,37 |
| 3 | Lợi nhuận sau thuế TNDN | trđ | 23.783 | 21.560 | 65.204 | 302,43 | 274,16 |
| 4 | Lãi cơ bản trên cổ phiếu | đồng | 5.306 | 5.157 | 15.751 | 305,43 | 296,85 |
| 5 | Phải nộp ngân sách | trđ | 13.324 | 11.595 | 9.125 | 78,70 | 68,49 |
| 6 | Tổng quỹ lương | trđ | 15.907 | 18.090 | 16.091 | 88,95 | 101,16 |
| 7 | Lao động bình quân 1 tháng | Người | 178 | 199 | 171 | 85,93 | 96,07 |
| 8 | Tiền lương bình quân 1 tháng | trđ/ng | 7,45 | 7,58 | 7,84 | 103,51 | 105,30 |

- Trong năm 2025 Tổng doanh thu công ty đạt 238.115 triệu đồng đạt 103,53% so với kế hoạch và đạt 108,26% so với cùng kỳ.

- Lợi nhuận sau thuế năm 2025 đạt 65.204 triệu đồng đạt 302,43% so với kế hoạch và đạt 274,16% so với cùng kỳ.

- Trong năm 2025 tại BCTC riêng Công ty đã trích lập thêm dự phòng như sau:

+ Dự phòng nợ phải thu khó đòi: 4.096 triệu đồng

+ Dự phòng Hàng tồn kho: 819 triệu đồng

+ Dự phòng khoản CKLX vay CKAG: 240 triệu đồng

+ Dự phòng tổn thất tài chính tại 2 Cty con: 2.592 triệu đồng

- Công ty đã hoàn nhập dự phòng nợ phải thu khó đòi là 683 triệu đồng và Hàng tồn kho là 67 triệu đồng

- Trong BCTC hợp nhất đã trích lập thêm dự phòng hàng tồn kho và nợ phải thu khó đòi tại 2 Công ty con là 102 trđ.

II. Kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh (SXKD) năm 2026

1. Các chỉ tiêu kế hoạch SXKD chủ yếu:

| TT | CÁC CHỈ TIÊU | ĐVT | Kế hoạch Năm 2026 | Thực hiện Năm 2025 | Tỉ lệ (%) KH.2026/ TH.2025 |
|----|-----------------------------------|--------|----------------------|-----------------------|----------------------------------|
| | | | 1 | 2 | 3=1/2 |
| 1 | Tổng doanh thu | trđ | 228.000 | 238.115 | 95,75 |
| | - Doanh thu hợp nhất | trđ | 178.000 | 162.421 | 109,59 |
| | - Doanh thu nội bộ | trđ | 10.000 | 8.047 | 124,27 |
| | - D.thu hoạt động tài chính | trđ | 40.000 | 67.647 | 59,13 |
| 2 | Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | trđ | 44.940 | 67.035 | 67,04 |
| 3 | Lợi nhuận sau thuế TNDN | trđ | 44.000 | 65.204 | 67,48 |
| 4 | Lãi cơ bản trên cổ phiếu | đồng | 10.589 | 15.751 | 67,23 |
| 5 | Phải nộp ngân sách | trđ | 9.600 | 9.125 | 105,21 |
| 6 | Tổng quỹ lương | trđ | 17.700 | 16.091 | 110,00 |
| 7 | Lao động bình quân 1 tháng | Người | 191 | 171 | 111,70 |
| 8 | Tiền lương bình quân 1 tháng | trđ/ng | 7,72 | 7,84 | 98,48 |

2. Một số giải pháp thực hiện:

- Tiếp tục thực hiện củng cố, giữ vững các thị trường hiện có và đẩy mạnh công tác tiếp thị, mở rộng thị trường trong và ngoài nước, ưu tiên đào tạo nâng cao kỹ năng chuyên môn cho đội ngũ phòng Kế Hoạch – Kinh Doanh.

- Tiếp tục thực hiện đa dạng hóa các lĩnh vực sản xuất kinh doanh xây dựng, thi công công trình cầu, đường và công trình thủy lợi.

- Thường xuyên tìm kiếm cơ hội liên danh hợp tác với các đối tác lớn thực hiện dự án để nâng cao năng lực, uy tín và thương hiệu của công ty.

- Tăng cường công tác chăm sóc khách hàng sau bán hàng, lắng nghe phản hồi từ khách hàng để cải thiện dịch vụ và sản phẩm của công ty.

- Đẩy mạnh việc nghiên cứu phát triển sản phẩm mới để kịp thời đáp ứng nhu cầu của thị trường và khách hàng, đồng thời chú trọng phát triển hệ thống công nghệ thông tin phục vụ tốt cho công tác nhân sự và kinh doanh nhằm đem lại hiệu quả trong công tác kinh doanh.

- Tiếp tục củng cố tinh gọn bộ máy quản lý và hoàn thiện hệ thống Quản trị Doanh nghiệp.

- Toàn thể cán bộ nhân viên và người lao động đẩy mạnh việc thực hiện tiết kiệm trong mọi hoạt động, nghiêm túc tự giác thực hiện đúng các Quy chế và Quy định của Công ty. Bên cạnh đó Ban Giám đốc phối hợp với lãnh đạo các đoàn thể có kế hoạch hỗ trợ chăm lo đời sống vật chất và tinh thần của người lao động ngày càng tốt hơn.

- Tăng cường kiểm soát chi phí quản lý và sản xuất đảm bảo hiệu quả hoạt động kinh doanh, đẩy mạnh công tác thu hồi công nợ đặc biệt các công nợ tồn đọng nhiều năm, tối ưu dòng tiền phần đầu việc vay vốn lưu động trong năm phù hợp với hoạt động SXKD, đẩy mạnh tiêu thụ hàng tồn kho, hạn chế tối đa việc nhập hàng hóa không cần thiết.

- Công ty tiếp tục đầu tư đổi mới công nghệ theo hướng tự động hóa nhằm giảm thiểu các chi phí, tăng năng suất, cải thiện chất lượng sản phẩm, từ đó tăng lợi thế cạnh tranh.

- Duy trì hiệu lực Hệ thống quản lý chất lượng sản phẩm theo tiêu chuẩn ISO 9001-2015 và 5S, đẩy mạnh công tác thi đua sáng kiến cải tiến liên tục.

Trên đây là tờ trình báo cáo tổng kết hoạt động SXKD năm 2025 và kế hoạch SXKD năm 2026.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT, BKS;
- Lưu P.TCHC

GIÁM ĐỐC

LÊ THANH VÂN



CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ AN GIANG
Địa chỉ: số 839 Trần Hưng Đạo, tổ 13, khóm Bình Thới 1,
phường Bình Đức, tỉnh An Giang, Việt Nam
Điện thoại: 0296 3 953 938 - 852 969 - 854 161 - 853 051
Website: www.cokhiangiang.com * Email: cokhiangiang@agm.vn

An Giang, ngày 24 tháng 4 năm 2026

TỜ TRÌNH
Về việc phân phối lợi nhuận và chi trả cổ tức năm 2025

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026
Công ty cổ phần Cơ khí An Giang

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;

Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Cơ khí An Giang;

Căn cứ Quy chế nội bộ về quản trị Công ty cổ phần Cơ khí An Giang;

Căn cứ Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 31/12/2025;

Căn cứ kết quả phiên họp ngày 23/4/2026 của Hội đồng quản trị Công ty CP Cơ khí An Giang.

Hội đồng quản trị (HĐQT) Công ty CP Cơ khí An Giang kính trình Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) thông qua phương án phân phối lợi nhuận và chi trả cổ tức năm 2025 như sau:

I. Phương án phân phối lợi nhuận năm 2025

| TT | Chỉ tiêu | Số tiền (đồng) |
|----|---|----------------|
| 1 | Vốn điều lệ (VĐL) | 32.864.040.000 |
| 2 | Lợi nhuận chưa phân phối năm trước còn lại | 32.719.328.419 |
| 3 | Lợi nhuận sau thuế năm 2025 | 65.204.163.671 |
| 4 | Phân phối lợi nhuận | 56.237.888.918 |
| | a. Trích lập quỹ | 16.801.040.918 |
| | - Quỹ khen thưởng phúc lợi (20%) | 13.040.832.734 |
| | - Quỹ thưởng Ban điều hành | 400.000.000 |
| | - Quỹ khen thưởng phúc lợi trích thêm 5% do công ty hoàn thành chỉ tiêu lợi nhuận vượt kế hoạch | 3.260.208.184 |
| | - Quỹ thưởng Ban điều hành do công ty hoàn thành chỉ tiêu lợi nhuận vượt kế hoạch | 100.000.000 |
| | b. Chia cổ tức bằng tiền mặt (120% VĐL) | 39.436.848.000 |
| 5 | Lợi nhuận còn lại chưa phân phối | 41.685.603.172 |

II. Phương án chi trả cổ tức năm 2025

Kính đề nghị ĐHĐCĐ thông qua phương án chi trả cổ tức năm 2025 như sau:

1. Mức chi trả cổ tức năm 2025: 12.000 đồng/cổ phiếu.
2. Hình thức chi trả: Bằng tiền mặt.
3. Tổng số tiền chi trả cổ tức: 39.436.848.000 đồng.
4. Nguồn chi trả: Từ Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2025 đã được kiểm toán.
5. Tổ chức thực hiện: ĐHĐCĐ ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định thời điểm chi trả và chỉ đạo thực hiện việc chi trả.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT, BKS;
- Lưu P.TCHC.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



TRẦN QUÂN ANH



CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ AN GIANG
Địa chỉ: số 839 Trần Hưng Đạo, tổ 13, khóm Bình Thới 1,
phường Bình Đức, tỉnh An Giang, Việt Nam
Điện thoại: 0296 3 953 938 - 852 969 - 854 161 - 853 051
Website: <https://cokhiangiang.com> * Email: cokhiangiang@agm.vn

An Giang, ngày 24 tháng 4 năm 2026

TỜ TRÌNH

Về việc chi trả thù lao của HĐQT&BKS năm 2025 và kế hoạch năm 2026

**Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026
Công ty cổ phần Cơ khí An Giang**

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;
- Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Cơ khí An Giang;
- Căn cứ Quy chế nội bộ về quản trị của Công ty cổ phần Cơ khí An Giang;
- Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2025 ngày 10/5/2025;

Hội đồng quản trị Công ty CP Cơ khí An Giang kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua việc chi trả thù lao của HĐQT, BKS năm 2025 và kế hoạch năm 2026 như sau:

I/. Báo cáo chi trả thù lao cho HĐQT và BKS năm 2025:

Công ty đã thực hiện chi trả đầy đủ theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025.

II/. Kế hoạch chi trả thù lao cho HĐQT và BKS năm 2026:

Hội đồng quản trị Công ty xin trình mức thù lao của HĐQT và BKS năm 2026 là: 390.000.000 đồng (Ba trăm chín mươi triệu đồng), chi tiết như sau:

| TT | Họ và tên | Chức vụ | Thù lao/năm (đồng) |
|------------------|-------------------------------------|------------|--------------------|
| I | Hội đồng quản trị | | |
| 1 | Trần Quân Anh | Chủ tịch | 60.000.000 |
| 2 | Đổng Trọng Nghĩa | Thành viên | 48.000.000 |
| 3 | Lê Thanh Vân | Thành viên | 48.000.000 |
| 4 | Trần Văn Thái | Thành viên | 48.000.000 |
| 5 | Huỳnh Văn An | Thành viên | 48.000.000 |
| II | Ban kiểm soát | | |
| 1 | Nguyễn Thành Nghề | Trưởng ban | 48.000.000 |
| 2 | Nguyễn Đức Hiền | Thành viên | 30.000.000 |
| 3 | Nguyễn Văn Tính | Thành viên | 30.000.000 |
| III | Người phụ trách quản trị Cty | | |
| 1 | Phan Thị Ngọc Lan Thanh | | 30.000.000 |
| TỔNG CỘNG | | | 390.000.000 |

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT, BKS;
- Lưu P.TCHC.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



TRẦN QUÂN ANH



CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ AN GIANG

Địa chỉ: số 839 Trần Hưng Đạo, tổ 13, khóm Bình Thới 1,
phường Bình Đức, tỉnh An Giang, Việt Nam

Điện thoại: 0296 3 953 938 - 852 969 - 854 161 - 853 051

Website: <https://cokhiangiang.com> * Email: cokhiangiang@agm.vn

An Giang, ngày 24 tháng 4 năm 2026

TỜ TRÌNH

Về việc ủy quyền cho Hội đồng quản trị đánh giá, lựa chọn Công ty kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2026

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026
Công ty cổ phần Cơ khí An Giang

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020,

Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019;

Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Cơ khí An Giang;

Căn cứ Quy chế nội bộ về quản trị Công ty cổ phần Cơ khí An Giang.

Thực hiện quyền hạn và nghĩa vụ được quy định tại Điều lệ và các quy định của pháp luật, Ban kiểm soát Công ty cổ phần Cơ khí An Giang (CKAG) kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 phê duyệt các tiêu thức lựa chọn và danh sách công ty kiểm toán thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2026 của CKAG như sau:

1. Các tiêu thức lựa chọn công ty kiểm toán độc lập

- Là công ty hoạt động hợp pháp tại Việt Nam và được Ủy ban chứng khoán Nhà nước chấp thuận kiểm toán đơn vị có lợi ích công chúng thuộc lĩnh vực chứng khoán năm 2025 và 2026;
- Không xung đột quyền lợi khi kiểm toán báo cáo tài chính cho CKAG;
- Có nhiều kinh nghiệm kiểm toán đối với các công ty đại chúng tại Việt Nam;
- Có uy tín về chất lượng kiểm toán;
- Đội ngũ kiểm toán có trình độ cao và nhiều kinh nghiệm kiểm toán trong lĩnh vực kinh doanh của CKAG;
- Đáp ứng được các yêu cầu của CKAG về phạm vi và tiến độ kiểm toán;
- Có mức phí kiểm toán hợp lý, phù hợp với chất lượng kiểm toán và phạm vi kiểm toán.

2. Danh sách các công ty kiểm toán đề xuất lựa chọn

Với các tiêu thức lựa chọn nêu trên, Ban kiểm soát đề xuất 04 (bốn) đơn vị kiểm toán để đưa vào danh sách lựa chọn việc cung cấp dịch vụ kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2026, gồm:

- Công ty TNHH Kiểm toán CPA Việt Nam;
- Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY;

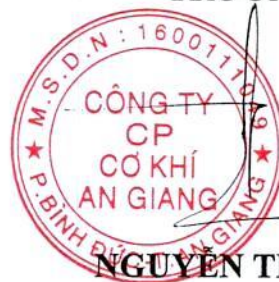
- Công ty TNHH Kiểm toán Quốc Tế-Chi nhánh Sài Gòn.
- Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC;

3. Ý kiến của Ban kiểm soát

Ban kiểm soát kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua việc ủy quyền cho Hội đồng quản trị Công ty đánh giá và quyết định lựa chọn một trong số các Công ty Kiểm toán theo đề xuất của Ban kiểm soát nêu tại mục 2 theo các tiêu thức nêu tại mục 1, theo quy định của pháp luật và giao Giám đốc Công ty thương thảo, ký kết hợp đồng cung cấp dịch vụ kiểm toán với công ty kiểm toán được lựa chọn để thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2026 của Công ty cổ phần Cơ khí An Giang.

Trân trọng./.

TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN



NGUYỄN THÀNH NGHÈ



CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ AN GIANG
Địa chỉ: số 839 Trần Hưng Đạo, tổ 13, khóm Bình Thới 1,
phường Bình Đức, tỉnh An Giang, Việt Nam
Điện thoại: 0296 3 953 938 - 852 969 - 854 161 - 853 051
Website: <https://cokhiangiang.com> * Email: cokhiangiang@agm.vn

An Giang, ngày 24 tháng 4 năm 2026

TỜ TRÌNH

**Về việc giải thể Công ty con: Công ty TNHH Một thành viên
Xây Dựng Cầu Đường An Giang**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026
Công ty cổ phần Cơ khí An Giang

*Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020,
Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Cơ khí An Giang;*

Căn cứ Quy chế nội bộ về quản trị Công ty cổ phần Cơ khí An Giang.

Hội đồng quản trị (HĐQT) Công ty CP Cơ khí An Giang báo cáo về Công ty con: Công ty TNHH Một thành viên Xây Dựng Cầu Đường An Giang và kính trình Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) thông qua các nội dung sau:

1. Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua chủ trương về việc Giải thể Công ty TNHH Một thành viên Xây Dựng Cầu Đường An Giang vì lý do sau đây:

- Hiện nay Công ty có doanh thu tuy nhiên lỗ lãi gộp dẫn đến lỗ lợi nhuận trước thuế; tính đến ngày 31/12/2025 Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối đã lỗ lũy kế 5.400.886.252 đồng.

- Hội đồng quản trị đã họp xem xét nhiều lần nhưng vẫn không có giải pháp nào mang lại hiệu quả cho công ty và cổ đông vì vậy nhằm bảo toàn và giảm thiệt hại vốn cổ đông thì phương án giải thể Công ty TNHH Một thành viên Xây Dựng Cầu Đường An Giang là tối ưu nhất cho cổ đông.

2. Ý kiến của Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị kính trình đến Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị thay mặt Đại hội đồng cổ đông ra quyết định và xử lý toàn bộ các vấn đề khác phát sinh liên quan đến việc giải thể Công ty TNHH Một thành viên Xây Dựng Cầu Đường An Giang. Các quyết định và biện pháp xử lý này của Hội đồng quản trị phải dựa trên cơ sở đảm bảo tốt nhất cho lợi ích cổ đông.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT, BKS;
- Lưu P.TCHC.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH



TRẦN QUÂN ANH